NAM-PHONG TAP-CHÍ

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-bút kiêm Quản-lý } PHẠM QUỲNH

Tome XI

N°s 61 - 66

JUILLET — DÉCEMBRE

1922

IN
ĐÔNG - KINH ẤN - QUÁN Imprimerie Tonkinoise
80-82, Rue du Chanvre, Hanoi.

1923

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỂN THỨ XI (*từ số 61 đến số 66*)

Số 61 — Juillet 1922

	Số trang
Vấn-đề thiết-lập ra các Ấu-trĩ-viên của hội Khai-trí tiến-đức.	1
Ấu-trĩ-viên ca.	7
Một sự điều-tra quan-hệ đến tiền-đồ một dân-tộc.	11
Lời phẩm-bình sách quốc-ngữ trong nhà giáo.	13
Lược-khảo về bộ luật mới Bắc-kỳ. (V).	16
Văn-học-sử nước Tàu. (VI).	23
Nam-Tống du-đàm.	29
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. (XII).	25
Văn-uyển : thơ và dịch văn : Câu chuyện người bán cam.	43
Dư-luận Nam-kỳ.	49
Triết-học tiểu-thuyết : Cổ-Liên nữ-sĩ.	51
Chuyện lạ ngoại-quốc.	63
Thời-đàm.	66
Tập kỷ-yếu của hội Khai-trí tiến-đức.	70

Số 62 — Août 1922

Kính-cáo các ngài hội-viên hội Khai-trí tiến-đức.	77
Chánh-sách của nước France đối với thuộc-địa và đối riêng với Đông-Pháp.	80
Luận về nghĩa trời đất người.	88
Một bài học khôn về việc chánh-trị.	101
Việt-Nam Thanh-niên hội.	104
Bản dự-thảo về qui-tắc Ấu-trĩ-viên.	109
Muốn chấn-hưng phong-hóa thời phải [illegible]-cách mọi đường sinh-hoạt của quốc-dân.	110
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử.	127
Văn-uyển.	134
Dư-luận (Cải-ương hương-chính).	137
Triết-học tiểu-thuyết : Cổ-Liên nữ-sĩ. (II).	139
Thời-đàm.	144
Tập kỷ-yếu của hội Khai-trí [illegible]ến-đức — [illegible]ắc Ấu-trĩ-viên.	153

Số 68 — Septembre 1922

Số

Ấu-trĩ-viên. . . . . .
Y-học khảo. . . . . .
Cuộc đi quan-phong làng Thượng-cát. . . . . .
Văn-học-sử nước Tàu. (VII). . . . . .
Vấn-đề thể-dục. . . . . .
Cái hại tảo-hôn phải kíp đem trừ. . . . . .
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. (XIII). . . . . .
Văn uyển. . . . . .
Chuyện ngoại-quốc. . . . . .
Dự [illegible] lập một « Văn-học-ban » trong hội Khai-trí tiến-đức. . . . . .
Bài diễn-từ của bản-chí chủ-bút Phạm Quỳnh ở hội Khai-trí. . . . . .
Pháp-du hành-trình nhật-ký. Bài thứ IV. . . . . .
Thời-đàm. . . . . .
Tập kỷ-yếu của hội Khai-trí tiến-đức — Qui-tắc Ấu-trĩ-viên. . . . . .

Số 64 — Octobre 1922

Thuật chuyện du-lịch ở Paris. . . . . .
Lập Ấu-trĩ-viên ích-lợi như thế nào ? . . . . . .
Khảo-luận về cách hài-văn. . . . . .
Văn-học-sử nước Tàu. (VIII). . . . . .
Bộ sách mới, ông nghề mới. . . . . .
Văn-uyển. . . . . .
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. (XIV). . . . . .
Dư-luận (nên đúc tượng hai bà Trưng). . . . . .
Thời-đàm. . . . . .
Tập kỷ-yếu của hội Khai-trí tiến-đức. . . . . .

Số 65 — Novembre 1922

Khảo về cỗi rễ « Ấu-trĩ-viên ». . . . . .
Pháp-du hành-trình nhật-ký. V. . . . . .
Lịch-sử dân-tộc ta khai-thác về cõi Nam-thi. . . . . .
Nho-giáo I. . . . . .
Vấn-đề tiếng ta chữ ta. . . . . .
Đoản-thiên tiểu-thuyết mới. . . . . .
Thế nào là hư-văn ? . . . . . .
Văn-uyển. . . . . .
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. XV. . . . . .
Thời-đàm. . . . . .
Tập kỷ-yếu của hội Khai-trí tiến-đức. . . . . .

Số 66 — Décembre 1922

Số trang

Một bậc vĩ-nhân trong khoa-học đời nay : ông Pasteur. 419
Pháp-du hành-trình nhật-ký. VI. 433
Nho-giáo. II. 439
Du-lịch về phía Nam nước Tàu. I. 456
Tân cựu điều-hòa. 471
Tiểu-thuyết cổ : Lĩnh-nam dật-sử. XVI 474
Triết-học tiểu-thuyết : Cổ-Liên nữ-sĩ. III. 482
Văn-uyển. 491
Thời-đàm. 495
Tập kỷ-yếu của hội Khai-trí tiến-đức. 502

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

số trang

Que devons-nous faire pour encourager les poètes et les artistes à cultiver le beau ? 1
Œuvre des « Ấu-trĩ-viên » — Règlement. 61
Notice sur l'œuvre des « Ấu-trĩ-viên » au Tonkin. 65
La poésie annamite. 75
Essai sur les concepts fondamentaux de la Médecine sino-annamite. (Khảo về nguyên-lý nghề thuốc ở nước Tàu và nước Ta). 101
L'évolution annamite et le rôle de l'A. F. I. M. A. (Sự tiến-hóa của dân An-Nam và chức-vụ Hội Khai-trí). 122
L'évolution intellectuelle et morale des Annamites depuis l'établissement du Protectorat français (Sự tiến-hóa về đường tinh-thần của người Việt-Nam tự khi nước Việt-Nam lập Bảo-hộ). I. 125
Le Centenaire de Pasteur (Lễ Bách-niên-niệm ông Pasteur). 140

VẤN-ĐỀ THIẾT-LẬP RA CÁC ẤU-TRỈ-VIÊN

CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Cái hại bần-khốn ở nước Việt-Nam ta cũng như ở các nước khác bên Viễn-đông và Ấn-độ, thật là một cái vấn-đề về xã-hội khó giải-quyết.

Ở Ơ-rốp thì chỉ có những chốn thợ thuyền tụ họp đông là hay mắc cái tai-nạn ấy thôi.

Á-châu thì khác hẳn. Những xứ hãy còn ở trong thời-kỳ canh-nông như là Bắc-kỳ và Trung-kỳ ta ruộng ít, dân nhiều, thì chỉ những chốn thôn quê là hay bị cái nạn bần-khốn ; mà cái nạn ấy lại dữ dội nhất cho những miền cày cấy riêng một thứ, thuộc về đồng-bằng Bắc-kỳ và những tỉnh men bờ biển Trung-kỳ, là những nơi cứ hai ba năm lại bị đói kém cực khổ.

Ở bên Ơ-rốp bao nhiêu những cái tình-trạng khốn-khó của xã-hội thường tụ lại ở chỗ thị-thành, cho nên dễ tìm cách (hoặc là vĩnh-viễn, hoặc là tạm thời mà chống với cái hại bần khốn).

Bên Á-châu và nhất là ở nước ta, vì bao nhiêu những cái tình-trạng khốn-khổ của xã-hội thường rải-rắc ra khắp mọi nơi, năm nào cũng như năm nào, mà cái số bần-dân lại là một số rất nhiều, cho nên cái phương-pháp cứu-bần thật là khó.

Tuy rằng Đông-Pháp Chánh - phủ chưa lập ra một phương - pháp đích-đáng để cứu sự bần-khốn, nhưng cũng nên biết rằng nhà nước Bảo-hộ cũng đã trù-liệu được nhiều phương sách kinh-tế, như là mở mang nghề nuôi tằm, việc dẫn-thủy-nhập-điền, mở mang đường sá ; cùng là đường lối giao-thông tiện-lợi, để tiện cách di-túc di-dân, dựng cuộc y-tế, chẩn-bần vân vân thì cũng đã trực-tiếp cứu-tai tuất-nạn cho nhân-dân được nhiều.

Chắc rằng nhờ có các phương-sách ấy, cách sinh-hoạt chung của dân-gian cũng có cơ được thịnh - lợi mà lại cũng có thể trừ bớt được cái sự nghèo-nàn.

Nhưng cái cơ-quan hành - động của Chánh-phủ hoặc phải đợi lâu năm mới trông thấy kết-quả hoặc thi - hành ra có giới-hạn thôi, vì phải lượng theo số dự-toán. Bởi-thế những cảnh - trạng nghèo-nàn ở chốn thôn - quê tuy rằng có bổ-cứu được một đôi chút, nhưng mà kể cả toàn - thể, thì vẫn y - nhiên khốn-khổ còn lâu.

Bây giờ lấy cái nghị - lực của một đoàn-thể tư-nhân há lại không có thể giúp thêm, thế vào hay bổ-khuyết cho các cơ-quan hành-động của Chánh-phủ hay sao ?

Hội Khai-trí-tiến-đức ta là một Hội đã tự-nhận lấy cái chức - trách đứng trông nom những việc tiến - hóa trong xã-hội An - Nam, thì chắc là có thể đảm - đương được công việc ấy. Kỳ đại-hội-đồng mới rồi, nhân hội-đồng đã biểu đồng-tình, nên hội-đồng quản-trị quyết tìm phương liệu - bần cứu-khổ, là một cái vấn-đề xã-hội thiết-yếu đệ-nhất ở xứ này.

Cứ sức Hội ta tưởng có thể làm được như sau này :

I. — Giao cho các hội-viên ở các thành nghiên-cứu các khoản cốt-yếu về vấn-đề ấy, công - bố những phương-pháp có thể trừ được hại bần-khốn, cổ - động cho nhân - dân đến ở những nơi hoang - địa mà khai-khẩn ; khuyến-khích những cuộc dự-phòng cứu-tế xã-hội vân-vân. . .Những công việc trên này Hội ta chỉ mất công nghiên-cứu cổ-động hộ mà thôi.

II. — Khởi-phát ra những công-cuộc

riêng để cứu-tế, về công-cuộc này cần phải dự-định phương-sách, vì những công việc ấy phải phí - tổn nhiều tiền không phải dễ có đủ được. Hội - đồng quản-trị vẫn biết rằng : « Làm ôm đồm quá thì không được vững vàng », nên hãy chủ tâm giới-hạn lực - hành vào một cái phạm-vi rõ ràng, để có thể làm được việc có ích ngay.

Bởi thế Hội mới xướng lập ra các «Ấu-trĩ-viên ».

. . .

Ấu-trĩ-viên

Ba chữ Ấu-trĩ-viên, 幼稚園 là chữ văn Tàu nghĩa là cái « vườn của trẻ con » ; bên Nhật-bản dùng ba chữ ấy để chỉ các viện bảo-dục anh-nhi, giống như những viện mà hội Khai-trí Tiến-đức định khởi-lập ra ở xứ Bắc-kỳ. Nước Nhật-bản vốn là một nước kỹ-nghệ nên các Ấu-trĩ-viên của Nhật-bản nguyên là mô-phỏng cách-thức các « vườn Ấu-trĩ » ở các thành-thị đông người công-nghệ (phía Bắc nước France, Allemagne) bên Europe mà lập ra.

Ta cũng mượn ba chữ « Ấu-trĩ-viên » để chỉ những viện Hội ta sắp đặt ra, vì ba chữ ấy có cái ý-vị văn-chương rất chuộng ở đất Viễn-đông này mà lại không phô bày cái mục-đích cứu giúp ra, nên không có thể mếch lòng những người cùng túng được. Nhưng mà các công-cuộc của Hội ta sắp sáng-lập ra đây không cần phải theo đúng cái qui-mô của các bảo-dục-anh-nhi-viện ở Ơ-rốp và ở Nhật-bản, vì những lẽ ta sẽ nói sau này. Tuy vậy cái mục-đích đối với xã-hội cũng chẳng khác vì chỉ cốt : « Bảo - trợ cho những hài-nhi bị phải cảnh bần-khốn ».

Tình-trạng chốn thôn-quê. — Ai đã đi qua những làng Trung-châu Bắc-kỳ hay là những tỉnh phía Bắc Trung-kỳ, thì biết rằng trong một làng người giàu có phong-lưu vào mặt đàn an trong làng thời ít, mà người nghèo-nàn khốn-khổ thì rất nhiều. Bọn dân nghèo ấy là những người « cùng-đinh hạ-hộ » thường không có gì sốt mà có chăng nữa cũng chỉ một cái lều tranh một miếng đất con, cách sinh-nhai thật không đủ nuôi thân, nuôi nhà ; người thì đi làm thuê cho những nhà phú hộ công-sá chả được bao ; người thì quanh năm phải đi làm cu-li để kiếm ăn. Cái cảnh-khổ của người phải đi làm thuê làm mướn của nước Nam không giống như cái cảnh khổ của những người nhà quê nước France. Ở nước France người nào có khổ lắm cũng là kiếm được đủ ăn. Mà những người khổ như thế cũng ít có. Ở nước Nam ta người nhà quê thuộc về hạng cùng-đinh dù hết sức làm - lụng thường cũng không khỏi đói khát. Nói rằng những nhân-dân ở trong các tỉnh Trung châu Bắc-kỳ và nhiều miền Trung-kỳ phần nhiều làm khó nhọc cả năm, mà ngày ba tháng tám chỉ được ăn một bữa, nói như thế là tả đúng cái cảnh khổ của dân An-Nam, mà cái câu nói đó ai cũng công-nhận là có sự thực.

Lại có nơi gạo kém chỉ dành cho những người già yếu xơi, còn những người khỏe phải nấu ngô khoai mà ăn.

Cái cảnh bần-khổ ấy thật là nhiều nỗi đáng thương, mà thảm thương nhất là nỗi nhiều nhà nghèo - khổ ở chốn thôn-quê không có thể trông nom nuôi nấng được những lũ trẻ con còn măng sữa cho được phải chăng.

Lũ trẻ-con ấy không những là không được nuôi nấng tử tế lại còn thường bị bỏ liều trơ-vơ, sáng sớm ngày ra, mẹ đã đem cơm nguội còn thừa hôm trước nớm cho con rồi để con ở nhà mà đem thân đi làm thuê làm mướn hoặc đi buôn bán đường xa. Còn những đứa trẻ lên ba lên năm tuổi thì cả ngày mẹ giao mặc cho đứa anh đứa chị nó bế dắt nhau, hoặc nhờ những bà già lụ-khụ

hay là người láng giềng trông nom hộ.

Cũng có khi bố mẹ đi làm, sợ con chơi bời nhỡ sẩy ra sự gì nên giốt nó ở trong nhà; mà chẳng cứ mùa nào, đứa bé chỉ có một cái áo bần thỉu ở trên mình.

Ai mà lưu-tâm quan-sát đến cái tình-cảnh trẻ con thì thấy ngay nhiều cái tình-trạng đáng kinh đáng sợ. Cái lẽ anh-nhi bị yểu-tử cũng là lẽ thường, mà cái lẽ khỏe sống yếu thác cũng là cái công-lệ đào-thải tự-nhiên. Nhưng xem ra những đứa trẻ còn sống ở xứ [illegible] phần [illegible] cũng không được [illegible] tinh - anh tráng - kiện. Số trẻ con bị bệnh về não-chất hoặc bị bệnh [illegible] thân-thể rất nhiều. Như có một làng ở Hưng-yên, trong 100 đứa trẻ con chưa đầy 10 tuổi thì thấy có đến 70 đứa hoặc bị chột bị mù, hoặc ghẻ lở hay là bị bệnh ngơ-ngẩn. Còn 30 đứa tuy vô-bệnh mà cũng không phải là thực khỏe-mạnh.

Lại còn nhiều làng thấy có nhà trẻ con lên ba, bốn tuổi cả ngày chỉ buộc vào cột nhà; lại có nhà khi đi làm vắng đem trẻ con để chơi trong hố đất, phóng - uế nhê - nhết cả ra, mà cứ phải ngồi nguyên dưới hố mãi đến khi bố mẹ về. Cái đó là nguyên bố mẹ đứa bé đi vắng, ở nhà không ai trông nom sợ con đi chơi nhỡ ngã xuống ao chuôm.

Đó là mới nói một vài điều, chứ cứ xét kỹ trong các làng thì còn thấy nhiều cái cảnh khổ nữa. Nói tóm lại thì ở chốn nhà-quê dân-gian chia ba quá hai phần là người bần-khốn, phải bỏ liều con thơ không hề có chút vệ-sinh. Bởi không có người biết cách trông nom, nên đến nỗi nhiều đứa để chơi bầu-thỉu quá chừng. Không phải là người Việt - Nam ta không yêu con trẻ, nhưng chính là tại không biết cách trông nom, mà dầu có biết chăng nữa, thực-tình cũng không sao có thể nào làm được.

Tình-trạng những đứa trẻ mới đẻ còn phải nuôi sữa, cũng rất thảm. Nhiều đứa thật là mới lọt lòng mẹ ra đã phải đầy vào kiếp « bú mày » nghĩa là ăn mày sữa.

Bây giờ muốn tìm cách bổ-cứu về tình - cảnh ấy, ngoài cái cách Nhà-nước thỉnh-thoảng phái người đến diễn-giảng về vệ-sinh — là một cái cách không có hiệu-nghiệm gì mấy — thì có phương-sách gì hay để bổ-cứu cho tình-cảnh ấy không ?

Hội Khai-trí-tiến-đức ta nay muốn tỏ cho mọi người biết rằng, nếu biết cách dụng-công mà thực-hành phương cứu-tế, thì độ trong vài năm có thể cứu được cái cảnh-trạng con trẻ khốn khổ ấy là cái cảnh - trạng do ở bệnh nghèo mà sinh ra. Cái phương-sách ấy là dần lập ra « Ấu-trĩ-viên » khắp mọi nơi.

. . .

Cách lập Ấu-trĩ-viên

Ở Bắc-kỳ làng nào cũng có đình, chùa, miếu, quán; những nơi ấy mỗi năm chỉ khi làng vào đám mới phải cần đến mấy ngày, còn thường thì vẫn bỏ không.

Khi định lập Ấu-trĩ-viên ở làng nào, thì Hội nên mượn một nơi đó, xem có cần thì xếp đặt qua lại để làm nơi bảo-dưỡng trẻ con, rồi giao cho một bà bảo-mẫu trông-nom.

Công-việc của người bảo-mẫu phải làm rất giản-dị. Phàm những người bần-khổ trong làng, dắt con cái lại, thì người bảo-mẫu phải nhận mà bảo-quản. Chỗ để làm Ấu-trĩ-viên thường phải cho rộng-rãi, để bảo-mẫu trông nom cho con trẻ chơi đùa; bảo-mẫu phải giữ gìn cho chúng nó sạch - sẽ, phải tắm rửa cho chúng nó; mỗi ngày cho ăn hai bữa (cơm để cho ăn thì hoặc của bố mẹ đứa bé đem đến hoặc của làng hay Hội tư-cấp). Khi trẻ con có chốc mụn, đau mắt, thì bảo-

mẫu phải biết cách điều-trị. Công việc của bảo-mẫu chỉ có thế thôi.

Trong Ấu-trĩ-viên chỉ nhận trông nom con trẻ từ 7 tuổi trở lại (7 tuổi là tuổi đi học), vì từ 7 tuổi trở lên hoặc đứa bé đã biết đi ra tập việc ngoài đồng, thì đã đủ sức mạnh biết tự-vệ, hoặc đứa bé đã có thể cho đi học, thì việc trông nom về sự vệ-sinh của nó đã có thày giáo dạy nó.

Cách lựa chọn các Bảo-mẫu 保姆.

Trong các bậc trung hay thường ở nữ-lưu An-Nam ta vốn có nhiều người sẵn lòng làm việc phúc-đức, như là các bà hóa chồng hay hiếm con. Nhưng vì trong xã-hội An-Nam không biết cách lợi-dụng, nên tuy có hằng-tâm mà không có thiện-nghiệp ma làm. Bây giờ hội Khai-trí-tiến-đức ta có thể dùng các người ấy mà lập nên một bọn người giúp việc phúc-đức, đây tức gọi là các bảo-mẫu.

Các bảo-mẫu sẽ theo một cái qui-tắc rất giản-dị, song bắt phải thừa-hành chặt-chẽ. Mỗi lớp bảo-mẫu mới mộ phải đến học-tập ở nhà Chính tại Hà-nội độ hai ba tuần lễ; để biết năm ba điều thường-dùng về cách trông nom trẻ con. Có quan thày thuốc của Hội-đồng bảo-trợ (Comité de patronage) hội ta đến chỉ-giáo. Các bảo-mẫu sẽ học thuộc lòng cái qui-tắc ấy và phải nhớ những lời dạy bảo (Hội ta sẽ nhờ các nhà hay chữ trong Hội làm sẵn thành văn), về chức-vụ và phận-sự của các bảo-mẫu và về cái mục-đích của công-cuộc Ấu-trĩ-viên vân vân. Các bảo-mẫu đã hết hạn tập-sự rồi thì bổ-nhiệm vào coi một Ấu-trĩ-viên; khi bổ-nhiệm thì có các Hội-viên Khai-trí-tiến-đức ở trong bản-hạt công-nhiên đến chứng-kiến.

Mỗi Ấu-trĩ-viên sẽ thuộc về quyền một hội-đồng địa-phương trực-tiếp kiểm-sát, hội-đồng ấy do một hội-viên Hội Khai-trí (bây giờ ở tổng nào cũng có người chân hội Hội ta) làm chủ-tọa; các kỳ-dịch sở-tại cũng có thể đến dự hội-đồng.

Mỗi bảo-mẫu sẽ được lương một tháng là 8 $ 00 hoặc 10 $ 00.

. . .

Ấy đại-khái Hội ta muốn lập ra một công-cuộc như thế. Công-cuộc ấy Hội ta định khởi-hành ngay năm nay. Ta nên biết rằng:

1° Làm công-cuộc ấy không cần phải có nhiều tiền ngay; hễ tìm được phương-sách gì mới và cái thể làm được đến đâu thì sẽ tuần-tự mở mang đến đấy.

Lập nên một Ấu-trĩ-viên thường không tốn kém mấy: chỉ mua mấy cái chiếu, mấy cái đồ chơi, mấy cái đồ dùng về việc tắm rửa cho sạch sẽ, mấy cái đồ dùng về việc bếp nước . . .

Nhà nước có lệ phát các thứ thuốc (như nước rửa mắt, tanh-tuya-ri-ốt, ki-ninh) không lấy tiền, Ấu-trĩ-viên được viện theo lệ ấy.

Còn trẻ con ăn uống thì phần nhiều Hội-đồng địa-phương có thể trông vào các nhà tư-gia chợ-cấp cho. Song mỗi đứa ăn chỉ hết 0, 04 một ngày thôi.

2° Trong các công cuộc từ-thiện có thể làm ra được ở xứ này, thì việc lập Ấu-trĩ-viên là việc dễ làm nên dễ tổ-chức, mất ít tiền và chắc sẽ có công-hiệu hơn cả mọi việc. Trong một Ấu-trĩ-viên mà biết cách giữ gìn thì chắc mỗi ngày lại tăng thêm cái số con trẻ thoát khỏi cái bệnh truyền-nhiễm, tàn-tật. Công việc Ấu-trĩ-viên, nếu làm cho tử-tế thì thấy công-hiệu hiển-nhiên, làm cho nòi giống thịnh-vượng, mà kỳ-thực không phí-tổn bao nhiêu tiền của xã-hội.

3° Công cuộc Ấu-trĩ-viên thực là một việc tương-tế hợp với lòng khát-vọng và cái tình-cảnh bản-xứ.

Cuộc Ấu-trĩ-viên của Hội ta chỉ trông nom cho con trẻ đến 7 tuổi rồi giả về cho bố-mẹ nó hoặc cho đi học hoặc cho nhi tập làm ruộng làm nghề. Như

thế thì công-cuộc của Hội ta không có làm mất cái nghề căn-bản của đứa trẻ. Điều đó là điều quan-hệ. Ấu-trĩ-viện cũng nhận cả trẻ bồ-côi đến 7 tuổi thôi, quá tuổi ấy hoặc đã có làng nhận lấy chúng nó hoặc có nhà bồ-côi nuôi chúng nó. Hội ta thế là hết trách nhiệm, nên biết rằng Hội ta không chủ lập các nhà bồ-côi.

4° Công-cuộc phải làm như thế, chỉ có Hội ta là một Hội lớn hiện bây giờ đã có quá 650 hội - viên mới có thể khởi-xướng ra việc là nên được, vì những tiền cần ngay để khởi - lập các Ấu-trĩ-viện buổi ban đầu này thì có thể trông cậy ngay ở trong các hội-viên cũng được. Sau này bao giờ phải cần thêm tư-bản thì ắt phải cần đến những các bậc hào-phú. Mà các bậc hào- phú ấy thì Hội ta cũng không thiếu gì người.

Hội ta vì có đủ các bậc quan-thân, nên chỉ có Hội ta có thế-lực mà gây dựng nên được các người Bảo-mẫu.

Sau nữa về cách trị-sự trong cuộc Ấu-trĩ-viện chỉ có Hội ta làm được vì chỗ nào cũng có hội-viên mới có thể tiện kiểm-sát luôn - luôn các Ấu-trĩ-viện và tìm cách khuếch-trương cho rộng thêm ra.

Đối với Chánh - phủ thì Hội Khai-trí - tiến - đức ta đã có các quan to các nhà cự-phú làm chủ-trương, lại có hội-đồng bảo-trợ mà có quan Sarraut đại-nhân đứng đầu để giúp đỡ thì chắc là Nhà-nước phải tin là một đoàn-thể có thể đảm-bảo được về đường vật-chất và luân-lý.

5° Hội Khai-trí-tiến-đức ta vốn có mục-đích muốn làm cho cả các phái thường-nghiệp-dân-đảng An-Nam đều biết dự vào công việc làm cho nòi giống An-Nam tiến-hóa về đường tinh-thần và về đường xã-hội, vậy thì lập ra Ấu-trĩ-viện là rất hợp với mục-đích ấy.

. . .

Bản dự-thảo về qui-tắc Ấu-trĩ-viện

I

Công-cuộc Ấu-trĩ-viện là do ở hội Khai-trí-tiến-đức (là hội dựng theo pháp luật hiện phủ Thống - sứ có giữ điều lệ) đã thiết - lập ra, đứng kiểm-soát và bảo-lĩnh.

Những công việc quản - lý và mở mang Ấu - trĩ - viện thì do hội-đồng-quản - trị hội Khai-trí-tiến-đức bàn định.

Hội - đồng - chủ - sự công cuộc ấy, viên tổng-quản-lý cùng các người làm công, bất cứ làm việc gì, chỉ được có những chức quyền đã định ở bản qui-tắc này, hay những chức quyền mà hội - đồng quản-trị Khai-trí-tiến-đức sau này sẽ định.

II

Hội-đồng-chủ-sự công-cuộc Ấu-trĩ-viện thì có những viên này :

Một viên Chủ - hội chọn trong các viên hội-đồng-bảo-trợ AFIMA.

Một viên Phó-chủ-hội chọn trong các hội viên An-nam có chân hội-đồng quản-trị AFIMA.

Một viên Tổng-thư-ký chọn trong các viên hội-đồng bảo-trợ AFIMA.

Một viên Phó-thư-ký chọn trong các hội-viên AFIMA.

Hai viên cố-vấn về thuốc thang chọn trong các viên thầy thuốc có chân hội-đồng bảo-trợ AFIMA.

Một viên cố-vấn về pháp-luật chọn trong các viên trạng-sư có chân hội-đồng bảo-trợ AFIMA.

Chín viên hội-viên chọn trong các hội-viên AFIMA.

Cách chọn các hội-viên hội-đồng-chủ-sự do ở hội-đồng quản-trị AFIMA lựa xét những viên ứng cử rồi bỏ mật phiếu bầu.

Viên Chủ-hội bầu trong ba năm.

Mỗi năm, sau kỳ đại-hội-đồng Khai-tri-tiến-đức, khi hội-đồng quản-trị họp lần thứ nhất thì phải bầu hội-viên thay vào những viên hội-đồng-chủ-sự khuyết, hoặc là từ chức, xa vắng hay quá-cố viên hội-đồng chủ sự nào, có giấy mời mà ba lần luôn không đến dự hội, nếu xét không có lẽ gì đích đáng, thì cũng coi như đã từ chức.

Nếu vì cớ gì mà khuyết chân chủ-hội, thì hội-đồng quản-trị AFIMA phải họp ngay lập tức để bầu người khác.

III

Hội-đồng-chủ-sự cứ chiếu theo số tiền đã dự trước ở sổ chi tiêu hàng năm mà quản-lý công việc Ấu-trĩ-viên.

Mỗi năm trước hôm 1er Décembre, thì Hội-đồng chủ-sự phải đệ bản dự-thảo sổ chi tiêu năm sau với một tờ trình minh bạch, để Hội-đồng quản-trị AFIMA duyệt y. Trong vòng tháng Décembre, hội-đồng quản-trị AFIMA phải họp đủ mặt mà định quyết sổ chi tiêu để kịp đến hôm 1er Janvier đã có thể thi-hành được. Viên thủ-quỉ AFIMA coi sóc các việc tiền bạc về công-cuộc Ấu-trĩ-viên.

Viên chủ hội có quyền phát-lệnh các món chi tiêu.

IV

Hội-đồng-chủ-sự, chiếu theo tờ trình của một hội-viên, mà xét định những việc sau này :

1° Hoặc mở ra, hoặc bãi đi, hoặc thiên-di các Ấu-trĩ-viên, mà phải lượng theo số tiền đã dự toán.

2° Ưng dụng các « bảo-mẫu » đã tập-sự và đã làm giấy cam-đoan xin theo các thể-lệ về Ấu-trĩ-viên.

3° Tuyển hay bãi các người làm công bất cứ làm việc gì.

4° trừng-trị các bảo-mẫu và các người làm công, gồm cả quyền bãi dịch và cách chức.

5° Bổ dụng các « bảo-mẫu » cùng các người làm công.

6° Những vấn-đề về cách trị-sự Ấu-trĩ-viên, hoặc do ở đơn yêu-cầu hoặc do ở hội-viên nào đệ trình.

V

Viên tổng-[illegible] thi [illegible] hội-đồng quản-trị AFIMA bổ chiếu theo lời hội-đồng chủ-sự Ấu-trĩ-viên trình. Cách bãi dịch viên ấy cũng vậy. Viên [illegible] quản-lý có quyền đốc các công việc Ấu-trĩ-viên, viên ấy chỉ chịu quyền hội-đồng chủ-sự kiểm-soát thôi. Các người làm công đều ở dưới quyền viên ấy cả. Phàm việc gì hội-đồng chủ-sự đã định thì viên ấy phải thi-hành.

Viên tổng-quản-lý được tiền phụ-cấp công việc và giấy bút. Số tiền ấy do ở hội-đồng quản-trị định và sẽ biên vào sổ chi tiêu.

VI

Các hội-viên hội-đồng-chủ-sự công cuộc Ấu-trĩ-viên, có quyền khám xét các Ấu-trĩ-viên bất cứ lúc nào, hoặc đi một mình hoặc đi đông.

VII

Chỉ có hội-đồng quản-trị AFIMA là có quyền định các món tiền thu và cách thu các tiền ấy để lấy tiền chi tiêu về công cuộc Ấu-trĩ-viên.

VIII

Các Ấu-trĩ-viên phải thi-hành theo nghị-định ngày 22 Décembre 1921 điều-lệ về các nhà làm phúc ở Bắc-kỳ.

ẤU-TRÍ VIÊN CA

Lời tiểu-chí

Cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên, trước kia tôi đã nói ra khúc-chiết kỹ-càng ; chắc các ngài quân-tử trong bạn đồng-bào ta, có thâm-thức, có cảm-tình, cũng đã hiểu cho rằng cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên là cái vấn-đề cần-thiết nên thực-hành, trước là để chớ phụ cái lòng khai-hóa của chính-phủ, sau là để chớ phụ cái lòng hi-vọng của quốc-dân, lại sau nữa là để chớ phụ cái lương-tâm của mình đối với lũ trẻ con những nhà nghèo-khổ ở chốn thôn-quê.

Song hiện nay cái lịch-sử Ấu-trĩ-viên nước ta, còn thuộc về cái thời-kỳ phát-đoan khởi-xướng, mới có ngôn-luận mà chưa có thực-hành, mới có tâm-lý mà chưa có cảnh-tượng; mà quốc-dân ta ngày nay đối với cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên, thật là hãy còn bỡ-ngỡ, hãy còn mơ-màng, chắc không tránh sao cho khỏi được có kẻ bàn ra có kẻ nói vào, người thì rằng khó người thì rằng dễ.

Vả lại quốc-dân ta hiện nay trừ những người tân-cựu kiêm-thông cả rồi không kể ; còn thì chỉ những người tân-học có tư-tưởng ở nơi thành-thị, là mới có thể xem nổi tản-văn quốc-ngữ ; đến như những người đàn-bà trẻ-con và những người nông-dân kỳ-cựu ở chốn thôn-quê, đã có mấy người thông hiểu quốc-ngữ mà xem nổi tản-văn ; chuyện đời chẳng qua chỉ nghe hai nghe mốt, câu được câu chăng ; có cái vấn-đề gì, hay hoặc cái tâm-lý gì, phải giảng đi giảng lại mới nghe ra, phải đọc đi đọc lại mới cảm xúc.

Nay cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên, thì lại là thân-thiết và quan-hệ với những người ở chốn thôn-quê lắm lắm. Vậy tôi lại xin đem cái ý-tứ trong bài luận, mà tôi thảo ra một bài trường-thiên ca-khúc này, khiến cho quốc-dân ta có thể ngâm-nga mà cảm động, dần-dà thấm-thía mà vui việc nức lòng.

Duy tôi lại muốn khiến cho những người thông-thường ít học ở chốn hương-thôn dễ đọc dễ hiểu, và dễ thuộc lấy làm lòng ; cho nên bài ca này chỉ cầu lấy ý cho du-dương, lấy lời cho hoạt-động, lấy đoạn-lạc cho phân-minh mà thôi, duyệt-giả lượng cho.

TÙNG-VÂN cẩn-chí

Lời ca

Ai ôi ! non nước một nhà,
Đàn con ấu-trĩ cũng là con chung.
Ai đó tá sẵn lòng từ-ái ?
Lặng nghe cho lời giải trước sau :
Kìa kìa thôn-ổ xa đâu,
Những điều trông thấy đã đau đớn [lòng!
Âu là giống con Hồng cháu Lạc,
Âu là người chung nước chạ non.
Biết chăng chăng biết nguồn-cơn?
Xét qua tình-trạng hương-thôn ít nhiều
Đứa con trẻ nhà giàu sung-sướng,
Sung-sướng về mặc tốt ăn ngon.
Tuy rằng mặc tốt ăn ngon,
Gia-đình giáo-dục đã tròn-vẹn đâu.
Đứa con trẻ nhà giàu khiếm-khuyết,
Khiếm-khuyết về giáo-dục mà thôi.
Sớm chiều vú bõ giong chơi,
Xét ra lọ phải quan-hoài lắm chi.
Số giàu - có thôn-quê ít-ỏi,
Số bần-hàn nhiều nỗi đắng-cay.

Cửa nhà bỏ vắng ai hay,
Quanh năm gánh mướn suốt ngày làm [thuê.
Thân lao-lục đi về sớm tối,
Kể sao cùng nông-nỗi khó-khăn.
Gánh rau gánh củi xa gần,
Rỏ tôm rỏ tép kiếm ăn lần hồi.
Con ở nhà ai người coi-sóc ?
Thôi cũng đành nheo-nhóc lầm than.
Thương-ôi là nỗi bần-hàn !
Thương người tất-tả thương đàn ngây- [thơ !
Đứa lên bảy lên ba lên bốn,
Đứa lên năm lên sáu biết gì.
Từng đàn từng lũ kề chi,
Hoặc khi xó chợ hoặc khi dầu đình.
Hoặc cầu quán chơi quanh bần thỉu,
Hoặc giữa đường chạy diễu nhung- [nhăng.
Đánh nhau hoặc chửi nhau xằng,
Thằng khóc thằng mếu lại thằng cười [reo.
Thằng bồ-hóng lưng kheo đen thủi,
Đứa son tàu mắt mũi đỏ hoe.
Đứa thì ghẻ-gúng gớm ghê,
Đứa thì mặt nhọ thằng hề ngán thay !
Lũ con trẻ ngày ngày nghịch-ngợm,
Lại lắm trò dại-dột đua nhau.
Trèo cây ném đất xiết đâu,
Tung sành đánh khẳng sất đầu sất tai.
Thương đàn trẻ không ai gìn-giữ,
Nghĩ đến điều kia nọ mà lo.
Chanh bông hoa quả đến mùa,
Ăn xim quả ruối tò mò hái ăn.
Lại những lúc nơi gần ao vắng,
Hoặc nơi xa giếng lặng đầm sâu.
Nhỡ nhàng nghịch-ngợm đua nhau,
Trẻ con lững-thững biết đâu mà phòng.
Giữa đường-cái trâu lồng ngựa chạy,
Chợ nhà quê từng thấy mẹ-mìn.
Nhỡ ra con mất ai đền,
Con sài con ghẻ ai gìn ai coi ?
Kiêng sao được chiều trời mưa nắng,
Tiền đâu mà sửa bánh thuốc thang.
Xem mầu thân-thể mà thương !
Nghĩ mầu trí-đức lại càng xót-xa !
Tuồng con trẻ năm ba đàn lũ,
Biết sự gì là sự yêu nhau.
Vật nhau đánh nhau chửi nhau,
Dông-dài dại-dột hỗn-hào u-mê.
Vô giáo-dục gớm ghê những thói,
Đã hiển-nhiên là lối hạ-ngu.
Óc khôn mất tự bấy giờ,
Hồn thiêng đợi đến bao giờ lại chiêu.
Sau vì bằng đem vào trường học,
Lấy mọi điều giáo-dục trách thầy.
Sự tình ai tỏ cho hay,
Nửa người nửa ngợm nửa rầy đười- [ươi.
Nay ướm hỏi anh-hài lũ đó,
Phải hay chăng là họ rồng tiên ?
Cớ sao dại-dột ngu-hèn ?
Vì ai bỏ mặc cho nên nỗi này !
Lại ướm hỏi đông tây xe ngựa,
Khách quan-sang rực-rỡ là bao !
Phải chăng là nghĩa đồng-bào,
Đồng-tâm đồng-lý cớ sao hững-hờ ?
Vườn Ấu-trĩ tỏ chưa chưa tỏ,
Đó là nơi bảo-hộ anh-nhi.
Trẻ-con biết nói biết đi,
Lên ba lên bảy chi-chi chành - chành.
Tuy rằng chửa học-hành chỉnh-túc,
Song cũng nhờ giáo-dục ít nhiều.
Văn-minh ở đấy ở đâu,
Xã nào thôn ấy bắt đầu sửa-sang.
Chọn phiến đất giữa làng sạch-sẽ,
Lập nên vườn mát-mẻ khang-trang.
Có cây có hoa sẵn-sàng,
Có vùng cỏ rộng có đường đi quanh.
Có nhà cửa xung-quanh rào sắt.
Bể nước trong tắm rặt sớm trưa.
Trong vườn chăn lũ trẻ thơ,
Đủ đồ hí-lộng đủ đồ vệ-sinh.
Người bảo-mẫu chuyên tình dạy-dỗ.
Cho ăn quà cho ngủ cho chơi.
Giờ trưa cho tắm mát rồi,
Cho thang cho thuốc trông coi kỹ càng.
Vườn Ấu-trĩ đủ đường dưỡng-dục,
Há những là làm phúc mà thôi.
Tinh-thần coi đó mà co,
Văn-minh mong đúc nên người quốc- [dân.
Xin đem truyện gần gần thí-dụ :
Cây trúc kia khi nhú lên măng ;

Còn non ai chớ nghĩ rằng,
Tài-bồi uốn-nắn liệu chừng cho hay.
Con gà kia mới đây xuống ổ,
Gáy te te rồi cũng có ngày.
Còn nhiều mong đợi sau này,
Giữ-gìn chăm-chút từ nay mới là.
Tuy đàn trẻ năm ba bảy tuổi,
Biết chi chi miệng sữa còn hoi.
Vì chăng giáo-dục bẩn hoi,
Mai sau nó cũng nên đời quốc-dân.
Nếu mà nhãng quên phần huấn-hối,
Chẳng bao lâu hoá mọi hoá mường.
Hoá người da xám Nam-dương,
Hoá n[illegible] phương châu Mì.
Đen thủi lại lạ chi gần mực,
Sáng trưng lên bởi tại gần đèn.
[illegible]ầu ở ống xui nên,
Bầu quen thì vắn ống quen thì dài.
Vậy chức-trách các người bảo-mẫu,
Không những là yêu-giấu chăn nuôi.
Mong cho lũ trẻ nên người,
Quả trí quả đức phải nhồi từ khi.
Dạy chúng nó từ khi còn bé,
Dạy những điều thờ mẹ kính cha.
Yêu anh yêu chị trong nhà,
Yêu chúng yêu bạn nữa là yêu nhau.
Thấy con quạ quay đầu mớm lại,
Bảo cho hay mẫu-tử chi-tình.
Bảo cho trật-tự rành rành,
Đàn ong đàn kiến nghĩa đành vua tôi.
Con oanh nọ trên cành học nói,
Lũ tằm kia trong né phun tơ.
Oanh kia là ý đợi chờ,
Tằm kia là ý nhả tơ đền người.
Cũng là lúc vui chơi trò-chuyện,
Cũng là khi khuyến-miễn cho hay.
Con trai, nói chuyện đi cày,
Đi học đi lính thờ thầy thờ vua.
Lại những chuyện nói cho con gái :
Chuyện nuôi con, canh-cửi, thêu-[thùa.
Tuy rằng bé dại bây giờ,
Mai sau khôn lớn phải lo việc mình.
Lại những chuyện trung-trinh hiếu-
Và những câu luân-lý ca-dao.[nghĩa.
Dạy ăn dạy nói dạy chào.
Dạy lời thành-thực dạy điều lễ nghi.

Đứa con trẻ tuy rằng chưa học,
Trong vườn chơi giáo-dục đủ đường.
Nghĩ ra thực cũng nên dường,
Công-lao bảo-mẫu chi nhường giác-sư.
Có mục-đích chắc có dư hi-vọng,
Nhớ khi xưa hai họ Tống thủa còn [thơ :
Một dòng nước trầy quanh-co,
Thấy đàn kiến rạt bơ-vơ nổi chìm.
Lòng đâu khéo thương tâm sẵn mối,
Bẻ cành khô bắc nối phù-kiều.
Ra tay tế-độ ít nhiều,
Mấy mươi ức triệu khỏi điều trầm-luân.
Ấy mới lạ danh-nhân lịch-sử,
Bé con con làm sự nhân-từ.
Phù-kiều độ-nghĩ ngày xưa,
Trạng-nguyên tể-tướng bây giờ là đây.
Phạm Văn-Chính lại là tay hào-kiệt,
Con nhà nho tiết-liệt văn-chương.
Kiêm thông quân-sự mọi đường.
Giang-hồ chí-khí miếu-đường công-[danh.
Phàm những kẻ đại - danh trong [vũ-trụ,
Đã khác thường tự thủa anh-nhi.
Người đâu thông-tuệ sớm ghê !
Này xem một sự quần-nhi đả-cầu.
Hốc cây to quả cầu lăn phải,
Hỏm-hòm-hom biết hỏi về đâu.
Bảo nhau khiêng nước đổ vào,
Nước rềnh lại thấy quả cầu trôi ra.
Ấy là khiếu phát-minh ra trọng-học,
Bé con kia mà bộ óc đã thiêng thay !
Vẻ-vang sự nghiệp sau này,
Khôn-ngoan đã chắc những ngày còn thơ.
Ấy hai truyện trẻ-thơ kỳ-vĩ,
Coi rõ-ràng một *trí* một *nhân*.
Nghìn năm ấu-trĩ tinh-thần,
Cái phần hi-vọng là phần riêng ai.
Đó là giải mấy lời đặc-biệt,
Quốc-dân ta lại nên biết cách [thông-thường.
Mong cho con trẻ đồng-bang,
Văn-minh hạnh-phúc vẻ vang hưởng [cùng.
Mai sau nữa nòi Hồng giống Lạc,
Chắc từ đây một bước một văn-minh.

Không-ngôn chi bằng thực-hành,
Khuyên ai đem tấm nhiệt-thành lo toan.
Dân nước ta nhờ ơn Bảo-hộ,
Đem văn-minh truyền-bố đốc một [lòng.
Mong cho thế-giới đại-đồng,
Âu-tây đã vậy Thái-đông khác nào.
Bây giờ muốn thiết vào cho thực-hiệu,
Trước khuyên người bảo-mẫu có từ- [tâm.
Cù-lao dưỡng-dục tinh-thâm,
Nên chăm việc nước như chăm việc nhà.
Xin nhờ tay các nhà mẫu-đức,
Khéo vun cho cây đức cành nhân,
Xiết bao danh-dự xa gần,
Vẻ-vang làm mẹ quốc-dân sau này.
Huống chi vườn ngày ngày niệm [Phật,
Sẵn lòng xưa thành-thật từ-bi.
Đúc chuông tô tượng mà chi,
Phúc nào sánh với hộ-nhi cho bằng.
Vườn Ấu-trĩ trông chừng thành-lập,
Lại mong về hằng-sản với hằng-tâm.
Câu rằng « *độc thụ bất thành lâm* »,
Mong về công-nghĩa công-tâm công-tài.
Người thế-lực kia những ai đó tá!
Nếp quan-sang xa-mã lâu-đài.
Xót chăng lũ trẻ lạc-loài,
Chơ-vơ đấy cũng giống-nòi Việt-nam.
Nhà tư-bản đã êm-đềm phong-túc,
Cưỡi lên trên đống thóc đống tiền.
Xót chăng lũ trẻ bần-hàn,
Khéo-khư đấy cũng con tiên cháu rồng.
Xưa kia còn trong vòng hủ-bại,
Phái giàu-sang thôi cũng phái ù-lỳ.
Biết điều công-ích là gì,
Đèn ai rạng nấy hay chi sự đời.
Bây giờ đã trong ngoài đây đó,
Đợt tân-trào nhờ ngọn gió thổi văn- [minh.
Người chuộc nghĩa kẻ mua danh,
Cải-lương vấn nọ nhiệt-thành mục kia.
Nay tính sự từ-bi phúc-đức,
Tư-bản đâ[illegible] mà thế-lực nữ[illegible] là đâu?
Thương nhau sao chẳng giúp nhau,
Yêu nhau sao chẳng khuyên nhau thực- [illegible]ành?
Nghĩ sao đặng cho xinh thời nghĩ,
Bàn sao ra cho kỹ thời bàn.
Một người một dạ lan-chan,
Chi bằng một hội một đoàn ra tay.
Hội Khái-trí từ ngày thành-lập,
Hội chúng ta vân-tập quốc-dân ta.
Quan, dân, tân, cựu gần xa,
Tình là đồng-ái nghĩa là đồng-ưu.
Nay ngoảnh lại cơ-mầu thôn-ổ,
Đàn trẻ-con nguy-khổ trăm chiều.
Trầm-luân kia giọt máu đào,
Tấm son tế-độ gột sao cho đành.
Vườn Ấu-trĩ đã rành-rành mục-đích,
Giúp cho ai mà lợi-ích cho ai?
Văn-minh hai chữ tròn hai,
Còn non còn nước còn dài còn mong,
Ai ôi! cùng họ nhà Hồng.

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Ngự-giá Âu-du

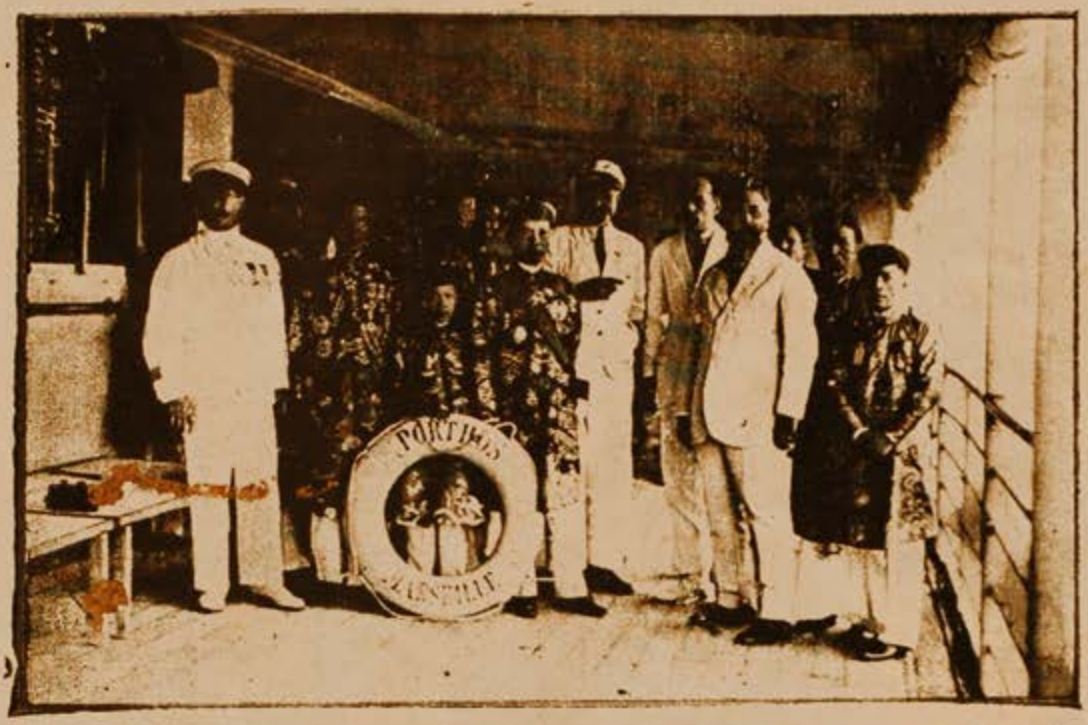

Cliché Khanh-ky

Hoàng-Thượng ngự trên tàu Porthos cùng Đông-cung Hoàng-thái-tử, quan Khâm-sứ Pasquier và các quan hộ-giá

Cliché Khanh-ky

Đức Đông-Cung Hoàng-thái-tử và hai quan hộ-vệ ở trên tàu Porthos

MỘT SỰ ĐIỀU TRA

QUAN-HỆ ĐẾN TIỀN-ĐỒ MỘT DÂN-TỘC

Trong bài trước (1) ta có nói về việc Chánh-phủ Ê-ta-Uy-ni (Etats-Unis) cử một phái-bộ riêng đến điều-tra quần-đảo Phi-luật-tân. Nếu các đại-viên trong phái-bộ mà lượng biết sự điều-tra ấy là có cái thế-lực quyết-định được vận-mệnh tương-lai một dân-tộc thì cứ xem ngay những mệnh-lệnh của quan Binh-bộ-tư-vụ John W. Wecks, là những mệnh-lệnh rất minh-bạch, quảng-bác, cao-thâm, cũng đã đủ trông thấy sự thực, hình như hiện ra trước mắt.

Trong mệnh-lệnh ấy trước hết quan Binh-bộ-tư-vụ có nói về các văn-thư chứng-thực đã tiếp từ trước đều là tương-phản với nhau, rồi đến lẽ cần phải xét đoán cho minh-bạch và cái lẽ vấn-đề ấy là một vấn-đề vừa quan-hệ đến vận-mệnh một dân-tộc Phi-luật-tân, vừa quan-hệ đến danh-giá thanh-thế của đại-dân-quốc Ê-ta-Uy-ni ; quan Binh-bộ-tư-vụ lại trang-nghiêm trịnh-trọng kể ra mấy vấn-đề phải nên nghiên-cứu như sau này :

1.— Chánh-phủ Phi-luật-tân có thể tự mình đứng vững được cùng là bảo thủ lấy quyền-lợi cho nhân-dân được không ? về vấn-đề này không phải theo cái thường-tình của dân A-mê-rích-canh mà phải theo như cái lời quan Tổng-thống Mackinley đã tuyên-bố ra từ năm 1900 như sau này : « Hội-đồng phải nhớ rằng nội là các chánh-thể và các chánh-sách mà hội-đồng được phép kiến-thiết ra ở Phi-luật-tân là không phải cốt để làm cho thỏa cái lòng dục-vọng riêng của ta, cũng không phải để làm chỗ thi-hành cái lý-tưởng của ta đâu, nhưng mà cốt nhất là phải làm cho dân Phi-luật-tân được hưởng thái-bình hạnh-phúc, và có cái cơ-sở phát-đạt về tương-lai. Vậy thì các phương-pháp thiết-lập ra ở Phi-luật-tân, cần phải cho phù-hợp cái phong-tục tập-quán và cái lòng thiên-kiến của dân ấy mà không có tương-phản với cái chánh-thể công bằng và rất có hiệu-lực.»

2. — Một cái chánh-thể định ra như thế, thì về đường kinh-tế có đủ sức đứng được không ? mà cái tài-nguyên hiện-thời và tương-lai của chánh-phủ ấy, thì bây giờ phải nhờ về sự giao-tế của Phi-luật-tân và Ê-ta-Uy-ni những thế nào ? Hãy nói ngay như cách thương-chính mới đến mộ ngày kia mà cho những thổ-sản Phi-luật-tân đem nhập-cảng A-mê-rích cũng như thổ-sản của ngoại-quốc, thì cách thương-chính ấy có ảnh-hưởng gì đến đường kinh-tế của toàn-thể quốc-dân không?

3. — Cái chánh-thể khoan-nhân của mẫu-quốc mỗi ngày một mở rộng quyền tự-trị cho dân Phi-luật-tân mà đến giao cả cái quyền lập-pháp, quyền hành-chánh, quyền tư-pháp cho dân ấy, thì đến bây giờ đã hiển-nhiên kết-quả như thế nào ? Đó là một điều gian-trước, nên trong các vấn-đề thì vấn-đề này phải định cho chặt chẽ. Cần phải xét cho kỹ cái ẩn-tình xem người Phi-luật-tân đã thoát khỏi được « cái tệ-đoan u-ám xưa nay nó làm bại-hoại biết bao nhiêu chánh-thể ; » lại tra xét xem cái tư-cách về chánh-trị của người Phi-luật-tân có được hoàn-thiện

(1) Xem Nam-phong số 60 trang 437.

không? các quan lại có thực-tâm mà làm trọn được chức-trách không? việc tư-pháp thi-hành có công-bằng không? việc bầu cử có công chính không? về cái cộng-hiệu việc bầu cử cốt do ở cách giáo-dục công-dân, như dân Phi-luật-tân bây giờ về việc bầu - cử có được thỏa-mãn khiến những kẻ đi bầu bị thua đều thiếp - phục không? sau nữa phải xét xem cái thể lệ về đường hành-chánh làm ra có phải là do công-tâm không? cách bổ quan-phân-chức có xét đến tư-cách của người ứng-cử mà làm hay không?

Ấy chỉ vì các điều phiền-phức về các cơ-quan chánh-trị của Phi-luật-tân nó làm cho chánh - phủ A-mê-rích-canh còn phải quan-tâm; ấy thực vì các việc ấy mà chánh - phủ A-mê-rích - canh thường tiếp được những lời điều-trần và các chứng-cứ mà xét kỹ-nguyên, thì đều tương-phản với nhau. Cái tình-trạng đó là cái mối sinh ra cái lòng thiên-kiến về đường chính-trị, và sinh những sự cạnh-tranh về đường quyền-thế, về đường tư-lợi, rất là tổn hại cho việc công-ích, và có khi đủ làm cho cả một dân-tộc nhất là một dân-tộc còn non, phải mắc vào cái vòng nội-loạn nhiễu-nhương, phải sa xuống cái hố trầm-luân vô-chủ.

Song, người A-mê-rích-canh đã định làm thì cứ làm thẳng tới mục-đích, vì người A-mê-rích-canh thực lòng muốn cho người Phi-luật-tân biết tự-trị mà lại có cái độ-lượng lớn lao muốn làm cho xứ Phi-luật-tân dần dần thành ra một xứ độc-lập, cho nên có đoái bảo người Phi - luật - tân một cách bộc-trực rằng: « Chúng ta đã để cho các ngươi tha-hồ lấy cái tư - cách Phi-luật-tân mà tổ-chức lấy chính-trị Phi-luật-tân; các ngươi đã được thực-hành thí-nghiệm tự - trị trong bảy năm nay. Bây giờ các ngươi nên bằng lòng để cho chúng ta đến điều-tra công việc các ngươi đã làm trong bảy năm nay xem thế nào, rồi sau mới phá-trừ được cái giới-hạn cỏn con sau cùng kia nó còn làm bó-buộc các ngươi, rồi sau này mới có thể công-nhiên tuyên-cáo Phi-luật-tân là nước tự-do độc-lập.»

Tôi nói đến Phi-luật-tân mà trước tôi chỉ nói qua về cái hiện-tình chung trong xứ ấy rồi lại nói kỹ về cái cách thức làm việc điều-tra lớn-lao ấy, là vì việc điều-tra ấy là một việc có một không hai ở trong lịch-sử nhân-quần là một việc dù thế nào cũng có cái thực-sự kết-quả và cũng có một cái ý thành-thực công-bình là một cái ý thường thấy trong sự giao-tế của các nước thời nay. Cứ như những lời trung-ngôn của phái-bộ điều-tra, thì Phi-luật-tân xưa kia là thuộc-địa của Ét-ba-nhờ (Espagne) bây giờ nhờ người A-mê-rích-canh làm thày giáo-dục dắt lên con đường tiến-hóa kể cũng đã hăng hái thật, nhưng cũng còn phải chi-bồi trong mấy năm nữa, còn phải nhờ người A-mê-rích-canh chủ-trương kiểm-sát cho, để học cho tốt-nghiệp về cái thời-kỳ thí-nghiệm tự-trị, rồi nay mai sẽ thành ra một dân-tộc tân-tiến lập thành quốc-thể mà chiếm lấy một địa-vị ở trên địa-cầu.

Một nòi giống vốn đã có cái lòng nhiệt-thành ái - quốc, lại pha thêm cái nhiệt-huyết Latin, mà lại ở vào một xứ nào là cạnh - tranh về tôn - giáo, về chủng-loại về chánh-trị, nay thốt nghe thấy cái tin điều - tra ấy, thời tưởng rằng ai là chả phấn-khích trí-não tinh-thần một cách phi-thường. Nhưng lạ thay! nào có thấy gì như thế đâu, sự đó là một điều nên nói rõ vì là một điều rất có ý nghĩa rất nên suy xét.

Sự đó càng tỏ cho ta biết rằng người A-mê-rích-canh chỉ vì lòng đạo-lý mà

tự mình bắt mình hơn là vì binh-lực ; đó là lấy cách người trên mà đối - đãi với người bản - xứ ; đó lại là một cái kết-quả bởi cái thái-độ hào - hiệp của quan Tổng-thống Mackinley, vì quan Tổng-thống ấy đã tuyên - bố phải tổ-chức cho Phi-luật-tân được hưởng cái hạnh - phúc, chớ không phải để thí-nghiệm cái xã-hội lý - tưởng của ông Tuteur ; đó lại làm cho minh-chứng cái chánh - sách khoan - nhân-tín-nghĩa làm cho hai chủng-tộc đồng tâm hiệp - lực với nhau, dân - tộc đàn em phải nhờ dân - tộc đàn anh lấy tình-thân-ái mà đưa dắt lên đường tiến-bộ, ấy đó chính là cái chánh-sách của nước France xưa nay vẫn một niềm đem thực-hành trong các thuộc - địa ở phương xa, mà tức là cái chánh-sách đem thực - hành ở Đông - Pháp này, nhờ có chánh - sách ấy thì chúng ta mới được hưởng cái hạnh-phúc điều-hòa trật-tự đương vào cái lúc gần khắp xứ Viễn - đông ở trong vòng mây mù cát bụi. Ta nói đây mà khen cái nhân-huệ nước France cũng chẳng lạ gì.

Trên kia đã nói người Phi-luật-tân đã tỏ lòng thuận nhận phái-bộ điều-tra, kịp đến ngày 4 Mai 1921 phái-bộ đến Manille thì dân Phi - luật - tân ra nghênh-tiếp một cách rất kính-trọng, tức thì các bộ nha-môn đều trực-hậu, các quan-phái cùng các dân-đảng ai có thể giúp được cuộc điều-tra trong bản-hạt thời đều ra nghênh-tiếp. Tôi lại nói kỹ thêm mấy điều sau này : Trong khi đi quan-xát thời trong các đại-biểu báo-giới bên A-mê - rích có hai người đi theo : một là người phóng-sự trong các hội báo-giới rất am-hiểu tình-thế ; hai là một người đặc-phái trong các nhật-báo bên A-mê-rích-canh là một người vẫn biểu đồng-tình về việc Phi-luật-tân tự-trị. Còn đại-biểu báo-giới Phi-luật-tân, thì có một viên trợ-bút ở một nhà báo to nhất Manille, viên ấy đã từng làm quan binh trong đạo binh Aguinaldo về hồi dân Phi-luật-tân tranh - chiến với Ét - ba - nhơ (Espagne) và với Ê-ta-Uy-ni

Thế là Phái - bộ nhờ được người A-mê-rích-canh và người Phi-luật-tân đều giúp sức về việc điều-tra, trong những đại - viên phái chính-trị Phi-luật-tân đều tỏ chân-tâm đều trần ý-kiến để giúp về việc điều - tra cho thành-hiệu.

Kỳ sau sẽ nói về các phương - pháp điều tra kinh-tế khó nhọc trong bốn tháng trời và kết-luật ra như thế nào.

XA-RY

LỜI PHẨM-BÌNH SÁCH QUỐC-NGỮ TRONG NHÀ GIÁO

Ngữ-ngôn là một cái cơ-khí truyền-hoán trí-thức và biểu - hiện tư - tưởng của loài người.

Phàm dân-tộc nào trí-thức có phát-đạt, thì ngữ-ngôn mới phong - phú ; ngữ-ngôn có phong-phú, thời khi kết-cấu trong tư-tưởng phô-giãi ra lời lẽ, soạn - thuật ra sách - vở, sẽ có văn-chương.

Nhưng tôi lại xin trái hẳn lời ấy đi mà tôi nói rằng : Phàm dân - tộc nào ngữ-ngôn có phong-phú, thời trí-thức mới phát-đạt ; là bởi vì quốc-dân trí-thức, nhờ về có văn-chương thư-tịch của bản-quốc làm cái cơ-quan truyền-bá dẫn-tiến cho, mới có đường mà phát-đạt vậy.

Nếu văn - chương không đủ ngữ-

ngôn mà giải, sách-vở không đủ tài-liệu mà làm, thì chắc là tri - thức dân - tộc ấy một ngày một thấp - lui, não - chất dân-tộc ấy một ngày một xốp-nồi, linh-hồn dân-tộc ấy một ngày một ngẩn-ngơ, nòi-giống dân-tộc ấy một ngày một hao-mòn, lẽ ấy thật là xác-nhiên, không phải còn nói ức-đạc gì nữa ; cho nên người nào đã đem tâm yêu nước, không lo gì bằng lo ngữ-ngôn nước mình còn hiếm-hoi nghèo-ngặt, không mừng gì bằng mừng ngữ - ngôn nước mình đã có cơ giàu đủ, có thể dồi-dào.

Bỉ-nhân hiện nay lạm sung vào bộ biên-tập trong bản-chí, được trực-tiếp một quyển sách soạn bằng quốc - văn, của một vị Giám-mục Tây-dương tiên-sinh tay soạn ra, đem huệ-tặng bản-chí; bản-chí hiện đã có lời kính tạ đăng lên báo-chương, để tỏ lòng hoan-nghênh ; quyển-sách ấy nhan là *Minh-giáo-xích-độc*; thuần dùng thể-tài thư-trát, đại-để làm ra những lời cha con anh em khuyến-miễn nhau, đưa thư cho nhau, để siển-minh cho giáo-lý.

Bỉ-nhân trong khi biên-tập, được lúc thanh-nhàn, đem quyển sách ấy, kính mở ra đọc, xét đi xét lại kỹ-càng trộm có lĩnh-hội ra rằng : Quyển sách này thực là một quyển kim-khoa ngọc-luật ở trong nhà giáo, dẫn-dụ được mọi điều thân-thiết, siển-phát được mọi lẽ tinh-vi ; lại thường dẫn những câu kinh truyện trong Nho-giáo, và những ý-tứ của đức Khổng-phu-tử thành-lập cho luân-lý ở Đông-phương bấy lâu ra mà chứng-giải luận-bàn ; thời biết rằng đức Khổng-phu-tử đức Gia-tô hai vị thánh-nhân ấy, trong khi mở ra mọi cửa phương-tiện để dạy người, tuy có khác nhau ; nhưng rút lại về con đường cứu-cánh, thì chẳng qua chỉ khuyên người ta lấy những điều yêu người, kính trời, đổi lỗi, làm thiện đấy thôi, thực không khác nhau vậy.

Thầy Lục Tượng-sơn ở đời Tống khi xưa, là một vị đại-hiền trong Nho-giáo, có nói rằng : « Đông-hải này có thánh - nhân hiện ra, thử - tâm đồng đấy, thử - lý đồng đấy ; nếu Tây - hải Nam - hải Bắc - hải kia có thánh-nhân hiện ra, thử-tâm và thử-lý, cũng chẳng khác gì nhau, » bỉ-nhân bình-nhật vưỡn thường ghi để lời ấy ở trong lòng bây giờ lại được xem quyển sách này trong lòng lại càng khoát-nhiên, thực đã lấy làm vui-vẻ lắm.

Song bỉ-nhân đối với quyển sách này, lại có một cái hân-hạnh riêng cái cảm-tình riêng nữa ; mà cái hân-hạnh cái cảm-tình riêng ấy, lại không có thể tự mình ngăn cấm cái lương-tâm mình đi mà mặc-nhiên không nói ra được.

Quyển sách này thực là một quyển sách có giá-trị trong cõi Nam-âm, giúp cho Nam-âm lấy cái tài - liệu uyên-thâm cao - nhã được phần nhiều ; chẳng những thế mà thôi, lại là một quyển sách hiển-chứng cho chân-tướng Nam-âm nữa.

Do-lai ngữ-ngôn nước ta, phải pha chữ Nho vào mà làm tài-liệu ; không những để làm tài-liệu, lại để làm tinh-thần ; chữ Nho mất thì tài-liệu ngữ-ngôn tinh - thần ngữ-ngôn nước Nam ta mất, chữ Nho còn thì tài-liệu ngữ-ngôn tinh-thần ngữ-ngôn nước Nam ta còn ; cái nguyên-nhân ấy nên xét.

Nước ta nguyên là một nước cổ-quốc, và là một nước văn-hiến trứ-danh ở phương đông ; tự mười tám đời Hùng trở lên, trong hơn hai nghìn năm, tuy rằng có biệt-lập là nước Văn-lang; nhưng mà thế-giới chưa khai-thông, nhân-dân còn chất-phác, chắc là ngữ-ngôn còn giản-đơn, đâu đã đủ tiếng mà nói như ngày nay ; từ khi người Tàu sang đô-hộ nước ta, trải qua nhà Hán, nhà Tấn, nhà Tùy, nhà Đường các nhà, khoảng hơn một nghìn năm người Tàu thực-hành cái chính-sách đồng-hóa, đem những điều luân-lý trong Nho-giáo khuyên dạy người Nam ; rồi

về sau miệng người Nam mới bật ra được những chữ thân-thiết với nhân-loại, như chữ tình, chữ tính, chữ nhân, chữ nghĩa, chữ từ, chữ hiếu, chữ trung, chữ trinh, chữ học, chữ chính, chữ luật-lệ, chữ lễ-pháp, chữ phong-tục, chữ cương-thường, chữ đạo-đức vân vân ; người Nam tiêm-nhiễm về Nho-giáo thâm-thúy mãi ra, rộng rãi mãi ra, tự nhiên đủ thứ tiếng mà phát ra ngôn-ngữ, dùng ra văn-chương, hình như có cái kho vô-tận và cái thú-vị vô-cùng vậy.

Hiện nay lược tính ra, tiếng An-Nam pha tiếng chữ Nho, ba phần ước có đến hơn một phần ; mà trong hơn một phần chữ Nho ấy, lại là phần nhiều về những chữ có thực-dụng có tinh-thần.

Dân-tộc nước ta đã có ngôn - ngữ, đã có văn-chương, tức là dân-tộc đã đủ cái tư-cách vẻ-vang trong thế-giới ; xem ngay như lịch-sử nước Nam ta, tự nhà Đinh nhà Lý cho đến Bản-triều, khoảng hơn một nghìn năm ấy, có phải là lịch-sử chữ Nho đấy không? có phải là lịch-sử quang - vinh đấy không ?

Đó là kể về phần chữ cũ ; còn về phần chữ mới, thì khoảng hơn mười năm nay, người Nam ta cũng tự-nhiên dầu lưỡi bật ra được những chữ mới - mẻ gọn - gàng, như chữ văn - minh, chữ tự-do, chữ phong-trào, chữ trình - độ, chữ mục - đích, chữ tư - tưởng, chữ nhiệt - thành, chữ hi-vọng, chữ tổ-chức, chữ hành-vi vân vân ; ấy là những chữ khẩu-đầu thường dùng đấy thôi ; còn những chữ thuộc về văn-học khoa-học triết-học, đem chữ Nho ra mà dùng, thì lại càng phong-phú dễ tìm, tinh-xác dễ đúng, êm-ái dễ nghe lắm ; bởi vì dân nước ta mấy nghìn năm nay tinh-thần Nho-học đã có sẵn ; vả lại chữ Nho là một thứ chữ độc - vận thành-chương, mà tiếng nước ta lại là một thứ tiếng độc-vận thành-hoại, ngữ-ngôn âm-điệu tự-nhiên nó thích-hợp với nhau ; cho nên gặp được cái phong-trào mới này, cái tài-liệu quốc-văn lại càng thêm phong-phú nữa.

Chữ quốc - ngữ với chữ Nho, đã thành ra một cái vật-chất thiên-nhiên hóa-hợp, không thể lìa nhau ra được ; nếu lìa chữ Nho ra, thì cái bộ-phận chữ quốc-ngữ thiếu hẳn đi, kẻ muốn nói câu chuyện cũng phải ngậm tăm, kẻ muốn làm câu văn cũng phải gác bút, quốc-gia muốn thảo ra bộ luật xác-đáng tinh - tường cũng không có chữ mà thảo, trong nhạc-phủ muốn hát lên những câu lịch-sự thanh - tao cũng không có câu mà hát.

Than ôi ! là một dân-tộc, mà lại không có riêng một thứ ngữ-ngôn văn-học để làm quốc-túy hay sao ?

Bỉ-nhân lại chắc rằng người Nam ta là một thứ dân-tộc có quốc-hồn, không đến nỗi dở-dang như vậy ; nay nhờ có Qui-quốc bảo-hộ đem tấm nhiệt-thành khai-hóa cho người Nam ; mà người Nam cái nền quốc-túy đã vững-vàng, cái vẻ quốc-hoa đã tươi tỉnh ; thì chẳng bao lâu nữa cứ trông ngọn cờ ba sắc làm phương dẫn-đạo mà đạt tới cõi văn-minh.

Trước kia bỉ-nhân có thảo ra một bài hài-văn nói về sự chửa nói chữ Nho hiện đã đăng vào tạp-chí Nam-phong số 50, tưởng các ngài quân - tử trong bạn đồng-bang ta, cũng đã xét qua cho cả rồi ; nay các ngài xem đến bài này, lại nên lục qua bài hài-văn ngày trước ra mà xét lại, thì cái tính-chất quốc-văn thế nào ? và cái tình-trạng ruồng-bỏ chữ Nho thế nào ? tự nhiên khá rõ, không phải nghị-luận chi lắm cho phân-vân.

Hoặc có người bảo rằng : « Chữ Nho nay đã đến cái thời-kỳ về hưu rồi, không cần dùng gì đến chữ Nho, mà

phải cổ-vũ khuyến-tưởng về việc học chữ Nho nữa». Nói thế, chắc rằng cũng không phải là bạc-tình gì với chữ Nho, là chẳng qua chưa xét đến cái nguyên-nhân quốc-ngữ và cái nguyên-tắc quốc-văn vậy.

Nay mở quyển Minh-giáo-xích-độc này mà xem ra, thì sách này có phải là sách quốc-ngữ đấy không? sao nhiều chữ Nho như vậy? Tây - dương tiên-sinh có phải là người Tây đấy không? là người Thiên-chúa-giáo đấy không? sao dùng chữ Nho được quảng-bác như vậy, tinh-vi như vậy?

Nếu tiên-sinh là người Nam, chắc có kẻ bảo tiên - sinh rằng: Người Nam cứ chữ nôm mà nói, việc gì phải nói chữ Nho. Nếu tiên-sinh là người trong Nho-giáo, cũng chắc có kẻ chê tiên-sinh rằng: Ông nhà Nho chỉ thích dùng chữ Nho mãi thôi. Duy, tiên-sinh không phải là người Nam, lại là người Tây; tiên-sinh không phải là người trong Nho-giáo, lại là người trong Thiên-chúa-giáo; vậy thời cái chân-tưởng chữ quốc-ngữ nước ta mới có thể hiển-chứng ra là vưỡn sẵn có hồn Hán-văn đó. Chao ôi! sùng - kính lắm thay! quí-báu lắm thay! hân-hạnh lắm thay! cảm-tình lắm thay!

Song bỉ-nhân lại nghĩ đến cái tiền-đồ quốc-ngữ, mà nghịnh-liệu có hai đường rằng: Một là quốc-dân ta vội khinh-bạc chữ Nho, khiến cho nền quốc-văn nghiêng-đổ; sau này quyển Minh-giáo-xích-độc có ít người hiểu, ít người biết rằng hay; ít người xem, ít người biết rằng quí; thời bài văn phẩm-bình này, tức là bài văn ô-hô cho quyển sách này.

Hai là quốc-dân ta biết bảo-tồn chữ Nho, khiến cho nền quốc-văn vững-vàng; sau này quyển Minh-giáo-xích-độc có lắm người hiểu, lắm người biết rằng hay; lắm người xem, lắm người biết rằng quí; thì bài văn phẩm-bình này, tức là bài văn tuyên-bá cho quyển sách này.

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

V

LUẬT HÌNH

THIÊN THỨ HAI

Các thứ tội-phạm

Biết nghĩa chữ tội-phạm rồi, lại nên biết những việc gì là tội phạm. Trong thiên thứ hai này nói về các thứ tội-phạm, nghĩa là các thứ trọng-tội, khinh-tội, tội vi-cảnh cùng là cách trừng-phạt về mỗi tội phạm. Trong các việc phạm luật, kể ra thì nhiều lắm không có thể nào định cho đủ hết cả mọi thứ được; bởi thế trong luật không có tách bạch định riêng ra từng việc tội phạm, thí-dụ không có định riêng tội dì giết cháu, anh đánh em, con ăn trộm của cha, em chồng ăn trộm của chị dâu, vân vân, vì cứ định riêng từng thứ như thế, thì phải định ra có đến hàng vạn tội phạm, mà vẫn chưa đủ tội-danh; như sách Tàu có nói rằng có nhiều đời vua làm luật trong định đến quá 600 tội phạm bị tử-hình, còn các thứ tội

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 57.

phạm bị hình phạt khác, lặt vặt định riêng từng thứ cộng lại kể tới quá 6.000 tội phạm. Luật cũ Tàu và luật cũ của ta vì làm theo lối như thế, thành ra phiền quá mà vẫn không đủ, kỹ quá mà vẫn còn sót. Vì lẽ ấy luật Hình mới bây giờ theo phương-pháp mới, chia tội phạm ra làm mấy chủng-loại, thí-dụ chia làm tội phạm hại đến sự yên-ổn của nhà nước, tội phạm hại đến thân-thể tư-nhân vân vân; trong mỗi chủng-loại lại chia làm mấy tế-mục, thí dụ trong cái tội-phạm hại đến thân-thể người lại chia ra làm sát-nhân, thương-nhân, v. v...., còn cùng thuộc về một thứ tội-phạm, mà việc tội-phạm nọ khác với tội-phạm kia là bởi những tình-trạng riêng, là những tình-trạng thường chỉ tăng giảm hình-phạt, như một việc đánh nhau thường mà nhỡ đánh phải người đến chết, với một việc ẩn-phục hoặc dự-mưu mà đánh chết người, thì việc trên là ngộ-sát, việc dưới là cố-sát; hai việc khác nhau là vì một đàng vô-ý một đàng cố-ý, tức là hai tình - trạng riêng để tăng giảm hình-phạt, nhưng nói chung thì hai việc đều là sát-nhân, mà cùng thuộc về chủng-loại tội phạm hại đến thân-thể người. Nhờ phương - pháp xếp-đặt ấy, luật các nước văn - minh bây giờ tuy không định riêng ra nhiều tội - danh, chia ra từng trường - hợp linh-tính man-mác, mà vẫn hoàn- toàn vẫn-tắt đủ cả.

* * *

Luật mới ở Bắc-kỳ ta cũng xếp-đặt theo phương-pháp ấy, chia mỗi chủng-loại tội-phạm tóm làm một chương. Trong bài lược - khảo này theo cách xếp-đặt riêng chia làm bốn chương : Chương thứ nhất nói về các thứ trọng-tội khinh-tội đối với công-cộng đoàn-thể, chương thứ hai nói về trọng-tội khinh-tội đối với tư-nhân, chương thứ ba nói về tội phạm đặc- biệt, chương thứ tư nói về tội vi - cảnh. Cách chia như thế là để cho tiện, làm cho tóm ngay được các thứ tội-phạm trong luật Hình; song muốn biết tường, thì phải khảo-sát từnh tội-phạm cho tinh-vi, chứ giản-lược quá, thì chỉ biết hàm-hồ đại-ý. Trong bài lược-khảo này không phải là rút lại từng chương lớn tiết lớn trong luật mà chỉ nói tóm vài câu, hay là kiện nghĩa từng chữ từng câu trong luật đâu; đây là vì theo chủ-nghĩa phổ-thông, chỉ chia làm mấy chủng-loại lớn như thế để dễ hiểu, mà thuộc về mỗi chủng-loại chỉ tùy tiện, thí-dụ riêng về một vài thứ tội-phạm và giải-thích riêng về một vài chữ luật mà thôi.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Trọng-tội khinh-tội đối với công-cộng đoàn-thể

Các thứ tội phạm về công - cộng đoàn - thể là các thứ tội phạm không phải hại riêng cho nhất-cá-nhân mà hại chung cho cả xã-hội, trật-tự, hiến-pháp, chánh-phủ.

§ I. — Trọng-tội khinh-tội ngại đến sự yên - ổn của nhà nước (từ điều 65 đến điều 73 luật-Hình).

Nghĩa chữ âm-mưu (complot) trong điều 70. — Đoạn thứ 2 điều ấy định rằng: « Âm - mưu là kể từ hai người trở lên cùng bàn nhau hợp-ý quyết làm.» Vậy thì phải đủ 4 nguyên-lý sau này mới gọi là âm-mưu phạm điều 70 luật-Hình :

1° là quyết làm,

2° là hợp ý,

3° là từ hai người trở lên,

4° là âm - mưu để phạm những trọng-tội trong điều 65 và 66, nghĩa là để phạm những việc dùng binh - khí chống lại nước France, cơ mưu có ý phá đổ ngôi Hoàng - thống của bản-quốc, hay là khích dân khởi loạn, hay là xâm-phạm đến thánh-thể Hoàng-đế hay là xâm - phạm đến tính-mệnh Hoàng-hậu, Hoàng-tử.

Tội phạm định trong điều 71. — « Người nào làm những sự vận-động khác có thể làm hại đến sự yên - ổn của công-chúng hay là làm cho sinh đại-loạn đến chính - trị, thì phải bị phạt giam từ 1 năm đến 5 năm. »

— Chữ vận-động (Manœuvres) nói đây nghĩa là gì ? trong luật không định tới, nhưng cứ xem trong tờ thông-tư quan Đông-Pháp chưởng-lý ngày 15 Mars 1913 có thích nghĩa về chữ « Manœuvres » nói rằng luật không định rõ là ý để cho các quan thẩm-phán được đặc - quyền mà chỉ định những việc phạm nào có thể gọi được là vận-động ; cứ theo nghĩa thường của conseil d'Etat bên France đã định nghĩa về chữ ấy, thì chữ ấy là gồm tất cả các việc chiêu-hô, tụ-tập, oa-tàng, chế-tạo binh-khí đạn-dược, hiệu-lệnh, truyền-hịch, thông - bao tin-tức vân vân. Đại-khái tất cả những việc phạm để làm siêu lòng quan quân, xui-giục nhân-dân làm việc phản-nghịch. Những việc ấy có thể cho được là phạm điều 71, vì rằng phát-hiện ra thì quả có thể làm hại đến sự yên-ổn của công-chúng hay là sinh đại-loại đến chính-trị.

§ II. — Các trọng-tội khinh-tội đối với trật-tự của công-chúng và đối với các chức-dịch thuộc về công-quyền — Phương - ngại công - chức — các sự hành-hung đối với công-chức cùng các người khác thuộc về công - quyền. (Từ điều 74 đến điều 85 luật Hình).

Tội phạm định ở điều 80. — « Người nào do ác-ý mà đặt ra một trọng-tội khinh-tội vi-cảnh-tội, để trá-cáo với quan mà xưng rằng tội ấy làm tổn-hại cho mình hoặc cho người khác, tuy không có trỏ ai là người phạm, nhưng xét ra người đứng cáo là tự-ý tưởng-tượng ra tội phạm mà cáo, thì sẽ bị phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng và phạt bạc từ 7 đồng đến 50 đồng. »

Điều này là để trừng phạt những kẻ nào do ác-ý thì dụ là do bụng hiệp-hiềm hay là để mưu việc bất-lương, mà vô-cố bày đặt ra một cái tội phạm để trá-cáo với quan trên, dầu không trỏ ai là người phạm thì kẻ trá-cáo cũng bị tội.

Phương-ngại công-chức (*rébellion*). — Điều 81 định rằng : « Người nào đối với một quan - chức nói trong điều 79, trong khi các quan chức ấy chấp - hành pháp - luật, hoặc nghị-định định-lệnh qui-tắc của các công-sảnh hoặc trát phiếu án-văn mệnh-lệnh của tư-pháp, mà dùng những cách phi-pháp để làm sự công-kích ngăn-trở thì vô-luận là có bạo-hành hay không, đều là phạm về tội phương-ngại công-chức, phải bị phạt giam từ 1 tháng đến 1 năm.

« Người nào kêu rao hoặc dậm-dọa hoặc bạo-hành hoặc dùng cách hung-hãn gì khác, mà kháng cự viên-chức chấp-hành khiến cho không được chấp-hành những công-văn định-lệnh của tư-pháp như là đã nói ở điều 369 trong luật Dân-sự Thương - sự tố-tụng, thì cũng cho là phạm tội phương-ngại công-chức.

« Nếu người phạm tội phương-ngại công-chức có cầm khí giới, không cứ thứ gì cũng có thể phạt giam đến 18 tháng ».

Nói tóm lại thì tội phương-ngại công-chức phải đủ ba nguyên lý sau này:

1° Dùng cách phi-pháp để làm sự công-kích, ngăn trở.

2° Công-kích ngăn-trở đối với một người quan-chức nói ở điều 79 (xem điều 79 thì biết rõ).

3° Trong khi các công - chức ấy đương làm chức-vụ hoặc nhân về việc làm chức-vụ.

§ III.—Vi-bội tắc lệ— vi-bội thượng-lệnh — cự không đóng thuế — ẩn lậu thuế khóa. (từ điều 86 đến điều 90 luật Hình).

Vi bội tắc-lệ. — Điều 86 định rằng : «Người nào trái tắc-lệ đã có từ khi chưa tuyên-bố luật này mà tắc-lệ ấy tựu-trung có điều khoản vì không tương-phản với luật này nên hiện còn thi-hành, thì sẽ bị phạt giam từ 6 ngày đến 10 tháng và phạt bạc từ 7 đồng đến 50 đồng, hay là hai thứ chỉ phải chịu một.

« Người nào trái định-lệnh qui-tắc của quan Toàn-quyền và của quan Thống-sứ Bắc-kỳ cũng thế; trừ khi nào định-lệnh ấy có biệt-định lấy hình phạt vi-cảnh làm hình tài-chế riêng, thì không kể ». Vậy thì tắc-lệ đây là nói gồm cả chỉ-dụ, sắc-lệnh, nghị-định. Một điều nên chú-ý là khi nghĩ án về việc vi-bội tắc-lệ, thì trong cái án nghĩ-tội lại phải biên-chú cái tắc-lệ đã tuyên-bố trước luật và ngày tuyên-bố cái tắc-lệ ấy, hay là biên-chú cái định-lệnh qui-tắc tuyên-bố sau luật và ngày tuyên-bố cái định lệnh ấy, nếu không thì vô-hiệu.

§ IV. — Công-chức phạm tội. (từ điều 91 đến điều 110).

Công-chức là ai ? — Điều 110 định rằng : « Luật này gọi công-chức là nói gồm tất cả các viên-chức thuộc về hàng thượng-cấp quan-lại, quan tỉnh, phủ, huyện, cùng là các chức-định về tổng-chức hương-chức, về ngạch tư-pháp cũng như ngạch hành-chính. »

Vậy tất phải thuộc về một hạng người kể ở điều 110 ấy thì mới kể được là công-chức phạm-tội:

Hối-lộ (Corruption). — Điều 91 định rằng : « Người công-chức nào sách-thủ mặc-nhận lời hứa lời ước, nhận-thụ của lót của biếu để làm một việc thuộc về chức-phận mình phải làm mà chiếu lệ không được lấy tiền — dẫu xử-lý công-bằng mặc lòng; — hay là nhận tiền nhận lời để bỏ không làm một việc thuộc về phận-sự mình phải làm, nếu xét ra quả có chứng cớ, thì sẽ bị phạt giam từ 3 tháng đến 5 năm và phạt bạc từ 10 đến 500 đồng. Vả lại có thể tùy tình-trạng mà xử người công-chức ấy bị cấm-quyền chiếu như điều thứ 29 đã nói hoặc cấm toàn-bộ hoặc cấm nhất-bộ. »

Phù-lạm (Concussion). — Điều thứ 96 định rằng : «Người công-chức, hoặc người đại-lý của người công-chức hoặc người thừa-phát-lại, hoặc chức-dịch nhiệm thừa-phát-lại, hoặc người thừa-sai thu tiền cho quan hành-chánh, hay là thu cho người lĩnh-trưng của quan hành-chánh, mà tự mình phạm tội phù-lạm như là : sức-thu hoặc sách-thủ, hoặc nhận lấy những của mà mình đã biết rằng không nên lấy, hoặc phù-thu những của không nên thu, thì vô-luận là lấy danh-nghĩa gì mà thu lấy, đều bị phạt giam từ 2 năm đến 5 năm và phạt bạc gấp hai số tiền phù-lạm.

« Người phù-lạm lại bị nghĩ-xử thường-hoàn cái số thu lấy trái phép ấy cho người bị-hại, khi có cần lại bị bồi tổn-hại nữa.

Hối-lộ với phù-lạm khác nhau như thế nào ? — Phạm tội hối-lộ là cứ điềm-nhiên thâu-nhận lời hứa lời ước, của lót của biếu do kẻ đương-sự tự-ý làm ra hay là đem đến ; phạm tội phù-lạm là tự mình sinh sự sách-nhiễu sách-thủ những tài-vật không được phép lấy của người ta.

Nịnh-chức (abus d'autorité). — Là gồm các thứ tội phạm do người công-chức vì ác-tâm, tư-tâm mà làm sai-chức hoặc lạm-chức, thí-dụ : những-nhiễu hành-hạ nhân-dân, đứng xổ vé về việc bầu-cử mà thêm bớt số vé vân. vân...

§ V. — Giả-mạo (từ điều thứ 146 đến điều thứ 155 luật-Hình).

Luật Hình đã chia ra từng trường-

hợp giả-mạo, rất rõ ràng. Trong bài lược - khảo này chỉ giải-thích một vài chữ về:

1° giả-mạo về tiền-tệ.

2° giả-mạo về văn-thư.

1° *Giả-mạo về tiền-tệ.* — Điều 150 định rằng: « Người nào tự - tiện chế-tạo hay là phát-hành những thứ tiền vàng bạc giả — không cứ là làm bằng kim-khí gì — hoặc giấy bạc gì, thì bị khổ-sai chung-thân.

« Người nào phạm một tội sau này, thì bị khổ-sai có kỳ:

« 1° là chế-tạo, phát-mại, huề-đới, phân - phát những giấy in, giấy phiếu giả, làm giấy bạc ngân-hàng, hoặc giả làm giá - phiếu khác không có tên người, mà giả-danh là của chánh-phủ An - nam hoặc của công-ti thật hay là công-ti giả.

« 2° *Tự-tiện chế-tạo*, nghĩa là bắt chước làm tiền vàng bạc hoặc giấy bạc giả; không cứ là bắt chước đúng hệt hay là không đúng hệt như tiền-tệ thật của nhà nước, hễ đã làm đủ chữ đủ dấu như tiền-tệ của nhà nước mà cốt ý để đem ra tiêu dụng, thì tức là phạm-tội.

Tự-tiện phát-hành, nghĩa là đem tiền-tệ giả mà tiêu dụng, hoặc đem giả nợ hoặc mua bán, hoặc cho không, nhưng cốt nhất phải quyết rằng người đem tiêu dùng thực - tình biết rằng tiền-tệ giả mà cứ cố-ý tiêu dùng.

2° *Giả-mạo về văn-thư.* — Điều 146 định rằng: « Người công-chức công-lại nào khi làm chức-vụ mà dùng một phương-kế sau này để biến-cải công-bạ hay là công-văn, thì cho là phạm tội giả-mạo:

— là mạo chữ ký hoặc mạo chữ viết;

— là mạo đặt ra họ tên người nào;

— là viết thêm vào viết chen vào các công-bạ công-văn đã hoàn-kết.

Người công-chức công-lại nào nhân khi biên chép những tờ giấy thuộc về chức-vụ mình phải làm, mà biên chép khác lời đề-ước của hai bên, hoặc biên chứng việc hư làm thực, việc người không nói làm có nói để thay đổi chỗ cốt-tử hoặc thay đổi tình-trạng, cũng là phạm tội giả-mạo.

Phạm về tội giả-mạo, nếu sinh ra tổn-hại đến quá 2000 đồng bạc, thì bị khổ-sai chung-thân; nếu sinh ra tổn-hại từ 1200 đồng bạc đến 2000 đồng bạc, thì bị khổ-sai có kỳ; nếu sinh ra tổn-hại không tới 1200 đồng bạc hay là số tổn-hại không định được là bao nhiêu, thì bị phạt giam từ 1 năm đến 5 năm.»

Điều 147 định rằng: « Các người khác mà dùng một phương-kế sau này để biến - cải những công-chánh-chứng-thư tư-thư-chứng-thư về Dân-sự Thương-sự, cũng là phạm tội giả-mạo:

— Là mạo-tả hoặc biến-tạo chữ viết chữ ký;

— Là làm giả văn khế, hay là lời đề-ước khác điều khoản khác, mà trong biên những nghĩa-vụ, những sự nhã-trách không phải là của hai bên đương-sự hiệp-nghị với nhau, hoặc là các thứ chứng-thư ấy đã ký-kết rồi, mà biên thêm những nghĩa-vụ ấy sự nhã-trách ấy vào sau.

— Là tăng - gia biến-tạo một biệt-khoản, một lời trần-thuật, một sự bảnh-vi, vào trong các chứng-thư mà mình phải biên-chứng.

« Phạm về tội giả-mạo nói ở trên này, nếu có sinh ra tổn-hại, thì bị phạt giam từ 1 năm đến 5 năm.

« Các qui-định và hình phạt ở điều này, cũng thi cho người công - chức công-lại phạm tội giả-mạo mà không phải thuộc về các trường-hợp ở điều trên».

Các tội phạm giả - mạo nói ở hai điều trên, luật chia ra như thế, thì đã rõ-ràng lắm, tưởng không cần phải giải-thích nữa, nhưng nếu nói về phương-diện khác thì ta có thể chia tội giả-mạo văn-thư ra làm:

a) *Giả - mạo về hình - thức* (faux matériel), là khi có để vết-tích trong văn-thư, ví dụ như khi mạo-tạo hoặc thay đổi chữ ký hay chữ viết, viết thêm vào hoặc viết chen vào các văn-thư sau khi các văn-thư ấy đã nhất-định xong rồi.

b) *Giả-mạo về tinh-thần* (faux intellectuel), là khi phạm không có để cho trông thấy vết-tích gì, không phải thay đổi về tự-tích bề ngoài, mà chỉ thay đổi về cái cốt-tử bề trong, hoặc biến mạo việc hư làm thực, việc thực làm hư, việc không làm có, việc có làm không, để thay đổi chỗ cốt-yếu hoặc thay đổi tình-trạng về sự thực.

§ VI. — Tù trốn — trách-nhiệm của người giám-thủ — Oa-tàng kẻ phạm trọng - tội (từ điều 156 đến điều 166 luật Hình).

Tù trốn. — Chữ « tù » không những trỏ người đương bị-giam vì đương bị-can về trọng-tội khinh-tội chưa thành án hoặc đã thành án, mà lại trỏ cả những người can-phạm bị bắt; người tù trốn đi tức là phạm tội đào-vong.

Về việc đào-vong, thì luật có chia làm từng trường-hợp mà trưng-trị kẻ phạm tội đào-vong, người giám-thủ hoặc người áp-giải để cho phạm tội đào-vong, cũng là người dệ-tam giúp đỡ cho kẻ phạm để đào-vong (xem từ điều 156 đến điều 165 luật Hình, thì sẽ biết rõ).

Oa-tàng kẻ phạm trọng-tội. — Luật Hình trừng phạt người nào đã tri-tình mà oa-tàng những kẻ phạm trọng-tội, nghĩa là dung nho kẻ phạm ấy ở nhà mình hay là tìm chỗ cho nó trốn tránh. Người oa-tàng tất phải biết kẻ ấy là can phạm trọng-tội, tất bằng lòng oa-tàng, thì mới có tội. Nếu vì thế cưỡng-bách hoặc vì đạo luân-lý bất-đắc-dĩ mà phải oa-tàng, thì sự oa-tàng ấy không có tội (câu này là trích dịch trong tự - vị Dalloz). Bởi vậy đoạn thứ 2 điều 166 luật Hình Bắc-kỳ có định rằng: « Nếu người oa-tàng là ti-thuộc, tôn - thuộc, phối-ngẫu của người phạm, thì không thi-dụng qui-định ở điều này ».

§ VII. — *Du đãng.* — Cư-lưu ở ngoại quốc mà không giấy thông - hành, (từ điều 167 đến 170).

Du đãng. — Điều 167 định rằng: « Người du-đãng hay là người vô-lại là người không lo sự làm ăn và không có nghề nghiệp thường.. » vậy thì cứ như luật Bắc-kỳ đã định, tất phải đủ hai nguyên-lý sau này mới là phạm tội du-đãng:

a) *Không có lo sự làm ăn.* — Luật không định rõ thế nào là « không có lo sự làm ăn » là ý để quan thẩm-phán theo lẽ công-bằng mà tài-định. Ví dụ như kẻ chỉ du-thử du-thực mưu toan những việc bất-lương hay là chỉ ăn nhờ về những sự bại-hoại phong-hoá, thì những kẻ ấy tất không phải là người « lo sự làm ăn ».

b) *Không có nghề nghiệp thường.* — Là nói người nào bình-sinh không có làm một nghề nghiệp gì. Người nào bị truy-tố là du - đãng mà muốn thoát khỏi sự truy-tố ấy thì phải viện chứng rằng xưa nay vốn là người lương thiện, vẫn có nghề nghiệp; chỉ nhất - thời không may mà thành ra không có việc làm, không chỗ nương-thân, thì luật cũng không có nhất - khái bắt tội là người du-đãng.

§ VIII. — Tập-hội trái phép (từ điều 171 đến điều 178).

Luật cấm những hội bí-mật hay là những hội định làm những sự hạ

đến luân - thường đạo - lý hay là những sự phạm đến trật-tự pháp luật, chứ không có cấm gì những hội có mục-đích chính-đáng như hội văn-học, hội tế - tự hay là nói về phương - diện khác như hội buôn bán, hội kĩ - nghệ, thì được phép lập-hội, nhưng phải trình cho quan trên biết cái mục-đích của hội mình định lập. Về thể-lệ các hội ấy phải như thế nào, đã có Dân-luật Thương-luật hay là qui-tắc riêng, đây là khảo về luật Hình tức là luật đặt ra để giữ trật - tự và phòng sự yên-ổn, thì nên biết qua rằng *hội bí-mật điều bị cấm.* Điều 171 định rằng : « Bí - mật cùng nhau tư - tập làm thành đoàn-thể có ý giấu không cho quan hành-chánh hoặc quan tư-pháp biết những sự họp-tập và mục-đích của mình, tức là hội bí - mật ; hội bí-mật đều bị cấm. Người nào bị xét ra quả là dự vào hội bí-mật, thì phải bị phạt giam từ 6 tháng đến 2 năm lại bị phạt bạc từ 40 đồng đến 200 đồng.

«Người hội-trưởng hay là người lập-hội thì có thể bị phạt gấp hai; và lại có thể bị thi cả điều 20, 21 nữa.

« Các hình phạt nói ở trên này sẽ nghĩ-xử riêng không hề can-ngại đến các hình phạt thuộc về khi tập hội mà phạm tội khác; »

Hay là không bí-mật mà số người tập-hội quá 20 người trở lên, thì phải theo qui-định sau này :

Điều 173 định rằng: « Bất cứ là tập-hội hằng ngày hay là tập-hội có kỳ và mục-đích để bàn-biện về tôn-giáo, văn-học hay là chánh-trị, hễ số người dự-hội quá 20 người trở lên, thì phải có phép Chánh-phủ Bảo-hộ chuẩn cho và phải tuân y chương-trình Chánh-phủ Bảo-hộ đã định mới được tập-hội.

« Số người nói ở điều này là chỉ kể những người dự hội, chứ không kể những người ở chung trong nhà tập hội.»

§ IX. — Tội phạm về sự tế-tự (từ điều 315 đến điều 317 luật Hình).

Chữ tế-tự (culte) nghĩa là gì, thì ai cũng biết, không cần phải giải ; trong bài này là bài khảo-luật, thì chỉ nên nói về cái lý-do tại sao mà luật phải định về tội phạm về sự tế-tự :

Nguyên là về việc tôn-giáo, cứ theo cái lý-tưởng mới, thì ai ai cũng được tự-do tín-ngưỡng. Đã được tự-do tín-ngưỡng, thì tất được tùy-ý làm theo nghi - tiết về tôn - giáo mình, nhưng không được vì sự tín-ngưỡng của mình, mà làm tổn-hại đến sự tự-do của người ta, hay là làm trở-ngại đến sự trị-an của nhà nước. Phong - tục nước ta ngày trước đã hàm có cái ý cho tự-do tín-ngưỡng. Bây giờ ta lại nhờ ơn nhà nước Bảo-hộ khai - hóa cho ta, không những lo liệu cho ta mọi việc về đường vật-chất, mà lại lo liệu cả mọi việc về đường tinh-thần. Mà kể về đường tinh-thần, thì không những truyền bá cho ta biết cái học-thuật hay, lại minh-định pháp-luật để bảo-hộ cho ta được hưởng quyền tự-do về sự tế-tự. Vì lẽ ấy trong luật-Hình có định phạt những kẻ hiếp-bách bắt người ta phải làm, hoặc ngăn trở không cho người ta làm những sự tế-tự, cùng là những kẻ làm sự bất-kính đối với tế-khí hoặc tế-viên ở trong trường-sở tế-tự, hay là đương khi tế-tự. (xem điều 315-316-317 luật Hình).

(*Còn nữa*)

H. T.

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

VI

CHƯƠNG THỨ VIII

Thời đại cổ-văn trung-suy

TIẾT THỨ 49

Lối cổ văn suy kém. — Từ sau khi đời Tống thiên sang nam-độ, văn-khí tán-mạn suy-nhược, không thể chấn-khởi lên được; như là văn Trần Lượng thời thô-hào, Diệp Thích thời bình-thực, Lâu Thược và Châu Tất-Đại thời không - khoáng. Đến như văn bác-nghị của Lã Tổ-Khiêm và văn của Trần Phó - Lương thời lại càng bỉ-tục lắm. Chỉ có văn Chu Hi 朱熹 bắt chước họ Hàn họ Tăng, làm ra rất tự-nhiên, thực là một nhà đại-gia đời Nam-Tống. Song về mạt-lưu những người bắt-chước sai đi thành ra lối văn những-tạp ủy-mĩ, lại càng tệ lắm. Văn đời Kim thời có Sái Khuê khai-đoan ra trước, Triệu Bình-Văn kế-thông về sau, cuối cùng thời có Nguyên Hiếu-Vấn; đại-đề đều bắt-chước lối văn Tô Đông-pha, tựu-trung có văn Di-Sơn là trác-quán hơn cả thời ấy; song tài-bộ cao quá, khí-tượng rất hùng, không khỏi có chỗ chi-tiết sai lạc. Văn đời Nguyên cũng thế, từ Đỗi Biền-Nguyên chấn-khởi tư-văn làm ra lối văn tinh-thâm hòa-nhã; Diêu Toại nối theo lại bắt chước lối văn Hàn Xương-Lê; còn như văn Viên Đốc, Mã Tồ-Thường thời cũng tinh-thiệm bác-nhã; đến khi văn-gia tứ-kiệt là: Ngu Tập, Phạm Hanh, Dương Tài, Yết Hề-Tư khởi lên, thời văn đời Nguyên mới thực là thịnh; mà trong tứ-kiệt thời Ngu-Tập đứng đầu, thực hay đào-tạo được quần-tài, cũng như là ông Lư-Lăng ở đời Bắc-Tống, song xét sở-đắc của Ngu Tập cũng ngang với bậc ông Di-sơn, Mục-am vậy. Sau lại có Hoàng Tấn, Ngô Lai, Liễu Quán đều là ba nhà văn-học có tiếng. Nhà văn-học về đầu đời Minh thời Tống Liêm là bậc nhất. Tống Liêm vốn học Hoàng, Ngô, Liễu ba tiên-sinh mà phẩm-cách cũng khá cao. Lại còn Lưu Cơ, Vương Vĩ tài-học cũng ngang bằng Tiềm-Khê; Phương Hiếu-Nhụ vốn học ông Tiềm-Khê, mà văn lại gần giống như văn ông Đại - Tô. Năm Thành-nhân trở về sau, thời có Dương Sĩ-Kỳ, Dương Vinh, Dương Phổ đem lối văn quảng-bác xương-minh xướng lên ở đời gọi là thể văn đài-các, về sau những kẻ hậu - tiến bắt chước, thành ra văn những-tạp. Khoảng năm Hoằng-chính, Lý Đông-Dương muốn cứu - chính lại, nhưng tài văn - học không hay hơn được ba họ Dương. Kể từ đời Nam-Tống trở về sau này, những nhà văn - học trước-tác cũng nhiều, nhưng ít nhà là bậc văn đại-gia, cổ-văn từ đó lại càng bại-hoại lắm.

TIẾT THỨ 50

Thể văn biền-ngẫu suy kém. — Từ đời Nam - Tống thể cổ-văn suy, các nhà làm ra thể biền - văn rất nhiều, như là Tôn Địch, Uông Tảo, Cơ Sùng-Lễ đều là các nhà có hùng-tài về thể biền-văn, tựu-trung thời Uông Tảo hơn cả, như là thảo ra tờ thủ-thư của bà Thái-hậu năm Long-hựu cùng những thiên chiếu-chỉ năm Kiến - viêm, lời văn thực là cảm - động nhân-tâm gần được như bài chiếu năm Hưng-nguyên của Lục-Chi làm ra, thực là tập - đại-

(1) Dịch theo quyển *Trung-quốc văn-học-sử* của ông Vương-Mộng-Hoa 王夢華. Xem Nam-phong từ số 56.

thành cả lối biền-văn đời Tống. Nối theo sau lại có Chu Tất-Đại, Dương Vạn-Lý, Ngụy Liễu-Ông, Chân Đức-Tú; còn từ đấy về sau thời chỉ cốt làm cho lời văn lưu-loát diễm-lệ, nên thể biền-văn mỗi ngày một suy. Đời Nguyên thời có Diêu Toại, Ngu Tập. Viên Dốc, Yết Hề-Tư, cũng thừa được cái dư-ba biền-văn đời Nam-Tống. Đầu đời Minh thời có Lưu Cơ, Tống Liêm, cũng có làm ra và mươi bài biền-văn liên-châu. song cũng là thể tản-văn mà làm đối chỉnh từng câu từng chữ mà thôi. Sau này những bài chế cáo toàn làm bằng thể tản-văn, cho nên thể biền-văn mới tuyệt di mất.

TIẾT THỨ 51

Lối văn ký-sự suy dần — Thể văn sử-ký về đời Nam-Tống rất thịnh, và cũng nhiều bộ trước-tác kỳ-tuyệt, như là Hồ Hoằng làm ra bộ Hoàng-vương đại-kỷ; La-Bỉ làm ra bộ Lộ-sử; mới phá bỏ cái thành-lệ tôn-chuộng kinh-văn. Trịnh Tiêu làm ra bộ Thông-chí, lại phá bỏ cái thành-lệ ngắt từng đời ra làm sử; lại còn như bộ nhị-thập sử-lược, và những thiên tổng-quát chép cả chính-trị học-thuật các đời, lại càng phát-minh những điều vị-phát của người đời trước. Đến như Chu Hi nhân sánh Thông-giám làm ra sử Cương-mục, có ngụ ý bao biếm; Viên Khu nhân sách Thông-giám làm ra thiên Kỷ-sự bản-mạt, để cho tiện khi xem mà ghi nhớ; Mã Quí nhân sách Thông-điển của Đường Đỗ-Hựu bèn làm ra bộ Thông-khảo, đều là những bộ sách trước-tác đặc-biệt. Từ đời Nguyên trở về sau, Sử-học suy kém, người đời Nguyên có tu mấy bộ sử, như là bộ Tống-sử thời phiền-tạp quá, bộ Liêu-Kim sử thời sơ-lậu quá. Đời Minh-sơ có làm ra sách Nguyên-sử, nhưng lại càng thô-suất lắm.

TIẾT THỨ 52

Lối thời-văn mới khởi lên. — Nước Tàu tự đời Chu trở về trước các đời vẫn do nhà Học-hiệu để tuyển-lấy học trò. Đến đời Hán, Ngụy, Lưỡng-Tấn, và Nam-Bắc-triều thời do cách tiến-cử để lấy kẻ sĩ. Tự Tùy Dưỡng-đế mới đặt ra khoa Tiến-sĩ, cách thi bằng thơ phú và thiếp-kinh. Đến năm Hi-minh đời Tống, Vương An-Thạch mới bỏ thơ phú mà thi kinh-nghĩa, tức như lối văn thích-nghĩa tứ-thư ngũ-kinh về hồi cuối đời nhà Thanh. Năm Nguyên-hựu về sau lại bãi bỏ lối văn Kinh-nghĩa. Đến năm Diên-hựu vua Nhân-tôn đời Nguyên, mới định ra phép khoa-cử khảo-thi, vì thế Vương Khắc-Vân 王克寅 mới làm ra một lối văn *Bát-tị* 八比, gọi là *thư-nghĩa cảng-thức*, trong bài văn có câu *phá-đề*, *tiếp-đề*, đoạn *tiểu-giảng*, *quan-đề*, *nguyên đề*, *đại-giảng*, *hậu-giảng* rồi đến đoạn *nguyên-kinh* câu *kết-vĩ* là hết. Đời nhà Minh cũng nhân theo lối văn ấy, sĩ-tử từ bấy giờ chỉ bó-buộc về văn Bát-tị, (*tức ta gọi là kinh-nghĩa bát-cổ, có tám vế*) văn-phong sở-dĩ đồi-bại là vì thế.

TIẾT THỨ 53

Văn tiểu-thuyết biến-thể. — Lấy bạch-hoại đổi lời văn-ngôn, là trước tự đời Tống. Không những văn tiểu-thuyết làm bằng bạch-hoại, còn nhiều các thứ văn bạch-hoại, sẽ kể như sau này:

1° *Dùng bạch-hoại để làm văn luận-lý.* — Đời Tống-sơ, Chu Đôn-Di, Trương Tái, Thiệu Ung cùng nhau thuyết-lý, thuần dùng lời văn-chương; từ anh em Trình Di, Trình Hiệu khởi lên mới dùng bạch-hoại để thuyết-lý, gọi là sách Ngữ-lục; về sau bàn đến tính-lý đều tôn-sùng sách ấy.

2° *Dùng bạch-hoại để làm văn ký-sự.* — Người Nguyên quật-khởi ở phía mạc-bắc, không hiểu văn-lý là gì, nên sử-quan làm sách thường phải lấy con thỏ con hổ để kỷ-niên, như là bộ bí-sử đời Nguyên nay hãy còn truyền lại đó.

3° *Dùng bạch-hoại làm tờ văn cáo.* — Đời Nguyên cấm người Mông-cổ học chữ Hán, người Hán học chữ Mông-cổ, cho nên những tờ văn-cáo của triều-đình, lắm lời bỉ-lái, như là nay hãy còn truyền bài văn bia Thiên-bảo cung thánh-chỉ.

4° *Dùng bạch-hoại làm thơ từ.* — Ca nhạc-phủ thường dùng lời ngạn-ngữ, cũng có bài thơ làm theo bài-thể; song đến đời Tống mới thực là không có tài-chế gì cả, thơ cũng dùng lời bạch-hoại, như là tập thơ *Kích-nhưỡng*; từ-khúc thời đến Sơn-Cốc có khi toàn bài dùng bạch-hoại cả. Nối theo sau như những bài *Tấm-viên-xuân* của Tưởng Trúc-sơn đời Nam-tống, bài *Tích-da-kiều* của Thạch Thứ-Trọng, đều toàn dụng bạch-hoại cả.

Văn-chương phong-khí biến-đổi như thế, cho nên văn tiểu-thuyết cũng phải dụng bạch-hoại là thế tất-nhiên. Xét văn tiểu-thuyết nước Tàu bắt đầu từ đời Hán Vũ-đế, có người phương-sĩ là Ngu Sơ làm ra Chu-thuyết 943 thiên, song sách ấy thất-truyền. Đến đời Đường, đời Tống, cũng nhiều nhà trước-tác, song cũng đều dùng lời văn-ngôn. Từ đời Tống Nhân-tôn, thiên-hạ vô-sự, quân-thần cứ mỗi ngày tiến một việc kỳ-dị để làm vui, đặt ra từng hồi, rồi thuyết-hoại chép nối theo sau, thể tiểu-thuyết chia ra từng chương từng hồi là khởi ra từ đó. Song người đời Tống trước thuật còn theo thể cũ. Đến đời Nguyên Thi-Nại Am 施耐庵 mới làm ra truyện Thủy-hử; Vương Thực-Phủ 王實甫 mới làm ra truyện Tam-quốc diễn nghĩa, thuần dụng bạch-hoại, lối văn ấy mới sướng-phát mãi ra.

Tiết thứ 54

Cách thơ suy kém. — Từ năm Tĩnh-Khang biến loạn, đất trung - nguyên chia ra Nam Bắc. Song các nhà thi-nhân ở Nam Bắc đại-để đều tôn chuộng thơ họ Tô (Đông-Pha) họ Hoàng (Đình-Kiên), mà truyền-bá thịnh nhất thời phái Tây - giang. Song thể - cách thơ Nam - triều càng về sau càng kém; phong-cốt thơ Bắc - triều, càng biến-đổi càng hay lên. Thơ đời Nam-Tống thời có Vưu Mậu, Dương Vạn - Lý, Phạm Thành - Đại, Lục Du là trứ-danh hơn, mà tửu-trung Lục Du (Phóng-ông) lại kiệt-xuất hơn cả; bốn nhà trên này tuy không liệt-danh vào trong bản đồ tôn-phái thi-xã Giang-tây của ông Lã Bản-Trung, song thống-hệ cũng là nối theo cái dòng thơ ông Sơn-Cốc. Thi-nhân đời nhà Kim, thời có Lưu Nghênh, Lý Phần, Đẳng Hoài-Anh, Triệu Bình-Văn là trứ-danh hơn, mà tựu - trung thời Triệu Bình - Văn kiệt-xuất hơn cả, xem ra giọng thơ thời thuần lấy lời sinh-ngạnh rườm rà làm công-xảo, thời thực là đích-phái về dòng thơ Sơn-Cốc. Sau đời Nam-Tống lại có Từ Chiếu, Từ Cơ, Ông Quyền, Triệu Sư-Tú khởi lên, thời lại sùng-thượng lối thơ Giả-Đảo, chuộng làm lời thơ thanh-xấu nhân-dật, để kiểu-chính lại những thói thô-hoạnh của phái thơ Tây - giang, hiệu là phái thơ *Tư - linh*, cũng có hiệu là phái *Giang-hồ*. Đời nhà Kim lại có Nguyên Di-Sơn nối sau Triệu Bình - Văn mà làm ra giọng thơ hùng - hồn, những muốn vượt hơn họ Tô họ Hoàng, mà nối theo họ Lý họ Đỗ. Đầu đời Nguyên thời có Phương-Hồi tôn chuộng lối thơ Giang - tây; Hác Kinh thời học theo lối thơ Di-Sơn; Đời Biểu-Nguyên, Triệu Mạnh-Phủ thời chuộng làm lối thơ mật-thiết thanh - tân, muốn tẩy bỏ những thói văn thô-hoạnh đời Kim đời Tống; nối theo sau lại có tứ-hiệt, mà trong tứ -kiệt thời duy thơ Ngu Tập thật giống như Đường thi. Đồng thời ấy lại có Cừu Viễn, Bạch Đĩnh, giọng thơ cũng nùng-diễm; lại còn Trương Trử, Tát Đô - Lạt càng truyền-bá mãi thi-phái ấy ra; Dương

Duy-Trinh thời học Trường-Cát, nên cũng chuộng giọng thơ kỳ-diễm, thơ đời Nguyên từ đó mới bại-hoại đi. Kịp đến đầu đời Minh thời có Lưu Cơ lấy giọng thơ cổ-kính trứ-danh, Cao Khải thời lấy giọng thơ trầm-uất nổi tiếng, mới tảo-trừ hết những thói văn tỉ-mỉ diễm-lệ. Thời ấy lại còn Bối Quỳnh, Viên Khải, Trương Dĩ-Ninh cũng trứ-danh gần bằng họ Lưu họ Cao ; Dương Cơ, Trương Vũ, Từ Bí thời tề-danh với Cao Khải, nên văn-thơ phong-nhã cũng đủ trên nối được đời Bắc-Tống. Từ năm Vĩnh-lạc trở về sau, biến ra thể thơ đài-các, thi-đạo từ đấy lại suy.

TIẾT THỨ 55

Lối ca-từ suy kém. — Văn ca-từ đến đời Nam-Tống thời rất là thịnh, song đại-đề cũng theo những từ-khúc của Đông-pha, Thiếu-du, Mĩ-thành mà làm xướng-phát thêm ra. Tân Khí-Tật thời học theo Đông-pha mà giọng ca-từ thời bi-tráng khích-liệt, lại có ý đôn-hậu ôn-nhu. Học theo lối ca-từ ấy lại có Lưu Quá, Tưởng Tiệp, song chỉ bắt-chước được diện-mạo chớ bỏ sót mất tinh-thần. Trương An-Quốc, Lưu Khắc-Trang lại là kế-khởi về sau, mà ai cũng khen ca-từ của Khương Qui là hay hơn cả; chỉ có Vương Nghi-Tôn là sánh bằng được. Khương Cách-Cao, Vương Vị-Hậu về lối ca từ cũng đều có sở-trường, thứ hai là Sử Đạt-Tổ, lại thứ nữa là Ngô Văn-Anh, Trương Viêm; Trần Doãn-Bình thời cũng gần bằng họ Ngô họ Trương; Chu Mật, Cao Quang-Quốc lại là vào bậc thứ hai Doãn-Bình, đó thực là phái ca-từ chính-tôn. Từ đời Kim, Nguyên trở về sau, lối ca-từ suy dần, đầu đời Kim chỉ có Ngô Khích, Sái Tùng-Niên là sở-trường về ca-từ ; nối theo sau thời có Di-Sơn, ca-từ của Di-Sơn thời xuất nhập như là của họ Tô, họ Tân, họ Khương, họ Sử, luận-giả cho là tập được đại-thành lối ca-từ đời Lưỡng-Tống, song cũng chửa được hoàn-mĩ. Đời Nguyên thời có Trương-Trử cũng vào bậc từ-khúc đại-tôn ; thứ hai thời đến Ngu Tập, Tát Đô-Lạt. Nghê Toản, Thiệu Hanh-Trinh cũng có tài đặc-biệt về từ-khúc. Đời Minh thời Thanh Điền, Thanh Khâu đã làm mất cổ-ý đi rồi, về sau này lại càng kém lắm.

TIẾT THỨ 56

Từ-khúc hưng-thịnh. — Tự người đời Tống làm ra từ, cũng có xen dụng lời bỉ-lái ; đời Nguyên đời Kim nguyên là dân-tộc man-di vào chiếm-cứ trung-quốc, không am-hiểu văn-lý, những nhà làm ca-từ mới góp nhặt cả câu văn-nhã lời bỉ-tục, làm ra thành ca-khúc. Cuối đời Kim có Đồng Giải-nguyên mới làm ra Tây-Xương ký, đó là khai-mào ra lối Bắc-khúc. Đời Nguyên thời những người sở-trường về Bắc-khúc là Vương Thực-Phủ, Quan Hán-Khanh, Mã Trí-Viễn, Kiều Mộng-Phủ, Trịnh Đức-Huy, Bạch Vô-Cữu, đều là những nhà trứ-danh. Họ Vương họ Quan có bổ thành khúc Tây-xương ký, Mã Đông-ly có làm ra khúc Hoàng-lương-mộng, Kiều Mộng-Phủ làm ra Kim-tiền-ký, Trịnh Đức-Huy có làm ra khúc Thiếu-nữ ly-hồn, Bạch Nhân-Phủ có làm ra khúc Ngô-đồng-vũ, đều là Bắc-khúc cả. Cuối đời Nguyên lại cho Bắc-khúc thời phương Nam dùng không tiện, nên có người ở Vĩnh-gia là Cao Minh mới làm ra Tì-bà-ký, đó là mới khai mào ra Nam-khúc. Rồi đến Thi Quân-Mĩ lại làm khúc U-khuê-ký để nối theo, từ bấy giờ Nam-khúc, Bắc-khúc đều thịnh, lúc hát thời dùng hiệp vào dây đàn. Đến khoảng năm Gia-long đời Minh, ở Côn-sơn có Ngụy Lương-Phụ mới dùng đủ các đồ nhạc-khí hiệp các ca-khúc để diễn kịch, từ đấy mới lập thành ra kịch-tràng, Nam-khúc lại biến-thành ra Côn-khúc.

CHƯƠNG THỨ IX

Thời kỳ cổ-văn lại-thịnh

TIẾT THỨ 57

Cổ-văn lại chấn hưng. — Đương lúc Lý Đông Dương hồi-phục cai thể văn đài-các, có Vương Ngao, La Dĩ xướng lên theo thể văn Đường Tống, Ngao thời học văn ông Tô, Dĩ thời học văn ông Hàn, nhưng đều chửa đến tuyệt cả. Thời ấy văn-phái Trà-lăng lại có Ngô Khoan, Ngô Nghiễm làm vây cánh nổi lên, nên họ Vương họ La không hay thắng lên được. Ở Bắc-địa lại có Lý Mộng-Dương xướng lên phục cổ-văn, để chống lại văn-phái Trà-lăng; Hà-Cảnh-Minh họa theo, qui-mô theo lối văn Tần Hán, khiến cho thiên-hạ không ai xem đến những sách từ đời Đường trở lại, làm văn chỉ gò từng chương nắn từng câu, không thể phân ra cú-đậu được; Lý, Hà cùng với Khang Hải, Vương Cửu-Tư, Từ Trinh-Khanh, Vương Đình-Tường, Biện Cống, đời đều khen là Hoằng-trị-thất-tử, là bảy nhà cổ-văn đời Hoằng-trị. Đồng thời ấy lại có Vương Thủ-Nhân, Vương Thận-Trung, Đường Thuận-Chi cũng biệt-lập ra một văn-phái. Văn của Vương Dương-Minh (Thủ-Nhân) không hẳn mô-phỏng một nhà nào, có thể nối theo được văn ông Tiềm-Khê; văn Thuận-Nham (Thận-Trung) thời đắc-lực là theo văn Tăng Củng; văn Kinh-xuyên (Đường Thuận-Chi) thời theo văn Đông-Pha, văn-danh lừng-lẫy: Thiên-hạ đều khen là văn họ Vương họ Đường. Song khi ấy lại có Lý Phan-Long, Vương Thế-Trinh lại xuy-khư lối văn họ Hà (Cảnh-Minh) họ Lý (Mộng Dương) mà bài bác lối văn họ Vương họ Đường; cùng với Từ Trung-Hàng, Tôn Thần, Lương Hữu-Dự, Tạ Trăn, Ngô Quốc-Luân cùng hiệu là Gia-tĩnh thất-tử, là bảy nhà văn-gia trong năm Gia-tĩnh, sau lại có Qui Hữu-Quang ở Côn-sơn khởi lên, lấy lối văn Đường Tống mà chống lại bọn Gia-tĩnh thất-tử, thậm-chí bài-bác Thế-Trinh là người học càn dỡ tầm-thường, Thế-Trinh cũng phải chịu; thế thì đời Minh chỉ có Qui-Chấn-xuyên là một nhà cổ-văn có thể nối theo văn các nhà đại-gia đời Đường Tống. Đồng-thời ấy lại có Qui An, Mao Khôn lại lấy những văn tám nhà đại-gia đời Đường Tống của ông Kinh-xuyên đã tuyển mà truyền-bá thịnh-hành ra ở đời. Trong năm Thiên-khải, Ngải Nam-Anh mới xướng-lập ra Dự-chương-xã để suy-diễn cái văn-thống Qui-chấn-xuyên (Hữu-Quang); Trương Phồ xướng-lập ra Phục-xã; Hạ Doãn-Di, Trần Tử-Long xướng-lập Cơ-xã, đều để khơi cái văn-phái của Vương Thế-Trinh. Đương lúc họ Qui họ Vương bài-bác lẫn nhau, ở Công-an lại có anh em ba họ Viên là: Viên Tôn-Đạo, Viên Hoằng-Đạo, Viên Trung-Đạo cũng khởi lên ma suy-tôn văn-học Mi-sơn, mà hết sức bài-bác họ Vương (Thế-Trinh) họ Lý (Phan-Long), bèn lấy lối văn khinh-xảo mà đổi những câu nặng-nề, lấy bản-sắc mà biết-bỏ những chỗ phấn-sức; song văn làm căng-trì xảo-tuệ quá, không còn học-vấn gì cả. Rút lại vẫn không bằng Gia-tĩnh thất-tử dẫu là cổ-văn giả, mà còn có công phục-cổ vậy.

TIẾT THỨ 58

Lối văn biền-lệ lại hưng thịnh. — Từ khi Gia-tĩnh thất-tử xướng lên phục-cổ, lối văn biền-lệ đoạn-tuyệt đi đã và mươi trăm, đến nay lại chấc-khởi lên. Hà Trọng-Mặc làm ra bài tao-phúc có thể sách bằng văn Lục-triều; Lư Nhiễm cũng có làm ra bài phú ly-tao, từ-ý trầm-uất, Thế-Trinh đã từng khen là hay. Văn Từ-lục của Tất Tự-Nghiêm, ai cũng khen là sánh bằng văn Từ Dức, Vương Chi-Kiên lại tuyển những văn biền-thể từ đời Lưỡng-Hán, Lục triều, Đường, Tống, biên-tập lại làm ra một quyển sách, gọi là *Tứ-lục pháp-hải*, truyền bá ra ở đời. Trương Phồ, Trương Thái lại tuyển những văn của một trăm

ba nhà từ đời Hán Ngụy, Lục-triều mà biên-tập cả lại để truyền bá; cả đến các bài luận-thuyết của ông Phồ cũng làm bằng lối văn biền-lệ. Đến đời Sùng-trinh, Trần Tử-Long cũng truy - mộ lối văn biền-lệ, từ-tảo đã giàu mà thể-cách cũng cao, có thể vượt qua văn đời Tống đời Nguyên, mà nối theo văn Yên, Hứa, bèn khai ra cái đoan-nghệ biền-văn, tản-văn đều thịnh về đời Tiền-Thanh.

TIẾT THỨ 59

Thơ lại thịnh-lên. — Lý Mộng-Dương đề-xướng lên bảo rằng : « Văn phải làm theo văn Tần Hán, thơ phải làm như thơ Thịnh-Đường ». Song về sau văn hóa ra văn nhạn-cồ ; mà thơ thì thực là hệt như Đường - âm. Trước kia lại còn Lý Đông - Dương vốn ghét thể thơ đài-các đồi-mĩ quá, bèn hết sức mô - phỏng theo lối thơ Đỗ Thiếu-lăng, tuy rằng mô-phỏng muốn cầu cho hệt. Song thơ của Lý Mộng-Dương cũng hùng-hồn bi-tráng, cổ-lệ phấn-dương ; thơ của Hà Cảnh-Minh cũng tuất-dật sảng-lãng, phi-dương trì - sâu ; các thi - gia từ đời Tống, Nguyên trở về sau này không mấy nhà kịp được bằng. Còn như Từ Xương-Cốc, Biên Đình-Thực, Vương Tử-Hành cũng đều là thi-gia bậc thứ hai. Đồng thời ấy lại còn có Dương Thận-Tu giọng thơ cũng cao-thượng văn-hoa mà trầm-thực ; Tiết Huệ, Cao Thúc-Tự, Hoa Sát, bốn họ Hoàng-Phủ (Sung, Hiếu, Phương, Liêm,) giọng thơ cũng điềm-đạm cao-cổ, ngoài thất-tử ra các ông ấy cũng biệt thành một thi-gia. Trong bọn thất-tử thì có thơ Từ Trung-Hàng, Tôn Thần là hùng-vĩ, sánh bằng được như thế chỉ có thơ Tạ Trăn. Song những kẻ hậu-tiến bắt chước lại thành ra lôi-đồng dnyên-tập. Ba họ Viên ở Công-an khởi lên mới biến-cải đi mà xướng lên thể thơ thanh nhã, song cũng không khỏi cái ý khôi-hài ; Đàm Nguyên- Xuân lại lấy thể thơ tuấn-tiễu thanh-u xướng lên, song không khỏi có ý gian-sáp, đạo thơ từ đó lại suy. Chỉ có Trần Tử-Long cũng là về phái thất-tử mà hay san bỏ rườm-rà chỉ lấy thể thơ thuần-thúy xướng-suất cho thiên-hạ đều theo về chính-đạo, chẳng khác gì con thần-long xuất - hiện ra ở trong các phái thi-gia đời nhà Minh.

TIẾT THỨ 60

Lối ca-từ lại hưng-thịnh. — Đời nhà Minh nhiều nhà làm ca-từ mà ít có nhà hợp phép. Khoảng năm Hoằng-chính thời có Hạ Ngôn, Tô-Tản, giọng ca từ cũng sinh - ngạnh lắm. Dương Dụng-Tu, Vương Nguyên-Mĩ cũng hay tự đặt ra xoang - điệu, nhưng chửa được hiệp âm-luật. Song từ đó cũng đã nhiều người nghiên-cứu về lối ca-từ. Trương Diên có làm ra sách *Thi-dư đồ-phổ* đã khảo-biện những lối ca-từ sai-xuyễn mà đặt thành ra qui-củ. Từ đó Vương Hiếu-Vấn, Trác Phát đều có làm ra ca-từ, mà đều có phong-vị người đời Tống cả. Mã-Hồng lại sở-trường về thể ca-từ tràng-đoản - cú, nức tiếng ở đông nam, dẫu là phù-hoa diễm-lệ quá, nhưng cũng còn có cách điệu ca-từ đời Tống. Đến cuối đời Minh có Trần Tử - Long quật - khởi ở Hoa đình, làm ra ca-từ thực là chiến-miên phỉ-chắc, ý-tứ hàm súc vô cùng, thần vận thiên-nhiên, phảng phất như ca-từ đời Tống-sơ, đời Ngũ-quí, thực là quán-quân cả từ-dân đời Minh.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

Năm nay lại có Hội chợ Hanoi, từ mồng một đến rằm tháng chạp tây.

Muốn thăm xứ Bắc-kỳ nên đi về dịp Hội-chợ.

NAM TỐNG DU-ĐÀM

Một buổi đi chơi có hi-vọng về tiền-đồ kinh-tế kỹ-nghệ, ngôn-ngữ văn-chương phong-tục xã-hội nước nhà.

Ngày mười hai tháng tư năm nhâm-tuất, ký-giả qua cảnh Ninh-bình thăm người bạn cũ, hôm ấy trời nóng như nung, lại thêm nhà bạn ở giữa phố-phường chật-chội, bụi cát tung mù, pha với tiếng người nói tiếng chân đi làm mờ ám động-rung cả giác-quan mặc-khách, đến nỗi rằng tuy lương-bằng lâu ngày khát mặt, bỗng được cầm tay, cái quang-cảnh ấy khác nào như gái gặp trai, như non gặp nước, cùng nhau chén tạc chén thù, thiếu gì của ngon vật lạ, mà té ra uống vào như chua như đắng, ăn vào như chấu như rơm. Hôm ấy là ngày chủ-nhật, bấy giờ hơn bảy giờ chiều, tôi liền bảo bạn : « Này bác ơi, ta kíp tìm phương giải-nhiệt, không có thì chết ngốt mất thôi ! » Bạn rằng : « Vậy thì tôi xin hiến bác cái thú ở xóm Khương-lộc gần đây ». Tôi hỏi « Cái xóm Khương-lộc chẳng hay nó có cái thú thừa-lương giải-nhiệt gì vậy ? » Bạn rằng : « Đó tức là cái xã-hội riêng của các chị em ca-thanh hồng-phấn. » Tôi bèn gạt đi mà nói rằng : « Chà chà ! mình đã nấu nung trong cái xã-hội cạnh-tranh náo-nhiệt, đương cơn nóng ruột sốt lòng, còn hơi sức đâu mà chen chúc vào cái chỗ ngõ liễu tường đào chật-chội ấy được ; tôi muốn rằng ta nên tìm chỗ thanh-cao khoáng-đãng, thu-hấp lấy không-khí thuần-nhất tinh-lương để nuôi cho linh-hồn thân-thể . . . . . à mà phải đấy, ta lên non Dục-Thúy mau lên ». Nói rồi dề-huề dạo bước ra đi, khi lên đến đỉnh Thúy-sơn thì bóng nga cũng vừa rẽ bức trướng mây mà tưới xuống nhân-gian một trận mưa kim-ngọc, khiến cho muôn vật thấy đều khởi-sắc sinh-tình. Thốt-nhiên nghe thấy một luồng những tiếng xoang-xoảng âm-âm, theo đông-bắc-phong mà đến như thể những hạt mưa kim-ngọc ấy va chạm vào nhau mà vang ra vậy. Tôi rùng mình một cái, vịn vào vai bạn mà hỏi rằng : « Bác có thể cho tôi biết được tiếng vật gì mà hay như vậy chăng ? » Bạn nói : « Đó là tiếng chuông ở một cái chùa gọi là chùa Tống-xá ở hạt Phong-doanh tỉnh Nam-định, cách đây chừng tám cây-lô-mét đường thẳng, mà phải đi đến 11, 12 cây-lô-mét bằng đường thước-thợ mới tới nơi ; ở đây đi xe-hỏa ra một ga gọi là ga Cát-đằng rồi xuống, còn phải đi bộ chừng 4, 5 cây-lô-mét nữa thì vào đến chùa. Ấy là tôi chỉ được nghe nói mà thôi, chứ thực ra thì tôi mải cắm cúi trong cái bàn giấy sinh-nhai, không thừa chút thì-giờ nào để mà thân-lý. » Tôi nói : « Tôi đây đã từng có một cái lịch-sử đặt dấu chân khắp xứ Bắc-kỳ, mà chưa từng nghe thấy cái chuông nào hay quá như vậy. » Bạn tôi lại nói tiếp. « Và có lẽ suốt cả ba xứ nước nhà cũng không có cái chuông nào được hay như thế, bởi vì Bắc-kỳ ta là cái đất tối-cổ, lại thêm kỹ-nghệ xảo-tinh, mà chuông này cũng còn tuyệt-đối, huống-hồ hai xứ Nam, Trung là đất mới thành-lập, kỹ-nghệ hãy còn thô-sơ. Lại còn nghe thiên-hạ truyền-ngôn : « Chuông này hiện còn bịt một cái đai bằng sắt để hạn-chế cái trình-độ mãng-lực của nó đi xa, vì sợ âm vào đến tận Đế-đô thì triều-đình sẽ trích lấy mất. » Tôi không thể tin được cái điều truyền-ngôn vô-lý ấy, tôi nói với bạn tôi rằng : « Để ngày mai thế nào tôi cũng phải đến cho mục-kích đích-văn, chớ không thể nghe nói hồ-đồ như thế được ; chỉ đáng phàn-nàn cho bác ngày mai lại là ngày làm việc rồi, đối với kỹ-thuật nước nhà bác này thật là vô-duyên quá ». Mấy lời nói ấy chạy thẳng vào óc bạn tôi, sự đau-đớn đã hiện ra ngoài mặt pha với mầu nguyệt-bạch thiên-thanh.

Chúng tôi ngồi trên đỉnh núi cho đến lúc tiếng chuông không còn đánh nữa, mà sông núi gió trăng cũng đã chứa chan những giác quan du-khách, bấy giờ chúng tôi mới tạm-biệt cái thế-giới thanh-cao ấy, mà trở về chỗ trần-gian náo-nhiệt nghỉ-ngơi. Nhưng tôi thật không thể nào mà yên gối được, bởi vì phần thì bức tranh sơn-thủy hãy còn lưu-ảnh ở trước mắt, tiếng chuông êm ái hãy còn lưu - thanh ở bên tai, phần thì cái thần hi - vọng những toan triệt-phá bức tường đêm giằng-giặc, để mau ngó thấy vừng hồng-nhật rừng rực treo trước đông - song, soi đường cho thần hi - vọng đến coi cái chuông làng Tống-xá. Sau quả bức tường đêm tối phải tan, hồng - nhật đã đến trước đông - song mà báo thức, tôi bèn chỗi dậy dùng bánh điểm - tâm, ngồi đợi chuyến xe-hỏa thứ nhất từ Thanh-hóa ra, lại biết bao nhiêu lần xe hỏa mơ - màng chạy qua các đường não - tủy, mãi đến tám rưỡi mới có xe - hỏa thực - hành ở Thanh-hóa ra. Tôi mới từ-giã bạn tôi mà ra ga Ninh-bình, đi đến một ga Cát-đằng thì tôi xuống. Sau lưng lại có ba cô thiếu-nữ, hỏi ra thì cũng đi về cùng một con đường đình-ước của tôi.

Ôi! thời - cơ là một thứ keo nhựa vô-hình nó gắn bó cuộc đời một cách tự-nhiên, biết đâu liệu trước!

Tôi đi kể cũng đã nhiều mà có dễ chưa từng được thấy mấy con đường thẳng đẹp êm đềm như con đường từ ga Cát-đằng vào làng Tống - xá; đường dài có đến 4, 5 cây - lô - mét mà giải toàn một tấm cỏ non đặt trên một cánh đồng muôn mẫu có dư, hoa mầu đủ thứ, nhác coi như một cõi lục - địa con vị-trí trên một cái vịnh sâu là xứ đồng chiêm liên-niên phải chịu cái tai hại ngập lụt này vậy.

Tôi hỏi mấy cô thiếu - nữ kỳ - ngộ ấy rằng: « Thưa các cô chẳng hay cánh đồng xinh đẹp này thuộc về quí-xã nào đây? » Trong số ba cô ấy, một cô có ý sắc-xảo hơn nhất bỗng đỏ mặt thêm lên rồi cất cái giọng canh vàng thỏ - thẻ mà rằng: « Cánh đồng mà tôn - ông quá lời khen ngợi vừa rồi chính là cánh đồng của làng tiện-nữ chúng ôi là làng Vạn-điềm thuộc huyện Ý-yên, mà lại ở ngay bên cạnh làng Tống - xá thuộc hạt Phong-doanh mà tôn - ông đương đời gót tới đó ».

Nếu mà ký giả có nhiều thì - giờ thì cũng thuật lại hiến độc-giả các ngài nghe hết những lời của các cô thiếu-nữ kể ra về những nhân-tâm phong - tục miền này, nhưng vì phiền-phức quá, tả ra biết mấy mươi trang cho vừa: nên phải nén bút bỏ qua mà tả luôn ngay đến tình-hình trong lúc qua quãng đường này mà vào làng Tống-xá:

Từ ga Cát đằng đến chỗ chia tay các cô thiếu - nữ ước hơn 4 cây-lô-mét đường dài, chỗ này tức là chỗ hết giới-phận làng Vạn-điềm qua một khu-vực cổ-thành rồi sang địa-phận làng Tống-xá (lịch - sử cái cổ-thành ấy có quan-hệ đến văn - đề này thế nào, lát nữa ký-giả sẽ xin nói kỹ). Sang đến địa-phận làng này tuy gọi là ở làng này bước sang làng nọ, mà hình như đến một chỗ xa với cố-hương, nghĩa là đương đi ở quãng đường cao-thẳng êm-đềm bỗng bước sang cái đường cong queo lầm-lội, có một điều lấy làm ngộ quá là cứ mỗi một quãng đường lại dóng một hàng-cừ tre giàu mặt, kẻ đi người lại cứ phải men xuống vệ đường rất là khó khăn nguy-hiểm; hỏi ra mới biết được rằng: làng lắm nhà giàu nên mới dóng cừ như thế là chủ-đích để phòng khi có đuổi trộm cướp cho nó vấp ngã mà bắt đấy thôi. Vì cứ nghe các cô thiếu-nữ trên kia vừa nói: làng Vạn - điềm là một làng to nhất cả mấy huyện hạt này, nghĩa là năm trăm suất đinh có lẽ mà cả làng không có nhà nào dư thóc cho vay, bởi vì ruộng cao giồng-giọt không mấy khi ngập lụt mất mùa, nên nhà giàu không lợi-dụng được cái khoa - học « vi phú dãi hung-niên » thì dân tuy nghèo nhưng mà nghèo đều, nghèo một cách trung - dung, không đến

nỗi khổ lắm, cho nên người ta mới có cái đường ngõ thẳng đẹp êm-đềm như trên đã nói vậy. Làng Tống-xá này đến cái khoa ngôn - ngữ mới lại ly-kỳ đặc - biệt lắm nữa, nghe họ nói tưởng có khi cười đến vỡ bụng. Bấy giờ tôi đi đến một quãng đường lội, tôi đương ngần - ngừ muốn qua, bỗng có một người kêu to lên rằng: « Chỗ này lắm đĩa đấy ông không thể lội được đâu; tôi xin chở thiền ông đi vậy! » Tôi nghĩ thầm: quái lạ chửa! sao lại có đĩa ở đâu mà dìm xuống chỗ đường lội như thế, sau vào làng thấy gọi « lấy đĩa đựng trầu ăn » tôi mới hiểu rõ ra rằng: bao nhiêu những tiếng thuộc về dấu (ˆ) thì họ nói ra dấu (ˇ), mà bao nhiêu tiếng thuộc về dấu (ˇ) thì họ nói ra dấu (ˆ) cả; sau nữa xét cho kỹ ra thì trừ hai giọng trên kia còn bốn giọng nữa họ nói ra đều có ý khuynh - hướng về dấu (ˇ) hết, vì tôi thấy các cậu học-sinh chào hai tiếng « lầy-củ » rồi thời về.

Than ôi! nếu trong một nước Nam này mà mỗi làng mỗi xứ nói-năng một giọng khác nhau như thế thì đời nào ngôn-ngữ thông - đồng, ngôn - ngữ đã không thông-đồng, thì văn-chương bao giờ cho hống-nhất, văn-chương mà không thống-nhất thì trật-tự tiến-bộ sao được điều-hòa. (1)

Thoạt đến đầu làng tôi gặp một tên tuần-tráng chạy ra vái trào rồi hỏi: Bẩm ông chẳng hay ông về làng chúng con để xét việc gì vậy? Tôi nói: anh chỉ phải dẫn tôi đến nhà một ông nào vào bậc tri-thức nhất làng rồi tự-nhiên anh sẽ biết hết. Y liền dẫn tôi vào một nơi học-xá cụ đồ già, thấy tiên-sinh đương nằm một cỗ võng bỏ chân xuống một cái giường, cạnh giường có 4, 5 quyển sách như là Dương-tiết, Sử-thượng, Sử-hạ, Hán - Cao; dưới đất 4, 5 cậu thiếu-niên đương ngóc đầu lên nghe bậc giáo-sư ấy dẫn-giải. Thấy tôi vào hỏi, cụ mới cất cái đầu triết-học lên mà đáp lễ. Trước hết tôi dùng cách tưng-bốc cái đức-tính công-nghiệp của tiên-sinh để gọi là khuyến-khích tiên-sinh, mở hết cái ám-mạc của quí-hương ra cho mà xét; tôi nói rằng: « Kẻ thiếu-niên này rất lấy làm cảm-mộ cái thái-độ kiên-nhẫn của tiên-sinh, là tiên-sinh tuy mình cao tuổi-hạc, mà chẳng nề nhọc-mệt khó-khăn, chịu nấu nung trong lò lửa hạ, xung quanh chồng chất những lúa thóc rạ rơm, mà truyền đạo đời xưa cho dân con lũ cháu; tiên-sinh thật có cái dảm-lược chống nhau với sức tạo-vật, không phải là bỉ-nhân dám nói ngoa đâu! » Cụ mỉm cười một cách rất nên thơ mà rằng: « Ngài dạy quá lời, túc-nho đâu dám nhận cái danh-dự ấy! » Rồi lại nói; « Tôn-ông quang-lâm tệ-xá có cần phỏng-vấn đến lão-tầu việc gì hay chăng? » Tôi bèn đem lịch-sử câu chuyện cái chuông như lời bạn tôi nói chuyện mà thuật lại cho cụ nghe, và vì mục-đích gì mà tôi phải đến, thì tiên-sinh lắc đầu mà phán: « Tôn-ông đừng đem cái chuông làng tôi mà phô-bày cho thiên - hạ biết, rồi vì thế mà tệ - hương phải chịu cái hại về sự đòi-hỏi khai-báo lôi thôi, mà có lẽ tệ - hương sẽ mất thêm một cái chuông kêm vào đấy nữa ».

Nghe nói mà máu tôi ứa lên hai bên thái-dương; thôi, thế là công - trình mình đi không có kết-quả rồi đó. Tôi ngồi một lát mới tìm kế lung - lạc được tiên-sinh, tôi nói: « Tiên-sinh ơi, lầm mất rồi, đó là tiên-sinh còn hoài-bão cái tư - tưởng cũ, kinh-nghiệm những công việc ngày xưa, ngày xưa thì thế thật đấy, nhưng bây giờ không thế nữa rồi, bây giờ trừ việc quan ra, còn nhiều việc khác có mục - đích cao xa có lợi-ích rộng-lớn bằng trăm bằng

(1) Từ đây trở đi trong khi người làng này đối-đáp không cần phải viết uốn theo như giọng thổ-âm thì không buồn tai độc-giả và khỏi sai lạc mất cả sự thực trong bài ký-thuật này.

nghin, như bỉ-nhân đến đây là đi về phương-điện mĩ - thuật kinh - tế nước nhà, tôi tưởng tiên - sinh phải kể minh - bạch cho tôi nghe, thì vừa không trái lương-tâm, lại vừa có thể làm lợi to cho qui-xã, sau nữa tất thế nào tiên-sinh và mọi người thân-thích cũng được hưởng phần lợi ở trong. Thôi, chẳng phải nói nghĩa xa xôi, xin tiên-sinh hãy phái người hướng-dẫn để tôi mục-kích rồi tôi sẽ trở lại đây nói chuyện nó mới rõ ràng ».

Xem ý ông già cũng còn lấy làm miễn-cưỡng mà phái - ủy người tuần-tráng dẫn tôi đi ; tôi đến chùa, xem ra cũng không có cảnh-trí gì là danh-thắng, chẳng qua cũng phổ-thông như các chùa nhỏ khác, trừ cái chuông đặc-biệt chi-ngoại, không vật gì đáng để lại cho độc-giả tôn - quang. Chùa này cũng không có tăng ni, chỉ có người thủ - tự. Tôi bảo dẫn tôi lên gác chuông coi, thoạt lên đến nơi tôi lấy làm lạ là cái chuông này về phần hình - thức so với nhiều quả chuông khác thì rất là bé nhỏ không thấm vào đâu, đo chiều cao được có 9 tấc Nam ta, mà đường kính mặt dưới thì có 6 tấc, chuông không có chữ niên-hiệu, mà cũng không có tên người đứng hưng-công. Tôi bảo đánh cho tôi nghe thì y không dám đánh mạnh, bảo rằng không phải lúc có lễ phẩm mà đánh, thì trong làng tất xảy ra sự chẳng hay ; tôi cũng phải lợi-dụng lấy câu tục-ngữ « nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy-tục » mà không trái tâm-lý của làng người ta ; chuông tuy không dám đánh mạnh, mà tiếng kêu âm-ưởng linh-lung, mỗi tiếng đánh ngân ra đến gần một phút. Lại cứ như lời y nói : nếu theo chiều gió đứng cao mà nghe thì cái năng - lực của tiếng chuông đi xa được đến mười cây-lô-mét, nghĩa là xa hơn núi Dục-thúy Ninh - bình vài cây-lô - mét nữa kia. Duy có sự đánh dai sắt như lời truyền-ngôn thì thật là không có.

Tôi đương khen ngợi : cái chuông này hay có một, thì y lại nói : « Bẩm ngài, còn hai cái nữa (một cái ở phủ, một cái ở đình) tuy rằng bé nhỏ không bằng nửa cái chuông này, nhưng kể về đường âm-hưởng, thì có lẽ lại còn kêu hơn.» Nói xong liền dẫn tôi đến đình và phủ, quả có hai cái chuông nhỏ không bằng nửa cái chuông ở chùa ; mà cũng kêu lắm, nhưng vì treo ở trong đình trong phủ, nên cái tiếng nó không lọt tường vôi mà ưởng ra ngoài.

Xem xong trở lại học-đường của cụ đồ-cổ, tôi hỏi cụ rằng : « Cụ còn nhớ được cái chuông này đúc từ thời-đại nào không ? » Cụ nói : « đúc từ năm giáp-ngọ (1857) » nghĩa là 65 năm nay. Tôi lại hỏi : « Qui-hương bấy giờ thuê thợ ở đâu đúc ra ? » Cụ nói : « Chính người làng tôi đúc đó ». Tôi hỏi : « Bây giờ còn có thể đúc được chuông hay như thế nữa chăng ? » Cụ nói : « Hay như thế và có thể hay hơn thế nữa ». Tôi nói : « Vậy mà không chịu phô tài ra cho thiên-hạ xem cũng là một điều khuyết-điểm cho kỹ-nghệ nước nhà, bởi vì không mượn báo-chương làm cái cơ-quan giới-thiệu, vì nếu biết trước ra thì cuộc đấu-xảo Marseille như cái chuông này cũng làm vẻ vang cho Nam-Việt nhà mình, mà qui-hương đây cũng được mối lợi. Thôi thôi, đã mất một cơ-hội tốt rồi, vậy nên tỉnh-ngộ vãn-hồi, từ nay trong cuộc hội-chợ Hà-nội, năm nào cũng nên đúc chuông mà bán để làm mẫu hàng cho đâu đâu cũng đều biết tiếng mà hoặc rước người qui-hương về đúc, hoặc đến tận nơi đặt đúc đem về. Nếu trong Nam ngoài Bắc mà mỗi chỗ được một quả chuông hay như thế này tưởng cũng làm đẹp cho não-chất mọi người nhiều lắm ».

Lần này ông già mới có ý hơi chuyền, vì đã biết phô thêm hai nghề của bản-hương cũng ảnh-hưởng cho cả toàn-xứ. Ông già nói : « Trừ ra, làng chúng tôi đây lại còn : 1° nghề đúc các thứ

đồ đồng, song bây giờ người đời trọng cái vẻ đẹp bề ngoài, mà làng tôi lại không biết làm theo tân-thức, nên bán không chạy, bởi vậy cũng bỏ dần đi. 2° Nghề đúc lưỡi cày diệp cày thì cả một vùng các tỉnh miền Nam (1) này đều nhu-dụng của làng tôi; — còn từ Hà-nội trở lên nghĩa là thuộc về miền Bắc (2) thì nhu-dụng của một làng tục gọi là làng Sắt-nghề — nhưng bây giờ vì việc làm ruộng không năng được mùa nên điền-khí cũng hạ giá xuống thành ra không mấy người muốn làm, trước kia những một làng tôi cũng đã có đến 7, 8 lò đúc, mà nay chỉ còn có 3, 4 lò, bây giờ đương giữa mùa gặt lúa chiêm thì chỉ có một lò đương đúc, ngài có cần phải quan-sát tôi xin phải - dẫn ngài đến ngay đây » Tôi ưng, theo người dẫn đến một lò, thoạt bước chân vào, lấy làm ghê sợ, đã toan chạy ra, bởi trông thấy 5, 6 người vừa đàn ông vừa đàn bà lầm than đen đủi, con mắt trắng rã mà lờ đờ dại dột như thể một bọn Phi-châu. Khi trông thấy một người kéo bễ với 5, 6 người đứng bên 5, 6 cái khuôn để chực lấy gang mà đổ, thì cái cảnh-tượng này mới lại kinh lắm, coi chẳng khác gì quỉ-sứ ở dưới âm-ty đương hành tội những vong-hồn gian-tham độc-ác vậy. Tôi đứng ngẫm búc tranh thập-diện biết động đậy ấy độ hai phút đồng hồ đã phải bước ra, tưởng-tượng như mới thoát nơi địa ngục lên cõi thiên-đường.

Tôi về học-xá của cụ đồ tốt bụng ấy, tôi không dám đem cái ác-cảnh trong lò đúc mà phô bầy ra, e rằng không được bằng lòng cụ vì chắc cụ đã yên-trí rằng công nghệ (đúc cày) làng cụ như thế đã là hoàn-toàn tinh-tế lắm rồi.

Tôi ngồi một lát, cụ bảo người tuần tráng đi mời quan-viên đến họp và bảo nó kiếm một con cầy cho béo để trước là đãi khách, sau là quan-viên xum-vầy đánh chén, bàn bạc về cái vấn-đề chuông này. Tôi nghe cụ dự-toán một cái chương-trình như vậy, bèn gạt đi mà nói rằng: « Tiên - sinh có bụng tốt mà tiếp-đãi chúng tôi được như thế này cũng đã lấy làm cảm - động lắm, lọ là còn phải bày đặt ra cho tốn dân; vả bình-sinh tôi có một cái tư-tưởng riêng không bao giờ nỡ ăn thịt chó; vậy xin làm ơn cho tôi ngọ-thiện một món ăn thường cũng được, miễn là cho khỏi đói dạ thì thôi.» Trong khi dự một bữa tiệc quê mùa thanh-cảnh với cụ, cụ hỏi tôi: « Thưa ngài, ngài có được biết ông Nghị-viên ở xã chúng tôi hiệu sung Tư-vấn hội-đồng chăng? » Tôi nghe thấy nói mà mừng bụng rằng: mình sắp được nghe một hồi hùng-luận cao-đàm của một bậc đại-biểu cả một hạt dân tỉnh Nam-định này; không ngờ khi cho tuần-tráng đi mời thì lại nói rằng ông Nghị vừa đi chơi vắng, thì cái mừng đổi ra cái giận ngay, giận rằng khi mình mới đến đã bảo tên tuần - tráng dẫn vào nhà một ông nào vào bậc học-thức nhất làng, mà không hiểu sao nó lại không dẫn đến tiếp một người không những nhất ở một làng mà lại đại-biểu cả một tỉnh-hạt.

Cơm nước xong tôi nghỉ đến hai giờ chiều rồi từ-giã cụ. Ở những chỗ tôi kinh quá coi ra làng này lắm nhà giàu thật, nhất là nghe nói về cảnh anh em ông Nghị-viên. Và sở-dĩ trở lên bậc giàu như thế cũng bởi ở nghề làm ruộng cho vay, chớ không có ảnh-hưởng chút nào đến đường công-nghệ.

Trong khi đi đường tôi cứ phân-nàn ngẫm - nghĩ một mình: tiếc cho một làng đã sẵn có một cái công-nghệ cổ-truyền có thể nói được rằng: nhất

(1) (2) Miền Bắc miền Nam tức là miền trên miền dưới trong bài thổ-địa nhân-dân Bắc-kỳ ở Nam phong số 5, 59 đã nói qua rồi. K. G.

trong một nước, mà bấy lâu không thấy ảnh-hưởng ra ngoài, để mặc cho theo với trào-lưu mà tiêu-diệt, phó mặc cho một lũ u-mê dốt-nát làm lụng như một cái máy với nhau. Bây giờ có muốn cải-tử hồi - sinh cho cái nghề-nghiệp cũ, rồi bồ-dưỡng cho mỗi ngày một phát-đạt mãi ra, thì trước hết phải cải-lương hương-chính, chỉnh-đốn hương-phong, để lấy tiền mà lập trường học, gây lấy một bọn thiếu-niên anh - tuấn, cần nhất là cho một số người nào học trường kỹ-nghệ Nhà-nước — chớ chưa nói học lấy một ông kỹ-sư vội! — cho tính về mà cải-lương nghề cũ cho làng, đúc lấy thứ cày linh-hoạt như của Âu-châu, thì không những làng này được giàu về lợi, mà toàn-quốc cũng được cộng-hưởng sự thịnh-giàu.

∴

Bây giờ ký-giả mới có thì-giờ nói kỹ về cái lịch - sử của bức cổ - thành (thổ-thành) ở về chỗ giáp phận làng Tống-xá và làng Vạn-điểm mà khi ký-giả mới vào đã đem giới - thiệu cùng độc-giả các ngài rồi vậy. Khu cổ-thành ấy hồi ra thì trước kia là huyện-thành của Phong-doanh, Ý-yên hai huyện, đến năm tân-mão (1890) mới dời ra mỗi huyện một nơi ; chỗ cổ-thành này cách hai huyện-lỵ : Phong - doanh Ý-yên bây giờ đều ước vào 5 cây-lô-mét, và tiếp-cận một nơi yếu-địa là ngã tư Phố-Cháy ước vào 500 thước tây, chỗ Phố-Cháy ấy ở vào cây - lô-mét số 21 con đường Nam - định — Phủ - khê (đường 25 Km).

Nghe đến tên huyện Phong-doanh Ý-yên, bây giờ tôi lại sực nhớ năm xưa có một người bạn lịch-lỵ cả hai huyện này, hễ gặp tôi thì lại phàn-nàn rằng : « Làm ở hai cái huyện thuộc về « *Nam-định tứ-cùng* » này xấu quá ! « Tôi hỏi xấu là nghĩa gì ? thì ông ta nói : « Xấu về dân nghèo mà lại ít cả nóc xã, mỗi huyện có trong 40 làng, gấp lên ba lần nữa thì mới bằng một hạt Nghĩa-hưng, Xuân-trường, Nam-trực, Vụ-bản.»

Cứ hợp những điều kinh-nghiệm, những sự lịch-duyệt, thì nay ký-giả nhân bước chân đến đất qui-hóa này, cũng xin đem ít nhiều ý-kiến hẹp-hòi để gọi là đền bồi cái cảnh chiều người đôi chút, nghĩa là mong rằng quan trên nếu đem tổ-chức hai huyện vào một mà lập lỵ-sở ở chỗ hai huyện-thành cũ này. Như thế thì trước là ích chung cho sổ chi-tiêu toàn xứ bớt được số lương quan lại đi ; sau là lợi riêng cho nhân-dân hai hạt này, đứng ở cái địa-vị « tứ cùng » chỉ vì cái nguy-cơ lụt-lội (Năm nào cũng bị lụt vì nước mưa, chớ chưa kể bị lụt về đê vỡ). Nay muốn cứu cho hai hạt này khỏi được cái nguy-cơ ấy thì không lấy phép gì mà hạn-chế được mưa, tưởng chỉ phải dùng có hai phương điều-trị : 1° Chấn - hưng kinh - tế, 2° Khoáng-trương giáo-dục :

Chấn-hưng kinh-tế là tỉnh Nam-định này đã lập thành thị - xã, thì con đường Nam - định — Phủ-khê sẽ là con đường trọng - yếu thứ nhất, vì sau này thế nào cũng đặt đường xe điện hay xe ô-tô, làm cái cơ-quan vận-tải những lâm-sản ở hạt Ninh-bình Hòa-bình đến thị-xã Nam định, thì chỗ Phố-Cháy này cũng sẽ là một cái chi - điểm để đình đậu những lâm-sản đi qua, mà thành một nơi đô-hội ; thêm các nghề nghiệp cho dân bản-hạt đến đó sinh-nhai. Song muốn cư - tụ giữ được cái thái - độ nghiêm-chỉnh êm-đềm thì phải có cái cơ-quan bảo-hộ. Cơ-quan ấy tức là quyền tư-pháp hành-chánh, mà cầm cái cơ-quan ấy tức là Sơ-thẩm nha-môn và huyện-nha hành-chánh vậy.

Khoáng-trương giáo-dục là nhân chỗ này đã thành một nơi cư-tụ, một cái thị-trường, thì tất là tiện lập lấy một

trường Sơ-đẳng kiêm-bị cho bần-dân hai hạt có chỗ đến mà học tập hằng ngày, không phải cái nỗi cứ phải vận lương ra trường Nam-định học-tập, thì phí nhà giàu không thể chịu nổi, mà cái giáo - dục vẫn khuyết một phương-diện gia-đình. Lập trường cận-tiện như thế thì không những là gây nhiều nhân-tài để giúp cho các cả gia-đình được thịnh-vượng, mà lại để ra tay giúp dỡ cho quốc-gia xã-hội giàu thịnh văn-minh, điều đó không cần phải nói, ai ai cũng biết.

Cái buổi du-lịch này, cứ coi bề ngoài thì không đáng đem ra công-cáo, nhưng vì có cái hi - vọng về tiền - đồ kinh-tế kỹ - nghệ, ngôn - ngữ văn-chương, phong-tục xã-hội nước nhà, mà cái nghĩa-vụ lương-tâm của chúng tôi nó xui nên phải viết vậy.

TRẦN THUYẾT-MINH

TIỂU-THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XII

HỒI THỨ XIII

Giận giết sạch huyện Nam-thủy,
Vây hãm kín thành Ngũ-dương,

Súc-Nục bỏ cả mũ vứt cả áo, một mình một ngựa chạy về hướng bắc, chạy được hơn 10 dặm, khi rẽ qua đường đê nhỏ, chợt gặp một đội quân chán ngang đường, thất-kinh ngã lăn xuống đất, khi mở mắt ra trông té ra là Đỗ Tùng. Nguyên Đỗ Tùng là tướng thủ-trại, bị Đồng Miêu-Công đánh thua, mới đem toàn bại-quân lui ra giữ ở chỗ ấy, vừa đứng trên cao trông xa thấy người chết dầy sông trôi xuống, biết là đại-quân đã bị thua, đương lúc bàng-hoàng sợ-hãi, thời chợt thấy một người cưỡi ngựa xòa dầu rũ tóc từ đàng xa chạy tế lại như bay, vụt thấy ngã sa xuống đất. Đỗ Tùng vội vàng chạy lại xem thì là Súc Nục, liền xuống ngựa dỡ dậy mà rằng:

— Nguyên-soái thoát được đại-nạn này thực là may sao! song ở đây còn gần quân giặc, tiểu - tướng xin hộ - vệ nguyên - soái về thành Triệu-khánh rồi ta sẽ liệu.

Nói rồi liền thôi-đốc toàn bại-quân chạy về thành Triệu - khánh. Quan chấn-thủ thành ấy là Lâm Bình-Hán ra đón rước Súc Nục vào trong thành, rồi phân-phó quân-sĩ đóng chặt bốn cửa thành lại, thân ra tuần-phòng, canh giữ ngày đêm, sợ phòng quân man thừa-thắng đến đánh thành chăng.

Nói về Gia-Cát Đồng thừa thắng đem quân đuổi giết quan-quân, máu trầy đầy đường, thây phơi khắp đất; còn bọn quan-quân nào chạy sang bờ bên nam, đều bị đuổi xua xuống sông chết đắm vô-số, bỏ cả tinh-kỳ khí-giới chất đầy như đống núi. Gia-Cát Đồng đuổi giết quan-quân mãi đến chiều hôm mới thu quân lại, đóng ở trong trại Thúc Nục một đêm, ngày hôm sau kéo đến thành Triệu-khánh, vây kín bốn cửa thành lại hình như rào sắt, rồi bắc thang mây thúc quân-sĩ trèo lên đánh thành

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

trông như kiến bò; lại sai quân đào hầm đường vào phía thành đông bắc. Song gặp phải Lâm Bình-Hán cũng là tay tướng giỏi, sai lấy nước đổ xuống hầm, quân ngoài không thể chui vào được; lại sai lấy móc và hỏa-hồ đốt phá thang mây, quân ngoài không thể leo lên được. Trong thành mới không đến nỗi thất-thủ. Đến ngày thứ ba, Gia-Cát Đồng cùng với 10 viên tướng-tá mặc áo gấm, đội mũ hoa, cưỡi ngựa đi dạo xem phía thành đông, nam, bắc hai ba lượt, rồi trở về trong trại, truyền-lịnh cho Tống Kim-Cương kén lấy một vạn quân già yếu đem đến đánh phía cửa thành đông, nam, bắc, tinh-kỳ làm ra bộ sốc-sếch không trỉnh-tề; còn thời đem quân đến đóng về phía cửa tây, cắm cờ khua trống, sai quân đi lấy cỏ rác chất đầy phía tây - môn cao ngất như núi, nói phao lên rằng sắp đề đốt thành'. Khi ấy có quan giám-quân là Cố Dưỡng-Khiêm thấy quân giặc cử-động như thế đến thưa với Lâm Bình-Hán rằng:

— Nay quân giặc đi dạo xem phía cửa đông, nam, bắc đến nửa ngày, mà lại đem tinh-binh họp đóng cả cửa tây, chỉ đề bọn quân già yếu đánh ba cửa đông, nam, bắc; đó là muốn cho ta đem tinh-binh giữ cửa tây rồi nó đánh lên vào ba cửa kia, khiến cho ta không thể cấp-cứu được nữa. Nhưng ta dừng mắc phải mưu nó, phải đem tinh-binh phòng giữ ba cửa đông, nam, bắc, chỉ đề quân già yếu giữ cửa tây, chẳng hay tướng-quân nghĩ sao?

Lâm Bình-Hán nói:

— Giám-quân liệu-địch như thế chắc không sai!

Liền chia tinh-binh ra phòng giữ ba cửa kia chỉ đề hơn một nghìn quân già yếu giữ cửa tây, cũng cắm cờ khua trống đề canh giữ.

Nói về chị em Mai Anh cùng ở trong nhà trọ Tiền Tử-Cán suốt ngày không ra đến ngoài, chợt một hôm Tử-Cán hoảng hốt ở đâu chạy về nhà trọ nói rằng:

— Đại-binh quan Đốc phủ bị quân Thiên-mã đánh thua, nay quân giặc đã vây kín cả thành rồi, không biết nghĩ sao đây!

Tiền cô - tầu và Tiền cô - nương nghe thấy tin ấy kinh - hoảng, ngồi xúm lại với nhau, Tiền cô-nương thì xì-xụt khóc lóc cả ngày. Mai tiểu-thư khuyên giải mà rằng:

— Xin cô-nương chớ lo, đã có chị em tôi ở đây, dẫu đến vỡ thành cũng xin giữ gìn được vô-sự.

Đến ngày hôm thứ ba, Mai Anh cùng với chị thương-nghị mà rằng:

— Ở đây đến đàng cửa tây phải đi vòng quanh hai con đường, vả chị lại mặc nữ-trang, đi ra ngoài sợ người ta ngăn hỏi, gì bằng chị nói với Tiền cô-nương lấy cho mượn bộ áo đàn ông, đề cải nam-trang, thời mới có thể làm việc được.

Mai tiểu-thư gật đầu cho là phải liền đi vào nhà trong nói với Tiền cô-nương mà rằng:

— Nay em muốn chạy đến đàng cửa nam hỏi thăm người bà con, nhưng vì trong thành quân-lính lộn sộn, con gái chạy đi không tiện, tôi muốn mượn cô-nương bộ áo con trai đề cải mặc nam - trang, chẳng hay có bộ áo nào mặc vừa không?

Tiền cô-nương chạy lại nói với anh. Tiền Tử-Cán nói rằng:

— Ta khi nhỏ tập bắn vẫn có một cái khăn bao lục và một cái áo bào mùi da đồng, nay hãy còn mới, không biết dài ngắn thế nào, hãy đem ra cho y mặc thử.

Tử-Cán nói rồi liền mở bao lấy bộ áo đưa cho Tiền cô-nương đề đem

đến cho Mai tiểu-thư cải trang, thời vừa vặn như in. Tử-Cán chạy vào trông ngắm Mai tiểu-thư một hồi rồi ngạc-nhiên mà rằng :

— Ối chà! sao thư-thư mặc nam-trang mà diện-mạo trông ra quen lắm!

Mai tiểu-thư rằng :

— Tôi đã cùng với đại-tú đi đường với nhau hơn 10 ngày, lẽ nào lại quên ngay đi được!

Tử - Cán mới nhận ra chính là Hoàng Ngọc-Sơn khi trước, thẹn đỏ mặt lên liền quì gối xuống mà rằng :

— Tôi không hay hai chị em thư-thư biến-hóa phi-thường, thực là anh-hùng vô-địch, không phải là người vô-sự đi chơi, xin bảo cho tôi được biết.

Mai tiểu-thư dắt tay đứng dậy mà rằng :

— Hôm nay không nói ra được, ngày mai sẽ biết; đêm hôm hoặc có sự gì náo-động, xin cô-nương với đại-tú chớ lo, đã có chúng tôi hộ-vệ.

Đêm hôm ấy sắc trời mờ tối, Mai tiểu-thư cùng với Mai Anh ra ngồi ở trước nhà đợi đến trống canh ba, sẽ mở cửa lẻn ra, đi đến đầu phố, thấy một toán tuần-đinh đi qua, hai người bèn lẻn đi về phía cửa tây, chợt nghe thấy tiếng thanh-la, rồi thấy một viên tướng tay cầm búa sắt, đem ba trăm kỵ-binh xồng xộc chạy lại.

Mai tiểu-thư liền giở phi-tinh-trùy ra đứng nép ở bên đường phố rồi nhảy ra thét to lên rằng :

— Quân trại Thiên-mã ở đây!

Nói chưa rứt lời, phi-tinh-trùy đã đập ngay vào mặt tướng ấy ngã lăn xuống ngựa. Mai Anh liền nhảy lên ngựa vung búa ra giết sạch cả ba trăm kỵ-binh. Mai tiểu-thư cũng cướp lấy con ngựa nhảy lên chạy tế về đàng cửa tây đánh tan bọn quân già yếu mở toang cửa thành ra, bắc cầu lên cho chư-tướng vào, chư-tướng đều xông ồ cả vào. Lâm Bình-Hán nghe tin trong thành có quân nhập-hỏa, liền đem quân đến ứng-cứu. Song binh-mã đại-đội quân Thiên-mã, đã như nước vỡ xô xát kéo vào thành. Bình-Hán đốc thúc chư-tướng cự-chiến nhưng vì chị em Mai Anh dũng-mãnh không thể đương được. Bình-Hán phải tháo lui chạy về cửa đông cùng với chư-tướng hộ-về Súc Nục, thâu đêm chạy ra huyện Tam - thủy. Quan huyện Tam-thủy là Trần Khởi-Phụng ra cửa thành đón rước, biến-sách với Súc Nục mà rằng:

— Quân giặc man này đã thừa-thắng tất sinh kiêu, hẳn không có phòng-bị gì. Nguyên-soái nên đem đại-quân ra mai-phục cả bốn mặt, đợi khi giặc man kéo đến, để cho tiểu - chức này xin ra trá-hàng, đem trâu rượu ra khao thưởng cho quân nó ăn uống say mê; khi bấy giờ mới đột-khởi phục-binh lên đánh, tất là được toàn-thắng.

Súc Nục lắc đầu mà rằng :

— Quân ta đã thất đảm đi rồi, dẫu đương đêm đem ra đánh giặc cũng không thành-công được, không nên, không nên.

Trần Khởi-Phụng lại thưa rằng :

— Nếu không làm theo kế ấy, thời xin Nguyên-soái giao cho tiểu-chức ba vạn quân, tiểu-chức dẫu không hay giết sạch được giặc man, nhưng cũng làm cho nó thất-kinh một trận mới nghe!

Súc Nục nói :

— Nay tỉnh-thành là nơi yếu-địa, mà quân phòng-bị vẫn còn sơ sài, ta phải đem quân về giữ chốn căn-bản là hơn.

Súc Nục không nghe lời Trần Khởi-Phụng, thâu đêm kéo quân về tỉnh-thành. Trần Khởi-Phụng không biết nghĩ kế sao, bèn cùng với các quan thủ-thành là Triên - tổng Vương

Cảnh-Hòe, Cát Siêu - Quần ; Bả-tổng Vương Ứng, thương nghị mà rằng :

— Nay Nguyên-soái đã không chịu lưu-binh ở đây, thời thành này quyết-nhiên không giữ được. Song chức phận người thủ-thổ phải nên cùng sống thác với thành-trì, nếu cứ ngồi đợi đây mà chịu chết, sao bằng bày mưu để giết giặc, liều chết may ra sống được chăng, chẳng hay ba vị tướng-quân có chịu giúp tôi một tay không ?

Ba tướng đều hăng hái mà rằng :

— Tiểu-chức chúng tôi xin thề liều chết để báo nước, tiên-sinh nếu có dùng đến thời chúng tôi chết cũng không oán hận gì !

Khởi-Phụng cả mừng. Liền giao cho mỗi người một nghìn quân, dặn bảo cứ làm như thế. . . . ba tướng cả mừng, rồi đều kéo quân phân đi mọi ngả. Khởi-Phụng thời sắm sửa lễ-vật trâu rượu, để ra khao quân, trên thành cắm lên một ngọn hàng-kỳ, thân ra ngoài cửa thành đón rước.

Thực là :

Làm cho quân giặc thâu đêm sợ,
Chỉ dụng kỳ-binh độ mấy nghìn.

Nói về Mai Anh hạ được thành Triệu-khánh bao nhiêu vàng bạc trong thành đều lấy hết sạch, sai quan tỳ-tướng vận-tải chở về trại Thiên-mã. Lại sai một tỳ-tướng đến nhà trọ Tiền Tử-Cán mời chị em Tiền Tử-Cán vào phủ-đường tương-kiến. Tử-Cán sợ khiếp người ra mặt như chàm đổ, cùng với Tiền cô-nương đi đến phủ-đường, sợ run cầm cập qui xuống dưới đất. Mai Anh và tiểu-thư vội vàng dỡ dậy mà rằng :

— Tôi được nhờ chị em hiền-huynh đưa tôi vào thành này, thực là một cái công to vậy.

Tử-Cán nghe nói ngửng đầu lên trông mới biết bọn con hát dả-hoa-cổ tức là Đao - vương liền lạy rập đầu mà thưa rằng :

— Tiểu-sinh tội thực đáng chết !

Mai Anh liền dỡ dậy mà rằng :

— Hiền - huynh muội cũng là có nhãn-lực anh - hùng, khi lệnh - muội mới trông thấy tiểu-thư, liền biết kính yêu ngay cũng là người hào-kiệt trong đám nữ-lưu vậy. Nay tôi mới mười bảy tuổi, chưa có phối-ngẫu nơi nào, nay muốn sánh đôi cùng lệnh-muội, chẳng hay hiền-huynh có thuận cho không ?

Tiền Tử - Cán nghe nói cả mừng mà rằng :

— Chỉ sợ Tề Thịnh sang hèn khác nhau, nài sao cho xứng đáng ?

Mai Anh nói :

— Sao hiền-huynh lại nói thế !

Mai Anh liền ngoảnh lại quân - sư Gia-Cát Đồng mà nói rằng :

— Xin nhờ quân-sư làm mối hộ cho.

Gia-Cát Đồng nói :

— Tôi dẫu bất-tài, xin đương việc mối lái này !

Mai Anh cả mừng, truyền bày tiệc khánh-hạ. Mai tiểu - thư liền dắt Tiền cô-nương và Tiền cô-tẩu đưa vào nhà hậu-đường khoản-đãi. Ngày hôm sau sai một viên tỳ-tướng điều - bát một vạn quân đưa cả nhà Tiền cô-nương về trại Thiên-mã. Rồi liền khởi - binh kéo đến huyện Tam-thủy. Quân tiên-phong báo rằng có quan huyện Tam-thủy đem trâu rượu đến nghênh-tiếp đại - vương. Mai Anh cho gọi đến tương-kiến. Trần Khởi-Phụng bước đến qui ở trước ngựa, Mai Anh cho đứng dậy mà ủy-lạo rằng :

— Khen thay tiên - sinh cũng là người hào-kiệt thứ c-thời đó !

Trần Khởi-Phụng cúi mình mà thưa rằng :

— Nay đại - vương đánh trận nào được trận ấy, phá thành nào được thành ấy, dẫu tướng giỏi như Tôn Ngô

đời xưa cũng không hơn được. Thế mà quan Đốc-phủ tôi không biết giảng-hòa cùng đại-vương lại muốn ruồi quân chó dê tranh chọi với đội hổ-báo, có khác gì bọ ngựa dám chắn ngang xe, đem trứng mà chọi với đá, trách nào mà chẳng thua! Tiểu-chức vốn hâm-mộ hùng-phong đã lâu, nay được nép lạy dưới cờ thực là vạn-hạnh, cúi xin đại-vương thu-lục.

Mai Anh cả mừng, sai tả hữu sắp ngựa cho Trần lão-cha ngồi, rồi cùng đến dưới thành truyền lệnh đóng dinh trại ở đó. Trần Khởi-Phụng mời Mai Anh vào thành chiêu-an dân-sự. Mai Anh đem hơn một trăm tướng-sĩ tiến vào thành, nghiêm lệnh không được xâm phạm mấy lông gì của dân. Bách-tính đều bày hương hoa ra đón rước. Trần Khởi-Phụng bày tiệc ở giữa huyện-đường, mời Mai Anh ngảnh mặt về hướng nam mà ngồi, còn thời đều đứng hầu bên cạnh rót rượu, uống rượu đến gần trống canh một, Mai tiểu-thư sai người vào đón. Song Mai Anh vì Trần Khởi-Phụng hầu hạ khuyên mời sướng thích quá, uống rượu cực say, khi trở về trại quay đầu ra ngủ ngáy khè-khè. Chư-tướng thời vì liền mấy hôm chinh-chiến đều thắng trận cả, đến huyện Tảm-thủy này lại không phải đánh mà đã đầu-hàng, nên không ai coi quan-quân vào đâu cả. Nay thấy Mai Anh đã tiến vào thành uống rượu, bèn sai các tiểu đầu-mục đi đến các chốn hương-thôn cướp lấy trâu rượu, đem về mổ thịt ăn uống, say khướt cả ra, rồi cởi cả áo giáp bỏ cả đồ binh mà say ngủ lăn lộn, vừa đến trống canh ba sực nghe thấy tiếng pháo nổ góc thành tây bắc, ngọn lửa bốc lên rực trời, tiếng reo ầm lên dậy đất, chợt thấy một toán quân vụt đâu kéo đến ầm ầm như nước vỡ sóng reo, xung-xát đánh vào trong trại, cầm dao búa băm chém bừa đi. Thạch Thung-Cữu đương lúc mơ màng sực tỉnh dậy, ngựa không kịp thắng yên, người không kịp mặc giáp, hoảng-hốt nhảy lên mình ngựa trần, chạy ra ngoài cửa trại sực nghe phía đông bắc súng nổ ầm ầm, lửa sáng rừng rực, lại thấy một toán quân như mưa sa gió táp kéo lại không biết là bao nhiêu; quân-sĩ trong hai trại lộn-sộn giẫy séo lẫn nhau, trong quân đại-loạn. Đồng Miêm-công đóng quân ở bên sông, nghe thấy trên bờ tiếng reo như sấm, biết là có quan-quân đến cướp trại, sắp sửa muốn đem quân lên bờ để ứng-cứu thời lại thấy ven sông lửa cháy rực lên, bèn không dám động-binh nữa.

Mai Anh sức tỉnh dậy rút gươm cầm ở tay ra đứng giữa cửa trại truyền-lệnh cho quân-sĩ không được vọng-động, hễ thấy quân ngoài đến thời chỉ dùng cung nỏ bắn ra.

Vừa truyền-lệnh đâu đấy, thời thấy trong thành nổi trống reo lên đánh xông vào đám trung-quân. Song bị trung-quân Mai Anh bắt ra đát quá, xông đột vào mấy lần đều bị bắn mà phải lui. Mai tiểu-thư thời đem cánh quân từ bên hữu vòng vào tiền-trại để cứu-viện. Vạn Nhân-Địch và quân-sư Gia-Cát Đồng thời đem Tống Kim-Cương từ đằng sau đến cứu viện. Thạch Trung-Cữu thời đương bị phải thiên-tổng Vương Cảnh-Hòe thúc quân-sĩ xông vào thừa lúc loạn quân sung-sát. Cảnh-Hòe bị phải Kim-Cương đâm cho một mũi thương chết liền, Kim-Cương liền đánh tan bọn quân-sĩ rồi lại cứu việc cho Vạn Nhân-Địch. Khi ấy thiên-tổng là Cát Siêu-Quần đã phải Mai tiểu-thư giết chết rồi, Song đằng mặt trước vẫn trông thấy lửa sáng rực rỡ, tiếng reo ỳ ầm, nhưng vẫn không thấy kéo xông lại. Gia-Cát Đồng không hiểu là ý sao, bèn sai thám-mã chạy lên trước do thám, thời nguyên là có một bọn bách-tính dùng cỏ gianh bó thành hình chữ *thập* rồi tẩm dầu vào, bốn đầu đều đốt lửa lên sáng rực, lũ bách-tính thời khua

chiêng đánh trống, reo hò lên để giúp oai, nhưng không biết rằng quan-quân đã bị giết sạch, vẫn cứ ở dàng xa reo hò. Gia-Cát Đồng nghe thấy báo làm vậy, cả cười, rồi sai quân-sĩ kéo ùa lên chém giết; lại sai Tống Kim-Cương đem một vạn quân phân ra các mặt đuổi theo chém giết bách-tính làm cỏ không còn sót một người nào, mãi đến sáng rõ mới thu quân về. Khi điểm-kiểm quân-sĩ, thời thấy quân bị giết chết mất hơn một vạn, còn giẫy xéo nhau mà chết không biết bao nhiêu mà kể. Mai Anh cả giận, thét quân đao-phủ đem điệu Thạch Thung-Cữu, Vạn Nhân-Địch ra ngoài cửa viên-môn để chém. Quân-sư Gia-Cát Đồng vội vàng bước lên can rằng :

— Dám xin đại-vương khoan giận, hãy tha cho hai tướng, để cho hai tướng đi đánh huyện Tam-thủy, đem công mà chuộc tội.

Mai Anh nói :

— Ta nể có lời quân-sư nói, hãy tha cho hai ngươi một ngày, phải đem quân bản-bộ đến đánh huyện Tam-thủy, hễ đánh được thời mới cho về yết-kiến ta, nếu quá hạn không hạ được thành, thời phải đem đầu hai ngươi dâng nộp !

Hai tướng khấu đầu lạy tạ lui ra, đem quân đi đánh thành. Trần Khởi-Phụng giữ trong thành Tam-thủy, lấy lời trung-nghĩa khích-khuyến bách-tính, đua nhau khuân gạch vần đá đem lên mặt thành bộ-vệ, hễ quân giặc kéo đến, thời bắn tên ném đá xuống ầm ầm, mãi đến mặt trời gần lặn mà thành vẫn không hạ được. Vạn Nhân-Địch đã lấy làm lo, liền một tay cầm gươm, một tay cầm mộc, che đỡ cho mình liều chết xông vào trong đám rừng tên, cầm búa phá toang tường thành, rồi nhảy phắt lên mặt thành, bách-tính trông thấy kinh-hoảng bỏ chạy. Trần Khởi-Phụng vội vàng cầm thương lại đâm, Vạn Nhân-Địch giơ mộc lên đỡ bắt Trần Khởi-Phụng ngã lăn xuống hào. Thung-Cữu liền nhảy xuống hào bắt trói Khởi-Phụng lại, rồi hô quân sĩ trèo uà lên thành, phá toang cửa thành ra, đại-quân kéo uà cả vào, hạ được huyện Tam-thủy. Thạch Thung-Cữu liền giải Trần Khởi-Phụng đem về nộp trước trại. Khởi-Phụng cứ đứng sững ra không chịu quì. Mai Anh rút gươm ra thét lên rằng :

— Ta tưởng mày là người khá, ai ngờ mày sinh lòng phản-trắc, nay đã bị bắt, mày còn muốn biện-thuyết gì nữa chăng ?

Trần Khởi-Phụng cười mà rằng:

— Làm tôi tận trung, dẫu chết cũng không hối-hận, chả phải biện-thuyết gì nữa cả.

Khởi-Phụng cứ ung-dung cười nói, thần-sắc không biến chút nào. Mai Anh cũng sinh lòng kính phục mà rằng :

— Người này không sợ uy mà chịu khuất, không sợ nạn mà cầu-miễn, cứ thung dung tựu-nghĩa, coi cái chết như không, thực là người quân-tử !

Mai Anh muốn tha cho về, Khởi-Phụng nói rằng :

— Kẻ bày tôi thủ-thổ, phải cùng với thành-trì cùng sống thác, Khởi-Phụng này há lại chịu thâu-sinh hay sao ! Chỉ mong rằng đừng làm hại bách-tính ta, đừng làm tàn bỏ cõi ta, thời Khởi-Phụng này được nhờ ơn lắm lắm !

Mai Anh ngảnh lại tả hữu mà rằng :

— Ấy đó mới thực là trung-thần ! thôi thời chém đi để cho thành danh-tiết.

Mai Anh liền truyền-lịnh cho tướng-sĩ không được cướp bóc tàn hại dân Tam-thủy. Lịnh vừa mới truyền ra, thời bách-tính trong thành đã phải Vạn Nhân-Địch làm cỏ giết sạch, chốn dân-cư huyện-lị đều bị đốt phá ra gio tàn. Mai Anh nghe tin ấy

than thở hồi lâu. Đoạn rồi phát súng lên ngựa kéo quân thẳng đến tỉnh-thành, đi đến đâu quan-quân đều nghe phong-thanh đã vỡ tan hết, không khác gì đi vào cõi đất không có người. Khi kéo đến tỉnh-thành, sai Thiết Lão-Hổ đóng đồn ngoài cửa Thái-bình. Đồng Miêu-Công đóng đồn ngoài của Tĩnh-hải, Thạch Thung - Cữu đóng ngoài cửa chính đông, còn Mai Anh cùng với chư-tướng chia ra đóng đồn ở cửa tây, ngày đêm đánh xông vào thành. Song thành lớn và cao, trên mặt thành tên đạn bắn xuống như mưa, đánh luôn hai ba ngày không thể vào được. Gia-Cát Đồng sai quân-sĩ lấy vài nghìn tấm da trâu, rồi căng ra khung tre coi như bức tường, cầm che mà tiến vào, song tên đạn bắn xuống hăng quá, không thể tiến vào được. Quan Tuần-phủ là Đới Diệu ở trong thành sai quân-sĩ bắc đá để pháo thất-tinh lên bắn ra, tên đạn hỏa-hồ bắn xuống như mưa, những tấm da trâu đều bị cháy rách ra cả. Gia-Cát Đồng lại nghĩ ra một kế sai quân-sĩ làm thang câu-liêm bằng sắt và nghìn cái để móc leo lên thành, quân-sĩ đánh trống hò reo leo lên như kiến. Đới Tuần-phủ truyền lịnh quân trong thành không được ồn ào, chỉ bắn súng khuân đá ném xuống, quân ngoài không thể xông vào được. Lại bó rơm tẩm dầu ném xuống đốt những thang tre, lại sai người bắn hỏa-hồ ra, thang móc đều bị đốt gẫy sạch. Gia-Cát Đồng cả giận sai bắt bách-tính xung quanh thành, cốn bè, bó củi, khuân đất lấp đầy vào hào cao lên như núi, rồi dựng dàn che lá ở trên bình như mái nhà, để che đá ném; quân-sĩ thời phục cả ở trong mái; dùng dao dùng nỏ bắn ném vào trong thành, các tướng-sĩ thủ-thành đều bị bắn chết lăn ra cả; trong thành đều thất kinh. Quan Đới Tuần-phủ liền mộ lấy quân tử-sĩ, thừa khi ban đêm ròng dây lẻn xuống dưới thành, cuốn rơm tẩm dầu phóng - hỏa đốt những nhà dân bằng lá, lửa cháy núi lở, những quân-sĩ phục ở dưới đống núi đều bị đè chết bẹp. Gia-Cát Đồng không biết nghĩ kế gì nữa. Mai Anh nói:

— Nay quân-sĩ chỉ đánh ở trên bộ, mà trong thành cũng chỉ phòng bị ở trên mặt thành, sao không sai Đồng Miêu-Công dụng bọn Côn-lôn-nô cho nó đi ngầm đường thủy đào hầm lẻn vào trong thành, phóng hỏa đốt lên, để trong thành rối loạn, thời quân ngoài bắc thang lên bốn mặt thành mà đánh, khiến cho trong thành không thể cứu-ứng được nhau, lo gì mà chẳng hạ được thành.

Gia-Cát-Đồng nói:

— Kế đại-vương thật là diệu lắm!

Liền sai người đến cửa bể Tĩnh-hải bảo Đồng Miêu-Công lo liệu các việc. Nguyên là đội thủy-quân của Mai Anh dụng được bọn Côn-lôn-nô ở núi Đam-nhĩ, con mắt xanh biếc, lặn nước cực tài, lặn được ba bốn ngày, để đói thời bắt tôm cá mà ăn. Mai Anh dụng được và trăm đứa, để cho lặn nước cực kỳ đắc-lực. Nay quân-sư truyền lệnh sai bọn ấy lấy giấy dầu bọc thuốc súng buộc ở ngang lưng, rồi lặn xuống cửa bể, để vào thành phóng-hỏa. Khi ấy đợi đến nửa đêm nước trào dâng lên, bọn Côn-lôn-nô lặn xuống nước bơi theo chiều nước vào đến của cống mở toang cửa ra chui mãi vào đến cầu Thanh-vân chực bò lên để phóng-hỏa. Thế nào phải quan Tham-tướng giữ cửa Vấn-minh là Đào Túc-Dụng trông thấy liền hô hoán bắn tên đạn ra giết sạch bọn Côn-lôn-nô, sáng sớm hôm sau đem bêu đầu ở trước thành. Gia-Cát Đồng nghe thấy tin ấy không còn biết giở trò gì được nữa. Thực là:

Đã khôn lại gặp khôn hơn,
Khoe khéo thế nào cũng vụng
Đành chịu bó tay mà ngồi,
Biết nghĩ kế chi vận-động.

Đương lúc Gia Cát-Đồng ngồi buồn ở trong trại, sực thấy Tống-Kim-Cương vào thưa rằng ;

— Thưa quân-sư, ở ngoài kia có một người học trò tự xưng là họ Vương tên Đắc-Giai, bảo rằng có diệu-kế đánh phá được thành, vậy tôi vào bẩm để quân-sư được biết.

Gia Cát-Đồng liền sai gọi vào tương-kiến, khi người ấy vào yết-kiến, Gia Cát-Đồng chắp tay mà rằng :

— Tôi nghe nhà thầy có cái diệu-sách phá được thành, dám xin thầy dạy bảo; hễ hạ được thành này, nhà thầy muốn sao cũng xin chiều ý.

Vương Đắc-Giai nói rằng :

— Thành này vừa cao vừa bền, không dùng cách xe của Lã-công thời không phá được.

Gia Cát-Đồng hỏi :

— Cách chế xe ấy thế nào ?

Vương Đắc-Giai nói :

— Cách xe này hình như cái thuyền, cao một trượng năm thước, dài 500 thước, trên làm ra hai từng lầu, phên che tả-hữu, lát ván như đất phẳng, một người xòa tóc chống gươm đứng ở trước xe, trên dựng một ngọn cờ vũ-mao ; ở trong và trăm người đều cầm nỏ cứng tên độc để bắn ; bánh xe thời làm bằng đá tròn bắt và trăm con trâu kéo đi ; hai bên lầu xe thời mở rộng ra cao hơn bờ thành, người đứng trên đó trông suốt vào trong thành được, dân bà con gái trông thấy đều phải khiếp sợ mà khóc ; quân-sư nếu dùng cách xe ấy phá thành thì lo gì mà chẳng phá được !

Gia Cát-Đồng cả mừng, liền sai Vương Đắc-Giai giám-đốc chế ra kiểu xe ấy ; không đầy mấy ngày đã chế xong chỉnh-tề bắt trâu kéo chạy đi xồng xộc. Quân dân và phụ-nữ trong thành trông thấy đều khóc. Đới Tuân-phủ vội vàng trèo lên thành trông xem, rồi nói rằng :

— Đấy là kiểu xe Lã-công, ta đã có cách phá được rồi, can chi mà kinh-hoảng.

Liền sai quân-sĩ lấy và mươi chục cây gỗ to, làm thành ra những cái cột trụ, mỗi cái cột trụ lại làm máy trục, buộc những hòn đá vài nghìn cân vào, rồi vặn trục tung ra bay như viên đạn, tự lưng chừng trời rơi xuống, xe không dám đến gần nữa ; lại mộ quân tử-sĩ lấy súng lớn bắn vào những con trâu kéo xe, trâu bị thương chạy lùi trở lại. Gia-Cát Đồng và Vương Đắc-Giai khó nhọc cơ-mưu và tốn không biết bao nhiêu tiền lương mới nghĩ ra kiểu xe ấy ; nay lại phải Đới Tuân-phủ khám-phá cơ-mưu, không dám chở xe lại gần thành, trong bụng tức giận không biết nói sao được. Vương Đắc-Giai lại thưa rằng :

— Tiểu-sinh còn có một phép này nữa xin quân-sư lại chế thử làm xem.

Gia-Cát Đồng nói :

— Chẳng hay lại có phép gì vậy ?

Vương Đắc-Giai thưa :

— Nay nó hay lăn gỗ ném đá ở trong thành ra, để phá xe Lã-công của ta. Thời ta sao không lại dùng phép ấy, vần gỗ ném đá mà đánh lại ?

Gia-Cát Đồng cả mừng mà rằng :

— Nhà thầy thực là tài giỏi binh-pháp !

Liền sai quân-sĩ chế ra và chục cột gỗ buộc vào và nghìn hòn đá lớn, rồi kéo chục ném đá vào thành mà đánh. Khi ấy Súc Nục đương giữ cửa tây luôn mấy ngày khó nhọc, mới vừa chợp ngủ ở trên lầu mặt thành, chợt nghe quân-sĩ kêu ầm lên, thời một viên đá lớn rơi xuống đầu nóc nhà lầu đánh ầm một tiếng, sạt mất nửa góc nhà lầu. Thực là :

Đá đâu ném xuống lưng trời,
Làm cho hồn vía rụng rời cơn mê.

(*Còn nữa*)

Đông Châu dịch

Vấn mĩ-nhân ca

Kìa ai nhan sắc tuyệt vời,
Một mình ngơ ngẩn việc đời nghĩ chi?
Giận loài ong bướm vô nghi,
Mà ai ai phải lâm-li lệ sầu?
Giận phường trên Bộc trong Dâu,
Con trùng ô-uế làm rầu nồi canh?
Giận phường tham nhị bẻ cành,
Nghĩ rồi rồi lại giật mình lo xa?
Giận đời không biết phẩm hoa,
Thì giờ thấm-thoắt cái già theo sau?
Giận ai tham miếng công-hầu,
Làm cho ai phải đeo sầu có phen?
Giận phường bạc trắng lòng đen,
Phẩm tiên tưởng cũng chỉ tiền là xong?
Giận loài gà khoác lốt công,
Nghĩ đem bộ mã xiêu lòng được sao?
Giận ai là bậc anh-hào,
Mắt xanh không biết ngồi sao dưới trần?
Than ôi! tài-tử giai-nhân,
Gặp nhau hồ dễ mấy lần ngán thay!
Thương ôi! cái buổi đời này,
Nào ai ai biết ai hay nữa nào?
Thuyền-quyên gặp được anh-hào,
Như buồm thuận gió như sao quang trời.
Yêu ai giãi một đôi lời,
Thôi thôi ai nghĩ chuyện đời mà chi!
Khuyên ai nên ở có nghi,
Ắt là gặp bạn tương-tri thỏa lòng.

VŨ CÔNG-NGHI.

VĂN-UYỂN

Tiễn quan Đông-các-đại-học-sĩ Phúc-môn-bá Nguyễn-đại-nhân đi hộ-giá qua qui-quốc

Cao rộng trông mằng cửa Phúc-môn,
Phần lo việc cả phải chăm nom.
Toan bề xum họp cùng Nam-Bắc,
Tính nỗi lâu dài vững nước non.
Con thảo tôi ngay đôi gánh nặng,
Đường xa bể rộng một lòng son.
Vừng nam rạng đến năm châu lớn,
Trời thấy khi nên cũng giúp dồn.

Tri-Phủ Hoài-nhân.

TRẦN ĐÌNH-KHUYẾN

.·.

Hoài-hữu

Nại-hải (1) là dây gót ngọc ngừng,
Chạnh niềm cố-hữu sửng sừng sưng.
Nào khi đàm-luận đêm khuya khuất?
Tưởng lúc duy-trì sáng bửng tưng.
Rượu nhắp chờ ai men chát ngắt,
Thơ ngâm nhớ bạn tiếng vang lừng.
Thuyền lan gắng đợi Hương-giang [dó, (2)
Đến lúc trùng-phùng sẽ sảng trưng.

Vịnh Qui-nhơn phong cảnh

Tam-định đây là đứng thứ ba,
Qui-nhơn một dải rộng bao la.
Pháo-đài cửa chắn phong ba lặng,
Thanh-đảo đèn quay bóng nguyệt tà.
Sóng rợn lầu tây gành Nại-hải,
Rêu chùm thành Ngụy nẻo Bàng-xà.
Biết bao sản vật chưa kinh-tế,
Của tạo nhưng mà phải có ta.

Đường-sinh, VƯƠNG TỬ-QUÁN

.·.

Thu thiên cảm hứng

Lặng trông thấm thoắt tháng ngày qua,
Một chuyến thương tâm một chuyến già.
Đỉnh núi bầy quyên vừa lặng tiếng,
Bên tường dàn cúc đã chồi hoa.
Ngâm thơ giải muộn thơ chưa đặng,
Nhắn bạn tiêu sầu bạn cách xa.
Trời đất chứa chan tình cảm khái,
Gió đâu thoang thoảng tiếng đàn ca.

Trả lời một người hỏi cách làm văn

Rằng ai cũng muốn học làm văn,
Văn chẳng như thơ phải có vần.
Tư-tưởng trước sao cho xác đáng,
Ngôn-từ sau cũng phải thanh-tân.
Gọn gàng thứ tự là nên trọng,
Đưa đẩy ba lan cũng phải cần.
Yếu-thuật làng văn nên phải biết,
Tấm lòng vì nước lại vì dân!

Gửi cho bạn

Câu ước bình-sinh có nhớ không?
Hỡi ai ai đó biết nhau cùng.
Đất trời chưa chán cơn long-lở,
Trăng gió đà quen vẻ sượng-sùng.
Chẳng nỡ tiêu dao cùng thảo-mộc,
Thôi thì trang trải nợ tang bồng.
Còn non còn nước còn công-nghiệp,
Quân-tử lo chi bước khốn-cùng.

Quân-tử lo chi bước khốn-cùng,
Trời xanh há phụ khách non-sông.
Trần-ai mấy bước khôn khôn dại,
Tâm-sự rằm hàng mở mở phong.
Câu chuyện Vũ-hầu đâu thẹn mãi,
Tấm tình Bão-thúc họa còn mong.
Mấy lời nhắn bạn tri-âm nhé,
Câu ước bình-sinh có nhớ không?

---

(1) Nại-hải cửa bể xứ Qui-nhơn, nhơn vì tôi đi tới đây thời ở lại không đi nữa.

(2) Hương-giang là sông Hương ở đất Thừa-thiên, vì khi tôi còn ở Huế chưa vô đây, thời vẫn đi lại đàm đạo vui chung cùng với ông Vân-bình, Tôn-thất-Lương vậy.

Xem tàu bay

Tít tít cao cao bỗng cánh hồng,
Thập thò đứng dưới bảo nhau trông:
Cao-Biền rầy đã đi xem đất,
Đồng-tử kia nay cỗi móng rồng.
Cho bỗ tiêu-dao cùng nhật-nguyệt,
Thả hồ vùng vẫy với non-sông.
Ô hay ta cũng là người nhỉ!
Kẻ thấp người cao luống ngại ngùng.

Xuân dạ cảm tác

Ngoảnh mặt mười năm chóng chóng
Cái già thấm thoắt có xa đâu! [lâu,
Nước non lận đận chừng bao tuổi,
Sương tuyết phôi pha đã mấy cầu?
Sự thế nửa thương mà nửa giận,
Nỗi mình vừa tức lại vừa đau.
Tri-âm ai đó mà than thở?
Thổn thức năm canh giọt lệ sầu!

Giang-biên ngẫu cảm

Xa tít chân trời mỏi mắt trông,
Một mình ngơ ngẩn đứng bên sông.
Mây xanh nước biếc đôi hàng lệ,
Đất rộng trời cao một tấm lòng.
Tan tác cánh bèo theo ngọn sóng,
Thần thơ đàn cá lượn bên dòng.
Có ai hỏi khách làm chi đó?
Đương nghĩ thơ sầu nghĩ chửa xong.

Thương người thương mình

Lần lữa buồng trai giở sử xanh,
Thương người chưa chán lại thương [mình.
Ngây thơ những hám mùi hoan-lạc,
Từng trải càng đau nỗi thế-tình.
Guét tục biết bao người ẩn-tích,
Chán đời thêm ngán khách quyền-sinh.
Không quên không ẩn là ai nhỉ?
Canh cánh lòng quê nghĩ chưa đành.

Hỏi ông phỗng đá

Ta bác lâu nay vẫn hững-hờ,
Làm quen xin bác chớ thờ-ơ.
Bác toan giả dại nên gài miệng,
Ta muốn dành sầu để đúc thơ.
Nghe bác gió mưa thêm dạn-dĩ,
Mà ta hôm sớm những bơ-thờ.
Yêu nhau giãi tỏ cùng nhau nhỉ,
Một khúc can-tràng bác rõ chưa?

Gái trinh kén chồng

Gìn vàng giữ ngọc đã bao lâu,
Mà cái xuân xanh chấm dỉnh đầu.
Nhạn lẻ cũng mong tìm thấy bạn,
Chim khôn nào biết đậu về đâu.
Nước non không phải người tương-thức
Vàng đá buồn chi chữ hảo-cầu.
Ví chẳng ai thương mà biết đến,
Tấm lòng băng tuyết đợi người sau.

Nam-định học-sinh

NGUYỄN MẠNH-XỨNG

. . .

Sự đời

Nào có ra chi cái sự đời.
Suy đi nghĩ lại khéo mua cười!
Nhanh chân hớt cẳng người khoa [bước
To miệng tranh lời đứa bé môi.
Giậu đổ bìm leo âu cũng phận,
Tre già măng mọc há riêng ai.
Sa chân chót đã vô vòng tục,
Vẫng vặc gương trong đứng giữa trời.

Riên-Lư TRẦN THÁI-KHAN

. . .

Áo gấm đi đêm

Mình biết riêng mình thế thế thôi,
Trần-gian mấy kẻ mắt tinh đời.
Sắc tài này dễ ai đua nổi,
Bởi gặp cơn đen phải chịu trời.

Tiễn bạn đi học xa

Ngô Lão khuyên chớ ngại đường xa,
Trí khí nam-nhi thế mới là.
Quen lạ đều là con cháu chúa,
Xa xôi chi cũng nước non nhà.
Đội trời đạp đất đà nên mặt,
Lối lợi đường danh nhẽ vẳng a?
Lo nợ sách đèn sao giả sạch,
Vẫy vùng rồi cũng có phen ta.

CAO DUY-CÁC

. . .

Ngư-ông tự vịnh

Vẫy vùng bể thẳm lại doành khơi,
Cái thú lênh-đênh dễ mấy người.

Bao chốn phồn-hoa đều tới cả,
Các nơi danh-thắng cũng qua rồi.
Năm châu chật hẹp người chen chúc,
Bốn bể mênh mông tớ thảnh thơi.
Danh lợi chẳng tham mà chẳng tiếc,
Rượu bầu thơ túi cứ ngâm chơi.

Đêm thâu nhớ nhà

(Ca lục-bát)

Nghĩ gần thôi lại nghĩ xa,
Vẳng nghe tiếng dế thiết-tha ngoài vườn.
Tiếng gà xao-xác gáy luôn,
Khiến người lữ khách càng tuôn mạch
Trời đen mây tối một mầu, [sầu.
Trông vời cố-quận biết đâu là nhà.
Xót thay thông cỗi huyên già,
Trân cam ai kẻ vào ra đỡ mình ?
Bấy lâu cửa Khổng sân Trình,
Thần-hôn đề lỗi, chữ tình gác bên.
Tuy rằng vui thú sách đèn,
Tấm lòng hoài-vọng dễ quên được nào.
Nhớ khi vui vẻ xiết bao,
Thông huyên hớn hở, lý đào tốt tươi.
Nhớ khi êm ả chiều trời,
Giăm ba bầu bạn đầy vơi chén quỳnh.
Nhớ khi ngồi chốn lữ-đình,
Trông trăng tròn khuyết động tình [thương huê.
Nhớ khi khuya sớm đi về,
Cơm dâng tận mặt, nước kề tận tay.
Ngẫm từ đất khách bấy nay,
Nào ai xẻ ngọt chia cay với mình ?
Than ôi ! vì chút công-danh,
Khiến ai luống phải cất mình ra đi.
Mưa sa gió táp quản chi !

Tuyết-minh, DƯƠNG ĐÌNH-TÂY
(Đáp-cầu)

THƠ CỔ THỂ

Qua cầu Hà-liễu

Nẻo xa thấy rồng nằm vắt-vẻo,
Lại gần thấy nước trong leo-lẻo.
Hỏi sông, Tô Nhuệ hợp đôi dòng,
Hỏi làng, tên xưa gọi Hà-liễu.
Làng chia thay-lẩy kề bên sông,
Nước cuốn nao-nao quanh ngõ réo.
Bốn bề lục-dã ngắm quanh miền,
Mười dặm hồng-trần nghe cách nẻo.
Kiều đâu trăm thước bay cầu-vồng,
Mặt sóng đè ngang đè vắt tréo.
Chín khoang lộn nước bóng chiều quay,
Năm sắc ngang trời mây sớm kéo.
Cỏi mục nghêu-ngao dưới nguyệt về,
Thuyền ngư thấp-thoáng trên mây dạo.
Ngào-ngạt chòm thông khói tĩnh-đàn,
Chênh-vênh mỏm đá nền hoa-biểu.
Lần xem phong-cảnh hỏi-han dần,
Quả kia ai kết nhân ai tạo ?
Lòng thiện xây nên hình vững bền,
Tay tiên co lại dịp khôn khéo.
Qua chơi ta hẳng tạm dừng chân,
Hỏi thăm ngõ hạnh vào mua rượu.
Đồng chiêm nước trắng dân thực-thả,
Gạo đỏ cơm lành cá thơm béo.
Ta ưa Hà-liễu thú xinh thay !
Ta ngán cầu này người vắng tẽo !
Cầu này nếu là cầu lợi danh.
Lắm kẻ nghênh-ngang xe ngựa diễu.

Phụ dẫn. — Xét làng Hà-liễu thuộc về huyện Thanh-trì tỉnh Hà-đông; sông Tô-lịch và sông Nhuệ-giang hai con sông hợp-khâm ở đó; phong-cảnh đồng chiêm bốn bên nước cả, chỉ có một con đường suốt dọc hình như cái tiêu-đề, để giao-thông tổng nọ sang tổng kia, cầu Hà-liễu thực là để nối con đường đó, cầu xây bằng vôi gạch, dài chừng độ mười trượng, xây ra hình cầu-vồng, đôi bên đều có chạng câu-lơn, trên có thể đi xe được, dưới có thể đi thuyền được, hỏi ra công-trình cũng có thể tốn hết một vài nghìn đồng bạc; ven cầu lại có lập ra một cái tĩnh-đàn để thờ các vị thiên-tiên.

Năm Duy-tân thứ bảy, tháng tám, đạo nhân qua chơi đó, thích đương về cảnh thanh-thu, lần xem phong cảnh, thật là có chiều đăng-rạng, có chiều thanh-u; mà cư dân đó lại thật-thà chất-phác, có cái khí-vị thái-cổ; nhân tiện dừng chân lại một tối để chơi thuyền và trông trăng; lại hỏi han đến những sự nhân-quả cái cầu này,

mới biết rằng ở đây có một cái thiện-đàn, rất là những hằng-tâm hằng-sản của các người, mà gây nên công-quả nọ.

Chao ôi! những phong thiện-đàn ở nơi khác, thường nghe có những sự thơ-từ quàng-xiên, thuốc-thang nhảm-nhí, mà ở đây các người trong làng thiện biết bảo nhau lo toan những sự công-ích, cũng đáng khen thay! nhân thảo ra mười lăm vần thơ để gài vào túi du-lãm; sự đó đã ngoại mười năm, nay nhân khi thong thả lục ra, để trình các bạn quân-tử.

Tùng-Vân đạo-nhân

DỊCH CỔ - THI

(Ngũ-ngôn cổ-thể)

Bảo học trò về nghĩa ngày đi không trở lại

此日不再得示學者

(Cụ Dương-Thời đời Tống hiệu là Qui-sơn)

(宋儒楊辰號龜山)

Ngày đi không trở lại,
Nước chảy một chiều xuôi.

此日不再得。頹波注扶桑。

Trái đào lũ trẻ con,
Thấm-thoắt tóc xanh (1) rồi.

躊躇黃小輩。毛髮忽已蒼。

Này các anh đi học,
Tiếc lấy bóng sáng trời.

願言媚學子。共惜此日光。

Đầu xanh tuổi còn trẻ,
Cố đi cho cập-thời!

術業貴及辰。勉之在青陽。

Đường quang cùng đường rậm (2),
Hễ đi thời phải coi,

行矣慎所之。戒哉畏迷方。

Ông thánh, thằng kẻ trộm (3),
Thiện ác đó mà thôi.

舜跖善利間。所差亦毫芒。

Giàu sang như mây nổi (4),
Ai dừng vội ngốt ai.

富貴如浮雲。苟得非所臧。

Nghèo ngặt ta xấu gì,
Mình sửa mình kẻo hoài.

貧賤豈吾羞。逐物乃自戕。

Vua Vũ chân tay lấm (5),
Thày Nhan bầu nước vơi (6).

胼胝奏艱食。一瓢甘糟糠。

Giàu, cứu đời là sướng,
Nghèo, học đạo cũng vui.

所遂義適然。未殊行與藏。

---

(1) Nguyên-văn chữ «thương» không phải nghĩa là xanh, đây dùng ý không đúng nghĩa.

(2) Đường quang ngay-thẳng vì làm thiện; đường rậm quanh-co vì làm ác.

(3) Sách Mạnh-tử: «Gà gáy trở dậy, chăm-chăm những sự làm thiện là môn đệ Thuấn; gà gáy trở dậy chăm chăm những sự làm ác là môn thằng Trích». Nghĩa là không cứ đạo cái đân năm dây, hát cái khúc Nam-phong mới là thánh, cứ chăm làm thiện, dẫu chưa được là thánh, nhưng cũng môn nhà thánh; không cứ đào tường khoét ngạch mới là trộm, hễ chăm làm ác, dẫu không đi ăn trộm, nhưng cũng môn thằng trộm.

(4) Sách Luận-ngữ đức Khổng nói: «Bất-nghĩa mà làm nên giàu sang, cái giàu sang ấy ta coi như mây nổi.» Ý là chê bất-nghĩa, không phải chê giàu sang.

(5) Vua Hạ-Vũ thủa xưa đi trị-thủy, chân bùn tay lấm, mưa gió tám năm, con khóc mặc con, rượu ngon cũng mặc rượu, dốc một lòng đi cứu thiên-hạ; nếu không vua Vũ, thì loài người bên Á-đông này là cả cả.

(6) Học-trò cửa Khổng, thầy Nhan-Hồi là hiếu-học nhất. Thày ấy hay giảng-cầu những việc trị nước lớn lao, để nuôi sẵn lấy cái tài; nhà thày ấy nghèo, cơm lưng rỏ, nước lưng bầu, ngõ ra vào chật-hẹp, không ai chịu được, mà thày ấy vẫn vui; thày ấy lại có cái nết lạ: đáng giận người nào thì giận riêng, không giận lây sang người khác; cái dại gì nên chửa thì chửa hẳn, không để dại đến hai lần; khí-tượng thày mát như gió thoảng, đẹp như mây tuôn, thày có ruộng mấy mẫu, khéo về sự canh-nông, chăm về đường thực-nghiệp. Bức Khổng thường khen rằng: «Hồi nó hiền thay»!

Các cụ người đã khuất,
Nết hãy còn thơm rơi.

斯人已云遠。簡編有遺芳。

Bắt chước Nhan, được Nhan,
Người cứng mới là người.

希顏亦顏徒。要君用心剛。

Đi học đi lẫn đường,
Học lắm dốt nhiều thôi [1].

末流學多岐。倚門誦韓莊。

Vào tai ra đàng miệng[2],
Tỉa tót câu văn bài.

出入四寸間。雕鐫事詞章。

Hay chữ để làm gì ?
Danh-lợi mê-mệt đời.

學成欲何用。奔趨名利場。

Ví như đứa chăn dê [3],
Dê mất bởi mê chơi.

挾策博蹇遊。異趣均亡羊。

Người già việc hay nhẵng,
Ta còn sợ ta lười.

我懶心意衰。撫事多遺忘。

Nữa các anh còn trẻ,
Phải cố cho ra người [4] !

念子方妙齡。壯圖宜自強。

Cao sâu tìm của báu,
Leo bơi cho đến nơi [5].

至寶在高深。不憚勤梯航。

Phụ bàn về nghĩa danh lợi. — Đức Khổng nói : « Nhân cái lợi của dân mà làm lợi cho dân, dân nào oán » : Ông Trần Viên đời Tống cũng nói : « Người sĩ sinh ra sau đời Tam-đại, chỉ sợ chẳng hiếu-danh». Chữ lợi chữ danh thánh hiền cũng không bỏ.

Duy lợi, cho cái lợi chung có cái lợi riêng, cái lợi chung thì gây dựng nên xã-hội đã đành ; cái lợi riêng thì lại là cái bộ máy làm nát cho xã-hội nhậy lắm. Danh, có cái danh thật, có cái danh mượn, cái danh nổi, cái danh chìm. Cái danh thật, không đợi cần mà tự-nhiên có; cái danh mượn là hẳn-học mua lấy danh để che mắt đời ; cái danh nổi dẫu lừng lẫy một thời, nhưng tan đi cũng không mấy chốc ; cái danh chìm, tuy rằng chìm ở nơi hắc-ám, nhưng lại nổi lên ở cõi quang-minh ; tuy rằng chìm ở hiện-thời, nhưng lại nổi lên ở lai-thế.

Chao ôi ! cái danh ở trên đời nó không có hình, nó lại có tình rất thân, có sức rất mạnh ; bởi vì có lắm kẻ yêu danh tranh danh, vậy lại có lắm kẻ ghét danh làm hại danh ; cái danh nó xô-xát nhau, thì xã-hội cũng đến tan-nát, chẳng khác gì cái lợi.

Cho nên người quân-tử chỉ nói hai chữ trách-nhiệm là đủ; cái danh thơm, cái lợi lớn, ở trong trách-nhiệm mà ra, không phải đợi cầu mà có, nhưng phải giữ lấy cái lòng đạo-đức làm chủ, nếu không có cái lòng đạo-đức, thì cái lòng danh-lợi nó vẫn quen xui-giục, mà cái lòng trách-nhiệm chưa hẳn đã được vững bền.

TÙNG-VĂN

---

(1) Đây trùng hai vần *thôi*, hai vần *người*, nhưng cũng không hại gì đến cách tràng-thiên cổ-thể ; xin xem như bài Ẩm-trung-bát-tiên-cú» của cụ Đỗ Thiếu-Lăng khác rõ.

(2) Sách Dương-tử pháp-ngôn : « Lối học đứa tiểu-nhân, vào đằng tai, ra đằng miệng, vào vào ra ra, quanh trong bốn tấc.» Là nói không ích gì đến tâm-thân.

(3) Sách Trang-tử « Anh Tang anh Cốc hai anh đi chăn dê, để đánh mất cả ; hỏi Tang làm gì ? Tang ham đánh bạc; hỏi Cốc làm gì ? Cốc mải xem sách.» Ý là đánh bạc hư hỏng đã đành, xem sách mà xem không phải đường cũng không gọi là học ; kết-quả đều đến đánh mất dê. Ví như tranh lợi là tiểu-nhân đã đành, tranh danh cũng chưa phải là quân-tử ; kết-quả đều đến đánh mất đạo-đức.

(4) Xem nốt (1) ở trên.

(5) Thơ ông Thiệu Nghiêu-Phu : « Áo ước minh-châu thì lặn bể ; dò la lương-ngọc phải chèo non.» Là vì muốn nên cái giá con người phải cố mà học cho giỏi.

DỊCH HÁN-VĂN

(Nguyên hán-văn của ông Lưu Cơ đời Minh)

Câu chuyện của người bán cam

Ở xứ Hàng-châu có kẻ bán cam, để cam khéo lắm, kinh-niên không thối không nát, giở ra vẫn đẹp vẫn tươi, chất ngọt mà sắc vàng ; bày ở chợ, giá đắt gấp mười, ai nấy đều tranh nhau mua, ta mua được một quả, bóc ra thì hình như có khói xông lên miệng lên mũi, xem trong ruột nó thì khô như nắm bông nát.

Ta lấy làm quái mà hỏi bắn ta rằng :

— Anh bán cho người, toan để bày lên mâm lên đĩa, phụng tế-tự, cung tân-khách đấy chăng? hay là chỉ bóng bẩy bề ngoài để đánh lừa những kẻ mù kẻ hớ đấy chăng ? tệ lắm thay anh là phường giả-dối !

Người bán cam cười rồi nói :

— Tôi làm nghề ấy đã lâu niên, tôi chỉ nhờ về nghề ấy để nuôi thân tôi, tôi đem bán, người ta mua, chửa có ai nói gì, mà một mình ông trách móc thế nhỉ ? Kia những người giả-dối ở trên đời cũng nhiều lắm đấy, há những một mình tôi đâu, ông chửa biết nghĩ đấy thôi. Chao ôi ! những người trống thanh gươm bạc, đứng trong trướng hùm, mạnh-mẽ ra dáng can-thành lắm, hẳn có vận được mưu-mẹo như họ Tôn họ Ngô hay không ? Những người mặc áo thụng lam, đội mũ cánh chuồn, chểnh-chện ra dáng miếu-đường lắm, hẳn có làm được sự-nghiệp như ông Y ông Cao hay không ? Cướp trộm ngổn-ngang mà dẹp không nổi, dân-tình nheo-nhóc mà cứu không xong, tì-thuộc tham-nhũng mà cấm không được, chính-sự rắc-rối mà trị không xiết, ngồi ăn không ăn báo bổng-lộc của nhà nước mà không biết xấu-hổ ; coi những cách bộ ngồi trong dinh rộng, cưỡi con ngựa to, uống cốc rượu ngon, ăn miếng thịt béo, người nào chả tôn-nghiêm, chả hách-dịch, khá sợ lắm đó, khá xem lắm đó, nhưng mà đi đâu cho tránh khỏi cái tiếng bề ngoài vàng ngọc bề trong bông nát ấy ru ! nay lẽ ấy thì ông chẳng xét, ông chỉ xét quả cam của tôi.

Ta nín lặng không biết trả lời làm sao ; lui về mà nghĩ câu chuyện ấy, khác nào một tay Đông-Phương Sóc giỏi về nghề hoạt kê ; ý chừng giận đời ghét tục chi đây ! mà mượn câu chuyện bán cam để dạy đời chi đây.

TÙNG-VÂN *dịch*

Cải-chính những chữ lầm trong bài tiểu-thuyết tây số báo Nam - Phong 60

Trang **484**, cột thứ nhất dòng **20**, chữ « *giới-thiện* » nay sửa là « *giới-thiệu.* »

Trang **485**, cột thứ nhất dòng **15**, chữ « *ván đấy* » nay sửa là « *ngồi đấy,* » chữ « *vì ngồi* » nay sửa là « *vì ván.* »

Trang **485**, cột thứ nhì » dòng **2**, chữ « *nủa nàng* » nay sửa là « *của nàng.* »

Trang **486**, cột thứ nhất, dòng **9**, chữ « *cần-khẩn* » nay sửa là « *cầu-khẩn.* »

Trang **486**, cột thứ nhì, dòng **38**, chữ « *Nành vui mừng* » nay sửa là « *nàng.....* »

Trang **486**, cột thứ nhì, dòng **11**, chữ « *việc thân-phu khiếu-oan* » nay sửa là « *việc khiếu-oan cho thân-phu.* »

Trang **493**, cột thứ nhất, dòng **38**, chữ « *cái tiếng* » nay sửa là « *danh-tiếng* »

DƯ-LUẬN NAM-KỲ

Ở các nước văn-minh, hễ một người nào khởi-xướng ra một vấn-đề gì thì biết bao lời hưởng-ứng bàn đi bàn lại, hoặc để gây sự ích chung mà biểu-dương cho cái vấn-đề chính-đáng, hoặc để trừ cái họa chung, mà bài-bác cái vấn-đề ngụy-biện. Người ta có « công-luận » như thế thời mới chóng tiến-bộ lên con đường văn-minh.

Mới đây, trong số báo 59 của bản-chí, có bài luận-thuyết bàn về vấn-đề « Tiếng An-nam có nghèo không ? » *Nhiều bạn đồng-nghiệp trong Nam cũng đã thấy hưởng-ứng, có viết những danh-từ về địa-dư và tên danh-nhân các nước châu Ơ-rốp và châu A-mê-rích đều dịch theo văn tây như lời bàn trong bài luận của bản-chí. Thế thì lo gì nền Việt-văn chẳng chóng hoàn-toàn.*

Xem như bài xã-thuyết của báo « Công-luận » *mà bản-chí lục đăng ra sau đây thì biết rằng đồng-bang ta trong Nam thấy việc công-ích thì cả quyết làm ngay chứ không có cái tính dụt-dè e-lệ vậy.*

NAM PHONG

.·.

Bàn về sự dịch những danh-từ về địa-dư, tên người các nước châu Ơ-rốp và châu A-mê-rích

Mới rồi, tôi được đọc trong tạp-chí « Nam-Phong » một bài bàn về cái vật thánh-thần (chose sacrée) là tiếng mẹ đẻ, cẩm-tình tôi thiệt chan-chứa, ý-kiến tôi thiệt hòa-hiệp. Ông Vũ Công-Nghị kết luận bài của ông, có nói mấy lời kích-thiết, xin các nhà làm văn, viết báo chủ-ý về vấn-đề ông nghị-luận, « tán-thành vào những lời sơ-lược » của ông ; tôi nghĩ rằng ông không phải nói mà các nhà tri-thức dầu lòng nguội lạnh thế nào cũng đáp chuông với ông mới phải. Hiện thời, ở Nam-kỳ, nhơn cuộc diễn-thuyết mới rồi ở nhà hội Khuyến-học Sài-gòn, câu chuyện « thương tiếng An-nam » còn nồng nàn trên các báo-chương, tôi lấy làm vui vẻ mà hưởng-ứng với bạn đồng-nghiệp Hà-thành ta.

Tên đất và tên người xưa nay hình như bọn ta coi làm thường ; những chữ ta dịch các danh-từ về địa-dư và các danh-nhơn bên Ơ-rốp (Europe) và bên A-mê-rích (Amérique), phần nhiều là ta mượn của Tàu, khiến sanh ra biết bao là sự rắc-rối, biết bao là điều bất-tiện ; tỉ như: cũng là một cái thành-đô bên Ê-ta-Uy-ni (Etats-Unis) mà có báo gọi là Hoa-thạnh-đốn, có báo kêu là Hoa-sanh-tông ; cũng một thành-đô bên Phờ-răng (France), mà có người đọc là Ba-ri, có kẻ gọi Ba-lê ; cũng một tên người, mà ông thời đọc là Rút-sô, ông thời kêu là Lư-thoa, khác xa nhau những mấy ngàn ki-lô-mết, phi những người trong óc chứa đầy chữ tàu, chữ tây, thời làm sao mà nhìn biết được !

Khiến nên các bài dịch trong các báo về tin-tức bên Ơ-rớp, bên A-mê-rích, nhiều người đọc mà sanh chán vì không truy được những tên xứ, tên người. Khiến nên người học tây với người học tàu ngồi lại với nhau, nói chuyện về các danh-nhơn, các địa-phương, không ai hiểu ai được cả.

Mình với mình, mà còn có những nỗi lôi-thôi khó chịu như thế, mình với người nước ngoài còn khó đến đâu !

Nay thí-dụ, ta nói chuyện với một người Tây, ta khen ông Kha-Luân-Bố tìm được Mĩ-quốc, người ấy sẽ ngờ ta nói chuyện ma quỉ nào ! Kha-Luân-Bố là ai ? Mà Mĩ-quốc là đâu ? Khắp thế-

giới tưởng không người truy ra được. Nguyên người Phờ-răng viết như vầy: Christoph Colomb, Amérique, đọc theo giọng ấy dẫu không trúng hẳn với giọng nước Ăng-lê cùng người nước khác, song không chẹo đi là mấy, cũng còn nhận biểu được là mình muốn nói ông đó, xứ đó, vì tiếng Phờ-răng ở trong thế-giới cũng là thông-dụng lắm. Các tên người, tên xứ của người ta dịch các nước đều nhận được. Người Tàu thường dịch ở trong tiếng Phờ-răng hay là tiếng Ăng-lê, mà xét lại bởi các danh-từ địa-dư và danh-nhơn của hai nước ít có khác nhau mấy tí.

Cũng thời chữ tàu, mà người Tàu đọc khác, người Nam đọc khác; thí-dụ: Chữ Asia của Ăng-lê, họ đọc A-xị-a thời gần y theo người Ăng-lê với người Phờ-răng đọc, mình theo chữ của họ đọc lại là Á-tế-á thời nó có trúng vào đâu! Ôi! Quái thay cho bọn mình! Sao mà nhắm mắt theo liều như thế?

Đã đành rằng ta cứ như chữ Tàu mà đọc thời có êm-ái, dễ nghe hơn là ta đọc y theo giọng tây, nhưng mà đều quan-trọng là nên đọc giống người, cho kẻ khác hiểu được; và đọc thường nó cũng quen tai.

Gần đây các báo ta (nhứt là ở Nam-kỳ), như đã tỉnh-ngộ mà muốn sửa đọc theo vần tây, nhưng ý còn dụt-dặt, lại không quyết-định cho hẳn hoi, cho rỏ ràng, cái đó là bởi làm sao? Bởi làm sao mà việc làm phải như thế mà còn chưa dám quyết? Là bởi nhiều chữ tàu ta dùng dịch tên đất, tên người đã thông-dụng lắm rồi, như: nước Pháp, nước Anh, ông Kha-Luân-Bố, ông Na-Phá-Luân v.v..., bây giờ sửa lại thời tuồng như đánh bạo quá. Ấy lại là một cớ nhu-nhược và vụng tính của người mình nữa. Ngay người viết mấy dòng nầy cũng tự nhận mà lấy làm thẹn. Việc ta đã nghĩ là phải, ta hãy quyết một làm đi, kẻo mà lâu ngày chầy tháng càng sanh điều tệ và hại, khó mà chữa sửa. Các tiếng kia, tại ta dùng thường mà nó nhập-tịch tiếng ta, bây giờ ta hãy bỏ nó đi lâu ngày thời nó tiêu diệt; chớ gì.

Vậy thời chúng ta hãy quyết đi, làm đi. Chúng ta từ nay theo như vần tây mà viết ra tiếng ta, là tiếng dịch tiếng nước nào cũng là dễ lắm. Mà ta làm sao cho nhứt luật giống nhau? Tôi thiết-tưởng mỗi người mỗi khi có dịch các danh-từ ấy, nên nghĩ cách dịch sao cho được đúng hơn, mà dễ nghe hơn, lúc đầu các báo tuy có dịch chẹo nhau ít nhiều, rồi lần lần ta xem ai dịch khéo hơn thời ta bỏ của ta mà dùng của người, như vậy chẳng bao lâu mà chúng ta sẽ có được cái luật chung vậy.

C.

Các nhà kỹ-nghệ Nam-kỳ nên nhân dịp Hội-chợ này mà thăm xứ Bắc-kỳ, là nơi có nhiều kỹ-nghệ.

Nào những nhà buôn Nam-kỳ và Cao-mên đâu! nên ra Hội-chợ Hanoi mà mua sản vật.

Khí hậu mùa đông xứ Bắc-kỳ tốt lắm! Đến thăm Hội-chợ Hanoi thì vui vẻ biết bao!

Đến thăm Hội-chợ Hanoi, từ 1 đến 15 tháng chạp tây, là lúc rất tốt trong một năm.

15 ngày hưởng gió mát mùa đông xứ Bắc-kỳ, 15 ngày rất có ích cho công việc của ta, thật là hai lẽ rất hay cho những nhà đến thăm Hội-chợ Hanoi.

TRIẾT-HỌC TIỂU-THUYẾT

CỔ-LIÊN NỮ-SĨ

(Corinne ou l'Italie)

Nam-tước phu-nhân Staël *soạn*. Vũ Công-Nghi *dịch-thuật*.

Lời tiểu-dẫn của dịch-giả

Dịch văn tây ra văn nước nhà khó hơn là dịch văn Tàu ra quốc-văn nhiều, mà dịch những áng văn của những tác-giả giáo-khoa (auteurs classiques) như bộ tiểu-thuyết này thì lại rất là khó khăn hơn nữa.

Văn tiểu-thuyết tây tả việc gì cũng rất là minh-bạch, tự-nhiên mà thường có ngụ những tư-tưởng cao-xa, chứ không như nhiều pho tiểu-thuyết Tàu tả những chuyện hoang-đường quái-dị.

Nhiều nhà văn-sĩ tây đã công-nhận rằng văn-chương bộ tiểu-thuyết này rất là bóng-bẩy, khó khăn và lại có nhiều tư-tưởng uyên-thâm, cao-thượng. Những tư-tưởng này rất hợp với hiện-tình xã-hội ta, nên dịch-giả không quản khó-khăn cũng đánh bạo cầm bút dịch để may ra có bổ-ích được chút nào cho phong-hóa nước nhà và cho nền quốc-văn ta chăng. Vì rằng văn-đàn tổ-quốc sau này mà được tiến-bộ chắc là chịu một phần ảnh-hưởng to của văn-chương tây vậy.

Tuy quốc-văn ta, đang thời ấu-trĩ, chưa có thể lột hết được tinh-thần những áng văn kiệt-tác của các nước văn-minh, nhưng so sánh với văn Tàu dịch ở văn tây ra còn hơn nhiều vậy. Như thế thì anh em ta lại chả nên thắp hương cầu nguyện cho nền văn tổ-quốc chóng được hoàn-toàn ư ? Anh em ta ai là người có thể dịch được văn nước ngoài ra quốc-văn, thì nên chọn cho cẩn-thận những áng-văn hoặc có ích cho phong-hóa nước nhà, hoặc có bổ cho quốc-văn hằng dịch, chứ đừng nên vị lợi mà theo cái su-hướng của quốc-dân đang lúc giao-thời này dịch những sách có phương-hại cho nhân-tâm thế-đạo. Những kẻ dịch sách vô giá-trị ở nước ngoài ra quốc-văn là những kẻ có tội với xã-hội. Ta chớ nên coi thường vậy.

⁂

THIÊN THỨ NHẤT

Quan đại-thần Ốc-Văn

CHƯƠNG THỨ I

Mùa đông năm 1794 quan đại-thần Ốc-Văn xứ È-cốc đi từ È-danh-bua đến Y-ta-li. Dung-nhan ngài phương-phi, tuấn-tú, tri-tuệ lại khác thường. Danh-vọng ngài đã vang lừng trong nước, tiền của lại như nước, như non, nhưng ngài thường hay đau yếu vì có tính đa-cảm, đa-sầu. Các danh-y trong nước khuyên ngài nên đến xứ ở nam-phương mà dưỡng sức, thì mới tránh được cái bệnh đau phổi gớm-ghê. Dù ngài không nghĩ đến qui-thể cho lắm, nhưng ngài cũng theo lời khuyên của mấy nhà y-sĩ ấy, cốt là mong được khuây sầu trong khi lữ-thứ. Ngài sầu mà sinh bệnh và mối sầu của ngài sinh ra là bởi thân-phụ ngài mới tị-trần và là bởi nhiều cảnh-ngộ thê-thảm khác nữa, khi người ta đau đớn thì thường người ta cho mình là có tội, vì vậy nên mối sầu càng thêm chồng chất thì lương-tâm ít lúc được yên. Hồi

ngài 25 tuổi, đã chán sự dời, ngài có thể đoán biết trước được những việc sẩy ra, nên ngài không còn chút cảm-tình gì với những sự hi-vọng của trái tim người ta thường có. Khi bạn ngài nhờ ngài giúp việc gì mà ngài có thể giúp được, thì không người nào lại tận-tâm bằng ngài. Không cái gì làm cho ngài dợi bớn hở trong lòng, dù đến những việc mà ngài làm ra để giúp đời cũng thế.

Ngài thường bỏ những sự sở-thích của mình cho người khác hưởng; người ta cho là ngài vì một mối sầu-bi, nên không tưởng gì đến thân-thế, chứ không phải chỉ riêng là ngài có lòng đại-lượng. Những người có tính lãnh-đạm thấy ngài như thế, cũng đem lòng thâm-phục. Người ta đem lòng yêu mến ngài, nên cho ngài là người chỉ nghĩ sự hạnh-phúc người khác, còn thân-thế thì không thiết gì, vì vậy những người thụ-ân ngài cũng rầu rầu trong dạ, vì muốn đền ơn ngài mà không thể biết lấy gì mà báo-đáp nghĩa sâu.

Ngài muốn mong làm cho trọn nghĩa-vụ của ngài, và không thiết gì đến sự vui sướng ở đời để linh-hồn được thảnh-thơi sung-sướng. Ngài nghĩ như vậy, rồi lại lấy làm kinh sợ vô-cùng, vì ngài vẫn cho rằng sự sầu-khổ ở tâm-hồn là một sự may-mắn có giá-trị ở đời. Nhưng mà khi người ta có thể cảm-súc ra được như thế, thì người ta phải làm thế nào mà giữ cho trọn được sự mà mình cảm-súc?

Ngài dời đất E-cốc mà đi ngao-du nơi khác, trong lòng cũng không có chút nhớ chi, vì ở đất nhà lòng ngài càng thêm sầu thảm. Ngài sầu như vậy, không phải là tính đa-cảm của ngài mà chính là bởi ngài ở gần cái nơi nó làm cho ngài đau khổ nhất ở đời. Cái nơi ấy là cái nhà mà thân-phụ ngài vừa mới tị-trần. Hễ ngài lại gần những cái buồng cùng những chỗ để không trong nhà này, thì không tài nào mà ngài không run sợ khiếp-kinh. Nhưng lúc ngài định lánh xa nơi đó, thì ngài lại thấy bâng khuâng sầu-thảm bội phần, nên khi ngài nghĩ ngợi việc gì là giọt lệ chứa-chan; ngài không thiết gì đến những sự-vật ở chung quanh mình nữa. Ngài thường nghĩ đến thân-phụ ngài mà không thể tưởng-tượng được dung-nhan thân-phụ mình ra trước mắt trong lúc nhớ thương.

Đi như thế cũng có lúc ngài tự trách rằng đã dời chốn quê-hương nên ngài thường nói một mình rằng: « Biết đâu hồn người chết lại chả theo những vật yêu-giấu lúc sinh-thời? mà có lẽ cái hồn ấy chỉ có thể lẩn khuất chung quanh nơi phần-mộ. Như vậy thì có lẽ lúc này cha ta cũng thương tiếc ta, nhưng sức cha ta đâu mà tới đến nơi chân trời góc bể này gọi được ta. Chao ơi! khi cha ta còn sinh thời, nhiều sự sẩy ra cho ta, cha ta lại chẳng rõ rằng ta đã trái lời nghiêm-huấn, ta đã trái hẳn luật-pháp quốc-gia, ta đã trái hẳn với những sự mà người đời cho là tôn-kính, hay sao? » Ngài nghĩ-ngợi như thế, nên ngài lại lấy làm đau đớn vô-cùng; ngài không dám cùng ai than thở. Sau ngài cũng lấy làm sợ không dám âm-thầm nghĩ-ngợi như thế nữa. Người ta tự mình ngẫm-nghĩa suy-nghĩ, thì dễ biết ngay điều dở của mình.

Khi ngài vượt bể xa nơi đất tổ, lòng ngài nghĩ-ngợi vô-cùng, vì rằng khi người lữ-khách mới bước chân đi, thì cảnh bể-khơi hình như mở ra một cái vực sâu chặn lối trở về, đã đi tưởng như khôn mà trở lại. Vả cảnh bể-khơi làm cho người ta có chan-chứa cảm-tình; bể-khơi là cái hình-ảnh của cái vô-cùng vô-cực kia, tư-tưởng người ta thường bị cái vô-cùng hấp-dẫn và cũng thường bị nó làm cho tiêu-diệt đi vậy.

Quan đại-thần Ốc-Văn tì trên chỗ bể lái, mắt nhìn làn sóng, tuy trong

tâm-trí đau đớn vô-cùng, mà vẻ mặt ngài coi như bình-tĩnh, vì tính ngài không lộ, dù cảm-súc đến đâu, bạn thân ngài cũng không tài nào biết được. Ngài nhớ-tưởng đến lúc ngài còn niên-thiếu, cũng chốn bể-khơi ngài đã bao lần nhảy sóng vẫy vùng. Ngài đối cảnh sinh tình nên lấy làm đau đớn mà lầm-bầm rằng: « Sao ta lại cứ luôn luôn trầm-tưởng thế này? ở đời này biết bao nhiêu cái vui sướng nó làm cho người đời có nghị-lực mà sinh-tồn, mà ta không thích? mà chính cái chết hễ biết nó thì có lẽ nó cũng là một sự vinh. Nhưng không phải có can-đảm tìm nó, nó cũng đến mà cướp lấy những vật người ta yêu-giấu, dù người ta than khóc tiếc thương nó cũng chẳng tha, nó khinh-bỉ coi thường cái số-phận, cái đau khổ cùng cái công-lao của người đời ».

Ngài cảm-súc như thế nên mới đau đớn nỗi lòng, bâng-khuâng tấc dạ, nhưng có một cái ý-tưởng nó làm cho sự đau khổ của ngài đặc-sắc hơn là cái ý-tưởng lúc thanh-xuân, tưởng-tượng đến cái cảnh-trạng già nua. Thân-phụ ngài mấy năm trước lúc tị-trần cũng buồn rầu về cái cảnh già như là ngài tưởng-tượng vậy.

Ngài thật chán sự đời, nhưng ngài mơ-màng cái hạnh-phúc ở đời. Tư-tưởng ngài trái hẳn với lẽ tuần-hoàn của tạo-vật, nên trí ngài ít lúc được yên. Tuy ngài đa-sầu đa-cảm, nhưng vẻ mặt ngài vẫn êm-ái dịu-dàng. Ngài càng buồn rầu, thì mối thương-tâm nhân-loại của ngài càng thêm tăng-tiến.

Quãng đường hải-tuyến từ Hạc-vinh đến An-định, thì sóng bể rất dữ-dội và gió lại thổi mạnh lạ lùng, hình như có những cơn giông-tố gớm-ghê sắp nổi dùng-dùng lên vậy. Người trong tàu đều nhôn-nhao lo sợ, thì quan đại-thần Oc-Văn đem lời khuyên-nhủ, để những người thủy-thủ cùng những người đi chuyến tàu ấy được vững tâm yên trí. Rồi ngài xoay ra bẻ lái, ai ai cũng đều phục cái tài-năng mẫn-cán của ngài.

Khi tàu đến Hải-cảng, ngài sắp lên bộ thì tất cả thủy-thủ trong tàu xúm lại quanh ngài mà cảm-tạ ngài đã tỏ lòng đại-lượng giúp họ những công việc khó khăn trong lúc giữa vời, mà chính ngài thì ngài không nhớ đến. Có một lần, khi tàu bị sóng lắc, gió thổi chênh nghiêng, thì ngài cũng không nề quan-ngại mình là một vị đại-thần, mà tự-cao tự-đại, ngài sắn-sóc trông nom một đứa nhi-đồng và nâng đỡ một ông già trong khi đi đứng. Ngài ngồi trong tàu thường chỉ nghĩ đến việc giúp người, ít khi nghĩ đến việc ngài. Lúc ngài lên bộ, những thủy-thủ trong tàu đều tỏ lòng yêu kính mà bảo nhau rằng « Quan đại-thần ta phúc-đức như thế thật là ngài sung sướng biết bao! » Ngài không hề tỏ cho ai biết sự khó nhọc ngài đã giúp đỡ người. Những người nước khác cùng đi một chuyến tàu ấy, không nói điều gì về việc ấy cả. Còn những người trong nước E-cốc ngồi đấy biết những người thượng-lưu nước họ ít khi lộ những nỗi u-uất trong lòng, nên họ không cần phải ai nói ra cũng đoán ra được khi người thượng-lưu nước họ có sự đau đớn khổ tâm. Dù họ không biết cái lý-do của sự sầu-bi họ cũng đem lòng ái-ngại cho người trong cuộc.

Chương thứ II

Nếu người ta có thể nói rằng cuộc lữ-hành là một sự vui mà lại buồn rầu nhất ở đời thì cũng có lẽ. Này như khi ta thích ở trong một tỉnh-thành nào lạ, là ta sắp lấy đó làm chốn quê hương; nhưng lúc đi qua những xứ lạ, nghe thấy giọng nói lạ tai, trông thấy những người mà trước mình không giao-thiệp, sau này chắc mình

cũng không có liên-can, như thế thì thật là một mình bâng-khuâng lạnh lẽo. Ta vội vàng đi cho chóng đến một nơi nào mà lúc đến đó thì ai là người mong chờ đón rước ta, và cái sự rộn rịp ở chung quanh ta, chỉ là bởi tính tò-mò của thổ-dân mà thôi. Đến lúc những sự-vật lạ tai, lạ mắt ở đây đã được ta cho là quen, thì ta mới biết tự-trọng ta đôi chút.

Khi quan đại-thần Ốc-Văn đi qua nước A-tơ-mang để đến nước Y-ta-li thì mối sầu-bi của ngài lại bội-phần tăng-tiến, vì lúc đó nước Phờ-răng có cơn binh-lửa, đường-xá khó nỗi giao-thông. Ngài lấy làm buồn bực vô-cùng, vì ngày nào cũng phải lo lắng về những vật dụng trong cuộc lữ-hành. Vì vậy nên muốn mau tới cái nơi ngài định đến, thì cũng không được, vì ngài phải dừng lại nhiều chỗ để dưỡng sức. Ngài ho ra huyết mà ngài cũng chẳng tìm y-sĩ trông nom, tự mình chữa lấy, vì ngài tưởng là ngài có trọng tội mà sinh ra thế, nên mới nghiêm-khắc với thân-thể như vậy. Ngài còn muốn sống ở đời là cốt để thờ nước đấy thôi, vì ngài thường nói rằng: Quê cha đất tổ lại chả có quyền nghiêm-huấn bắt ta phải theo sao? Ta phải biết cách thờ nước cho hữu-ích. Ta đi ra nơi có khí trời thanh-khiết, lấy ánh sáng mặt trời chữa bệnh-tình ta là cốt để hiến cho nước ta tấm thân tráng-kiện.

Ngài vốn đa-sầu, đa-cảm, nên ngài muốn những sự vật ở ngoài làm cho ngài khỏi tưởng-tượng đến những ý-tưởng bình-nhật, nhưng mà nào có được.

Cái sở-thích của ngài là đi xa nơi đại-lộ mà đi vào chỗ ngõ hẻm gập ghềnh. Con ngựa xứ E-cốc mà ngài cưỡi cũng thích vượt dèo qua núi như giống ngựa của thổ-dân. Những người sơn-nhân ở đó thấy ngài phóng ngựa gần tới vực sâu thì run sợ hô-hào sau thấy ngài bình-yên vô sự, thì họ vỗ tay ngợi khen cả tài-năng cùng cái lòng can-đảm của tay kiện-tướng. Ngài thích sự cảm-động của sự nguy-nan, vì sự nguy-nan làm cho nỗi khổ-tâm của ngài được giảm bớt, làm cho đến chán ngán việc đời của ngài được một lúc bình-tâm. Nhưng sự nguy-nan đó làm cho cái đời ngài rất là bấp-bênh vậy.

Chương thứ III

Trước khi vào nước Y-ta-li, quan đại-thần Ốc-Văn nghỉ ở tỉnh Anh-phúc, trong nhà một người thương-nhân. Ở đây ngài được nghe họ nói chuyện một vị bá-tước nước Phờ-răng danh-hiệu là En-phơi, bỏ nước nhà mà sang đây trú ngụ. Vị bá-tước này ở nước bị mất cả gia-tài sản-nghiệp, chức trọng quyền cao. Ở đây chỉ nhờ có cái nghề danh cầm của mình mà đủ sinh-nhai và phụng-dưỡng được cả một ông thúc-phụ cho đến lúc cụ vui cảnh hạc qui-tiên.

Nhiều người hữu-tâm ở đây muốn giúp ngài tiền của thì ngài đều không nhận của ai cả. Khi ở nơi đó có binh-đao rối loạn, ngài cũng không hề lo sợ, lại vui mừng khôn xiết, thường trò tài can-đảm của một công-dân nước Phờ-răng. Người ta lại nói vị bá-tước ấy muốn ra tới thành Rôm để tìm một người họ mà ngài được hưởng gia-tài. Nhưng ngài còn tìm người tâm-phúc để làm bạn tri-âm trong cuộc viễn-du.

Quan đại-thần Ốc-Văn tuy đối với nước Phờ-răng có nhiều cảnh-huống đau đớn, nhưng ngài cũng không muốn nhớ chi việc đó, vì trước ngài cũng đã kết-nghĩa tri-lan rất là thân-mật với một người nước Phờ-răng. Ngài đã nghiệm xét thì biết người bạn tâm-phúc của ngài có nhiều đức-tính cao-thượng rất hợp với lòng ngài sở-nguyện. Vì vậy nên nghe chuyện xong, ngài bảo người thương-nhân rằng ngài vui lòng dẫn vị bá-tước thanh-niên ấy đến nước

Y-ta-li. Người thương - nhân vâng lời đi, độ trong khoảng một giờ về nói rằng vị bá-tước ấy vui lòng xin nhận. Quan đại-thần Ốc-Văn muốn [illegible] việc ấy lắm, nhưng ngài cũng hơi áy-náy về sự đột-ngột kết bạn với một người ngài chưa hề biết tinh-tình và về sự không được thảnh-thơi tiêu-dao một người, một ngựa.

Lúc En-phơi bá-tước lại cảm-tạ cái lòng nhân-đức của quan đại-thần Ốc-Văn thì ngài vừa trông thấy cách cử-chỉ cùng ngôn-ngữ của người quí-phái thanh-niên đã tỏ lòng yêu-mến. Khi vị bá-tước kể đến những hồi đen, vận khổ của mình, thì quan đại-thần lấy làm ngạc-nhiên và tỏ ra ý kính-phục cái lòng sắt đá. Đến sau En-phơi bá-tước nói rằng :

— Bỉ-nhân ở trong nước An-lơ-mang này đang sầu-khổ bội-phần mà may lại được đại-nhân ra tay cứu ra nơi khác thì bỉ-nhân thật lấy làm cảm-tạ vô-cùng.

— Sao quí-chức lại quá khiêm như vậy ? Quí-chức ở đây được bao người yêu mến, kính vì kia mà.

— Ở đất này tuy bỉ-nhân cũng được nhiều bậc hiền-nhân yêu mến nhưng tiếc rằng bỉ-nhân không biết một tiếng thổ-âm. Mà muốn học cho nói được tiếng nước này thì phải mất nhiều công-phu lắm. Như thế thì còn vui gì nữa. Khi tiện thúc-thúc còn sinh-thời thì cái thì giờ của bỉ-nhân chỉ dùng để hầu-hạ ngài. Đến nay ngài đã qui-tiên, bỉ-nhân lấy làm sầu-khổ vô-cùng, vì không biết đem cái thì-giờ quí-báu làm gì cho hữu-ích được.

— Quí-chức đã đem lòng hiếu-thảo mà phụng-dưỡng tôn thúc-thúc như thế thật đáng qui, đáng phục lắm !

— « Bẩm ngài, đó là nghĩa-vụ của bỉ-nhân phải làm như vậy. Khi bỉ-nhân hãy còn thơ-ấu thì ngài đã ban cho bỉ-nhân biết bao nhiêu ơn-nghĩa tầy non. Như vậy thì dù ngài có còn trường-sinh đến bao nhiêu năm nữa, bỉ-nhân cũng không dám một khắc dời ngài. Nhưng ngài đã vội qui-tiên như thế tưởng cũng sung - sướng cho ngài lắm vậy. » Rồi vị bá-tước lại cười hahả mà nói thêm rằng : « Mà thật vậy, lánh cõi trần như thế thì thật là sung-sướng lắm ! Bỉ-nhân cũng thích được như thế, vì bỉ-nhân không còn có một cái hi-vọng cao xa gì ở đời này nữa. Trong cuộc binh-đao vừa rồi bỉ-nhân đã liều mình xông - pha nơi mũi tên hòn đạn, cốt để xa chốn bụi trần, mà nào có được. Cái số-phận bỉ-nhân nó còn bắt bỉ-nhân ở nơi khổ - hải này, như vậy thì bỉ-nhân cũng theo số-phận mà ở lại cõi trần xem cuộc đời xoay chuyển. »

Ốc-Văn tướng - công nghe vậy cất tiếng mà rằng :

— Bỉ-nhân đến đây được nghe câu chuyện của qui-chức, thì lấy làm sung-sướng quá ! không biết qui-chức có ưa thích chốn kinh-thành Rôm không ? và nếu. . . . .

Bá-tước En-phơi vội nói :

— Chao ôi ! sao đại-nhân lại hỏi bỉ-nhân như vậy ? Bỉ - nhân còn thanh-niên như vầy, thì ở đâu mà chả ưa, chả thích, Không phải những pho sách và những lời lý-luận nó làm cho bỉ-nhân biết cái triết - lý ở đời mà chính là bởi những cảnh nguy - nan ở đời vậy. Đấy đại - nhân thử xem nếu bỉ-nhân không tin ở sự tình-cờ, thì đâu lại có dịp được theo đại - nhân trong cuộc viễn-du sắp đi này ?

Nói vậy rồi bá-tước En-phơi đứng dậy thi-lễ chào quan đại-thần Ốc-Văn một cách rất tôn-kính mà bước ra.

Ngày hôm sau hai người cùng nhau giong ngựa lên đường. Quan đại-thần Ốc-Văn một hồi lâu không nói chuyện

gì, sau ngài biết nếu im như thế, thì bá-tước En-phơi không được vui lòng, nên ngài hỏi vị bá-tước rằng đi sang nước I-ta-li, thì bá-tước có thích không. — En-phơi bá-tước cất tiếng mà rằng:

— Trời ơi! đến xứ đó thì còn gì thích bằng nữa! Nhưng bỉ-nhân đến đấy không phải là cốt mong hưởng sự hành-lạc. — Một người thân-hữu bỉ-nhân đã ở trong nước ấy sáu tháng trời có nói chuyện với tiểu-chức rằng cả các tỉnh nước Phờ-răng không có một cái kịch-đàn và một cái nhà hội-quán nào to lớn và tráng-lệ bằng cái kịch-đàn và cái nhà hội-quán ở thành Rôm. Lúc tới cái kinh-thành cổ nhất thế-giới ấy thì chắc thế nào bỉ-nhân cũng gặp được người đồng-hương. Bỉ-nhân chỉ ao-ước rằng ở nơi xa chốn quê cha đất tổ mà được cùng người một nước đàm-luận mà thôi.

— Thế ra qui-chức trước không học tiếng nước Y-ta-lià?

— Bẩm không.

Nói vậy rồi vị bá-tước làm ra bộ nghiêm-trang hình như nghĩ-ngợi một việc quan-trọng chi chi. Sau lại cất tiếng mà rằng:

— Nếu đại-nhân cho phép, bỉ-nhân xin thưa rằng bỉ-nhân bình-sinh chỉ yêu qui người Phờ-răng và người Ang-lê. Người Phờ-răng tiện-quốc thì ưa sự vinh-quang trói lọi, người Ang-lê qui-quốc thì thích kiêu-căng không hề qui-lụy. Còn người các nước khác chỉ có tính bắt chước mà thôi.

Quan đại-thần Ốc-Văn không nói gì; một hồi lâu bá-tước En-phơi lại nói, giọng rất là vui vẻ, đậm đà mà câu chuyện của ngài không phải là lấy những sự-vật ở ngoài, hoặc lấy những cảm-tình ở trong tâm trí mà đàm-luận vu-vơ. Câu chuyện đó mà phát khởi ra là bởi sự tưởng-tượng, sự suy-nghĩ về hiện-tình xã-hội vậy.

Sau vị bá-tước thanh-niên lại nói chuyện về những nhà tai mắt ở nước Phờ-răng và ở nước Ang-lê để xem quan đại-thần Ốc-Văn có quen biết những người kia không. Chuyện đến vui, rất thú, nghe thì biết ngài là người vui tính vô-tâm.

Quan đại-thần cứ lẳng-lặng nghe để xét-đoán cái tâm-tính vị thanh-niên bá-tước thì biết En-phơi bá-tước có lòng can-đảm và có tài-trí anh-hùng. Sau quan đại-thần nghĩ bụng rằng: «Giả-sử người Ang-lê mà gặp phải những cảnh-ngộ ấy thì sầu thảm vô cùng. Không biết người Phờ-răng-xe có cái mãnh-lực gì mà kiên gan như thế? Dễ thường vị thanh-niên bá-tước này biết cái nghĩa ở đời hơn ta chăng? ta tưởng ta hơn vị bá-tước này thì ta lại chẳng ngu dốt lắm sao? Cái tính nhẹ-dạ của vị bá-tước này lại chẳng hơn cái tính thâm-tư viễn-lự của ta sao? Vậy ta có nên để trí mà trầm-tư mặc-tưởng hay là coi sự trầm-tư mặc-tưởng như một đứa thù-nhân?

Ngài nghĩ đi nghĩ lại mãi cũng không rõ đâng nào là phải. Tuy ngài nghĩ ngợi như thế mà cũng không thoát được cái bản-tính thiên-nhiên của ngài vậy.

Bá-tước En-phơi thì không chú-ý gì đến nước Y-ta-li, nhưng quan đại-thần Ốc-Văn thì không thế. Ngài thường lắng tai nghe gió thổi vo vo, sóng vỗ rập rình. Những cái tiếng thiên-nhiên của tạo-vật thường làm cho ngài chú-ý để tâm hơn là những câu chuyện xã-hội ở về mạn dẫy núi An-banh hay là ở ngoài bãi bể mênh-mông.

Ngài thường ưa thích những cảnh-tượng thiên-nhiên, nên ngài đối cảnh sinh tình, mối sầu chan chứa. Tuy ngài sầu như thế, nhưng còn được hưởng nhiều cảnh-thú ở nước Y-ta-li hơn là Bá-tước En-phơi. Thế mới rõ

chỉ người đa-sầu đa cảm mới biết hưởng cái thú vô-song của tạo-hoá, còn kẻ vô-tâm dù có cố ý đến đâu cũng không tài nào biết được. Nhưng [illegible] nào tính-tình nghiêm-khắc quá, [illegible] bị nhiều lúc bối rối khó phân. Như Ốc-Văn tướng-công mà kết-giao với En-phơi bá-tước, thì tướng-công cũng đã lấy làm phân-vân khó chịu. Người nhẹ dạ thì sung-sướng hơn người trầm-tư mặc - tưởng và kẻ nào tự mình nói là sung-sướng có lẽ lại khôn hơn người nào thấy việc đời mà thương xót cho đời.

Bá-tước En-phơi thì nhu-mì dễ tính, nhưng có tính tự-ái, thật là một người bạn trong cuộc sung-sướng, trong việc nguy-hiểm có nhau, nhưng trong sự sầu-bi, thì không thể cùng nhau chia gánh. Vì vậy nên bá-tước thấy ân-nhân mình canh - cánh đeo sầu, thì cũng đòi phen buồn bực, chỉ tâm-tâm niệm-niệm định làm thế nào cho khối sầu kia được tan tác mới nghe, nên thường hỏi ân-nhân rằng :

— Ở đời này thì đại-nhân còn thiếu gì nữa ? Danh vọng, tiền tài, sức khoẻ đại-nhân đều có cả. Vậy mà đại-nhân vẫn rầu rầu không vui là tại đại-nhân mua lấy cái sầu mà sinh yếu đấy thôi. Bỉ-nhân đây thật là danh vọng, sản-nghiệp đều mất, mà đến cái tương-lai của bỉ-nhân, bỉ-nhân cũng không rõ rồi ra thế nào. Thế mà bỉ-nhân vui vẻ tươi cười như là người có công danh, phú-quí lừng lẫy ở đời này vậy.

— Thế thì tỏ ra rằng qui-chức kiên-nhẫn lạ thường, thật là đáng tôn, đáng kính lắm ! Nhưng mà những sự tai-nạn của qui-chức không đau khổ bằng những nỗi sầu-thảm ở trong tâm tri bỉ-nhân.

— Những nỗi sầu-thảm trong tâm-tri ! trời ôi ! những cái này thật khốc-hại vô cùng ! Nhưng mà . . . . . nhưng mà phải nên khuây sầu đi mới được. Một người tri-thức thường không nên để tâm, để tri, vào những sự gì không có ích cho mình và cho đời. Chúng ta sinh ở trên địa-diện này lại chả phải là để giúp việc công-ích cho đời và để hưởng sự sung-sướng ở đời này ư ? Xin đại-nhân nên để tâm về việc này cho mới được.

Theo lẽ thường tình thì lời En-phơi bá-tước nói là có lý lắm vì người trong bạt vẫn cho bá-tước là một nhà học-thức uyên-thâm. Nhưng mà những lời của bá-tước cũng không thể làm cho Ốc-Văn tướng-công đổi tính. Tướng-công lại nói cả-quyết với En-phơi bá-tước rằng tướng-công là người sung-sướng nhất đời để khỏi vì những lời khuyên-nhủ kia mà bận lòng khó chịu.

Tuy thế nhưng En-phơi bá-tước vẫn qui mến Ốc-Văn tướng-công vô cùng, thấy Ốc-Văn vẻ mặt lãnh đạm buồn sầu thì En-phơi lại hết sức tìm cách để ân-nhân mình được vui, nhưng mà vô hiệu. Vì vậy nên En-phơi bá-tước phải ngạc-nhiên mà bụng bảo dạ rằng :

« Không biết làm sao mà ta lại không có thể làm siêu lòng được người này ? hay là ta không có lòng chân-chính, lòng can đảm, và cách thiệp thế ở đời này chăng ? hay là vì ngài không thảm hiểu tiếng nước ta mà không biết bụng ta chăng ?

Chương thứ IV

Có một dịp sẩy ra làm cho En-phơi bá-tước phải nẩy ra một cái tư-tưởng tôn-kính Ốc-Văn tướng-công hơn trước vô-cùng.

Số là đi đến tỉnh An-côn thì quan đại-thần vì sức yếu nên phải nghỉ lại vài ngày. Tỉnh này ở ngay trên bờ biển lại có nhiều dãy núi bao bọc chung quanh, nên cảnh-tri trông rất ngoạn-mục. Cái kiểu-cách ngồi bán hàng của người Gờ-rét, cùng cái mùi sặc-sỡ ở y-phục của thổ-dân làm cho tỉnh-thành

đó có vẻ đặc-sắc ra một tỉnh ở Đông-phương. Sự tinh-xảo của văn-minh là lúc nào cũng làm cho người ta trên địa-diện này bề ngoài được giống như nhau; nhưng cái trí-tuệ và sự tưởng-tượng của người ta lại làm cho người trong các dân-tộc coi nhau khác hẳn, thế thì rõ người ta có giống nhau là chỉ làm ra bộ đó thôi, vì rằng cái gì thiên-nhiên là hay biến-hóa. Cái vẻ sặc-sỡ của y-phục làm cho người ta vui mắt và hình như làm cho người ta biết kinh nghiệm và xét đoán một cách tối-tân.

Trong tỉnh An-côn, cũng có nhiều nhà thờ đạo, nào nhà đạo của người Gờ-rét, nào nhà thờ của người theo đạo thiên-chúa, nào nhà thờ của người Dúip. Tuy mấy đạo này lễ-bái, thờ-phụng có khác nhau, nhưng cái sự cầu-khẩn, cái tiếng kêu than, bay bổng đến tận trời - xanh cũng đều giống như nhau cả.

Nhà thờ đạo thiên-chúa, thì làm trên đỉnh núi trông mặt ra khơi; tiếng sóng ỳ-ầm thường lẫn với những tiếng cầu kinh của những cố-đạo. Trong nhà thờ bày nhiều đồ trang-hoàng, coi hơi bộn mắt. Nhưng lúc đứng ở ngoài, vừa ngắm cảnh bể khơi, vừa ngắm nhà giáo-đường, thì trong trí hình như nẩy ra một cái tư-tưởng cao-thượng về tôn-giáo. Người ta thật không còn có thể để được chút dấu-tích gì trên mặt bể khơi. Chứ như đất cũng bị người ta đào sới; núi cũng bị người ta xẻ mở đường đi; sông cũng bị người ta làm thu lại thành ngòi để trở mang hàng-hóa. Còn như những chiếc tàu thuyền mà vượt bể thông-thương, thì làn sóng chạy qua là cái dấu nô-nê kia không còn thấy nữa. Cảnh bể lại vẫn như ngày mới lập địa khai-thiên.

Quan đại-thần Ốc-Văn đã định sáng hôm sau thì khởi-hành đi đến thành Rôm. Đêm hôm ấy trong tỉnh An-Côn bất thình-lình có tiếng người kêu dữ-dội, tướng-công đang ngồi ở nhà khách-sạn vội vàng chạy ra xem là việc gì, thì biết là đám cháy to, ngọn lửa vì gió thổi mạnh nên bốc lên ngùn-ngụt, sáng rực một góc [illegible] mông. Những làn sóng vì [illegible] của lửa chiếu rọi vào nên coi hình như những dòng máu chảy vậy.

Dân-sự tỉnh này không có trữ vòi rồng để phòng khi có cháy, nên lúc này mới vội vàng luống-cuống đi xách nước cứu tai. Ngoài tiếng kêu sồn ốc, giọng khóc thảm-thương, lại còn nghe thấy cái tiếng những siềng, những xích loảng-xoảng gớm-ghê của những tội-nhân trong ngục-thất. Nhiều người các xứ ở đông-phương lại buôn bán ở tỉnh này, trông thấy cái thần lửa ác-nghiệt nó đang phá-hại cơ-nghiệp của mình, thì nhìn nhau mà lệ rơi chan-chứa. Thường-tình thì người ta sợ mất tiền-tài của mình cũng bằng như sợ cái chết. Lúc này thì tâm-hồn ngu-muội, luẩn-quẩn vô-cùng.

Tiếng kêu hô-hào của những người thủy-thủ nước I-ta-li lại làm cho cái quang-cảnh ấy càng thêm kinh sợ. Họ khoác cái áo tơi mũi hung - hung đỏ, mặt mũi có vẻ khiếp - kinh, đứng trên tàu nhìn xuống. Những người bần - khổ ngủ ở đầu đường xó chợ khoác áo tơi tàn đứng nhìn lửa cháy, hình như không còn biết làm gì với cái ngọn lửa gớm-ghê kia được nữa. Còn những người đủ bát ăn và những người giàu có, người thì hình như tiếc của, người thì hình như căm-tức mà nhảy vào đống lửa đang ngùn-ngụt bốc cao.

Đứng trước cái cảnh-tượng thảm-thương đó Ốc-Văn tướng-công ngẩng lên ngay ra ở ngoài hải-cảng có hai chiếc tầu buôn nước Ang-lê có nhiều vòi rồng toàn-hảo, nên ngài vội vàng chạy lại nhà người thuyền-trưởng. Ngài cùng người thuyền-trưởng xuống chiếc tầu

con đi ra ngoài hải-cảng lấy vòi rồng cứu hỏa, thì dân sự trong thành ấy kêu to lên rằng:

— À! Những người ngoại-quốc kia là [illegible] tiện lắm đấy! Thấy tỉnh [illegible] đang lúc tai nạn thế này, không tìm phương cứu giúp thì chớ lại thiu thiu bỏ đi! Các người làm thế thì tiện lắm đấy!

Ốc-Văn tướng-công đáp luôn rằng:

— Chúng ta sắp trở lại ngay đây.

Ngài nói vậy nhưng không ai tin lời ngài cả. Một lát thì ngài cùng nhiều người thủy-thủ trong tàu mang vòi rồng đến, một cái vòi rồng thì đặt ở gần hải-cảng chữa một cái nhà ở đó đang cháy. Còn một cái thì đặt ở giữa phố thụt nước vào những nhà đang bị những con rắn lửa tàn hại gớm ghê. Ên-phơi bá-tước chồ tài can đảm xông pha giữa đám lửa cháy ngất trời. Ốc-Văn tướng-công cùng nhiều người thủy-thủ Ang-lê cũng ra công giúp sức vị bá-tước thanh-niên. Còn những dân sự ở nơi đó thì đứng ngơ-ngác nhìn, không hiểu những người ngoại-quốc đó làm thế thì hiệu quả ra sao.

Chuông các nhà thờ trong tỉnh khua động vang lừng, những thầy tu thì vội vàng cầu lễ, những đàn-bà thì khóc lóc quì khấn trước những bức tranh có tượng thánh treo ở góc đường; còn thì chẳng người nào nghĩ đến những mưu-kế thiên-nhiên mà tạo-hóa đã phó cho mình để mà cứu nạn. Đến khi họ thấy những ngọn lửa tắt rồi và nhà cửa của họ ít bị hư hại thì họ tỏ ra dáng cảm-xúc lạ lùng. Họ xúm đen, xúm đỏ chung quanh quan đại-thần Ốc-Văn. Người người đều xúm xít lại hôn lấy hôn để tay ngài. Ngài phải làm ra bộ tức giận mà gạt những người này ra để trong tỉnh chóng được chật-tự như lúc thường nhật.

Mọi người trong tỉnh đều nghe lời ngài truyền bảo, vì rằng ở đời này dù cái cơ-hội nào nhỏ hay to, khi đã có việc tai-biến sẩy ra, thì sự can-đảm là có giá-trị; khi người ta mà thất-đảm kinh-hồn, thì không còn có lòng cùng nhau đố-kỵ nữa.

Đang lúc trong tỉnh tiếng kêu ầm ỹ vang trời, Ốc-Văn tướng-công cũng còn nghe thấy những tiếng kêu rùng mình sởn ốc ở xa xa đằng đầu tỉnh kia đưa lại chỗ ngài đứng. Ngài bèn hỏi những tiếng kêu ấy là tiếng ở đâu, thì người đứng đó nói rằng những tiếng kêu ấy là tiếng kêu của người Duip bị giam hãm trong hộ họ ở. Chạy đến nơi họ ở mà họ không có đường ra vì rằng quan cảnh-sát tỉnh này đêm nào cũng bắt đóng cửa hộ ấy lại. Nghe vậy ngài rùng mình run sợ, bèn truyền phải mở cửa cái hộ ấy ra ngay. Nhưng có vài người đàn-bà ở tỉnh này thấy ngài truyền vậy bèn qui sụp xuống chân ngài van lạy ngài đừng truyền như thế, mà hại cho nhân-dân trong tỉnh. Họ kêu rằng:

« Đức phúc-thần, đức phúc-thần, chính những người Duip này ở đây mà chúng tôi bị cái hỏa-hoạn này; chính những người Duip làm cho chúng tôi khổ-sở thế này. Vậy mà ngài truyền mở cửa cho chúng ra, thì có lẽ tất cả nước ở bể khơi cũng không làm tắt được những ngọn lửa ngùn-ngụt kia đâu ».

Rồi mấy người đàn-bà ấy lại kêu van nói năng nhiều điều thảm-thiết nữa, nhưng ngài cũng không hề đổi ý. — Mấy người đàn-bà này không phải là có lòng ác-nghiệt sâu cay, chỉ là bởi thói tín dị-đoan nó làm cho họ không có lòng thương nhân-loại đấy thôi!

Quan đại-thần Ốc-Văn không để tai vào những lời yêu-ác của bọn phụ-nhân đó, bèn truyền bốn người thủy-thủ mang rìu lại phá cái cửa ngăn

hãm những người khốn - nạn kia. Người Dulp vừa được giải-phóng thì chạy ra tỉnh, xông pha ngọn lửa, nhảy vào những nơi để hàng-hóa của họ, chẳng còn biết sợ cái chết chút nào.

Chỉ còn có một cái nhà ở đằng đầu tỉnh là ngọn lửa vây bọc chung quanh khó lòng mà tắt được và vào cứu chữa cũng khó thay. Dân-chúng tỉnh An-côn này đối với cái nhà kia coi ra lãnh-đạm. Những thủy-thủ cứu - hỏa thấy vậy tưởng là cái nhà ấy không ai ở cả, nên mang vòi rồng về tàu của họ. Ốc-Văn tướng-công vì những tiếng kêu đinh tai nhức óc ở chung quanh ngài nên ngài cũng cuống lên, không có chú-ý đến cái nhà cháy kia. Mãi về sau mạn đó mới cháy, nhưng ngọn lửa bốc lên rất mạnh. Ốc-Văn tướng-công thấy ngọn lửa bốc cao vội vàng hỏi cái nhà cháy đó là nhà nào, thì mãi mới có một người nói rằng đó là cái nhà thương chứa người điên. Nghe thấy vậy, ngài hốt-hoảng nhìn quanh tứ phía. thì En - Phơi bá - tước cùng những linh thủy - thủ đều không còn đứng đấy nữa. Ngài thấy những dân-chúng thành An-côn đang chạy cứu lấy những đồ-vật của họ, ngài bèn gọi họ lại chữa cái nhà kia, thì họ đều trả lời rằng:

« Cứu những kẻ điên dại ấy làm gì vô-ích. Thế là may cho họ lắm và may cả cho họ hàng họ nữa. Họ chết như thế, thì thật chẳng phải tội lỗi người nào. »

Khi họ ồn ào đại-thanh những lời như thế thì Ốc-Văn tướng-công dảo bước đến cái nhà thương đang cháy ấy. Nhiều người đứng đấy tỏ ra ý trách ngài, sau vì cảm-súc mà cùng nhau chạy theo sau người nghĩa-hiệp.

Ngài đến gần cái nhà đang cháy trông thấy ở cái cửa kính mà ngọn lửa chưa bén đến có nhiều người mặt mũi ngây ngô, trông ngọn lửa cháy mà cười sằng sặc. Tiếng cười đó hình như là sự không biết những nỗi đau đớn ở đời, hình như trong óc chứa bi[illegible] sầu-bi, thật chẳng còn có cái [illegible] gì của cái chết là có thể làm cho họ phải khiếp kinh. Ngài trông thấy vậy mà phải ngạc-nhiên run sợ, trí ngài bình như sắp rối loạn vô cùng. Cũng vì cái cảnh-tượng này mà ngài đối với sự điên rồ sinh ra mối thương tâm rất là thê-thảm. Ngài bèn lấy cái thang để gần đấy đựng vào tường rồi xông qua ngọn lửa trèo vào cái buồng chứa những người khốn nạn kia.

Những người này không điên rồ cho lắm, nên cũng không bị trói buộc chi cả, chỉ có một người là bị xích thôi. Ngọn lửa đã lùa vào trong phòng nhưng chưa cháy tới xà nhà. Ốc-Văn tướng-công đứng giữa bọn điên rồ khốn nạn ấy mà có thể sai-khiến được họ tưởng cũng lạ thay. Ngài bảo họ xuống cái thang mà ngọn lửa gần lan cháy bên thì lần lượt họ xuống chẳng bè chống cự vung văng. Họ vâng lời như vậy là vì họ nghe giọng nói và trông bộ mặt của ngài là đã khiếp kinh. Duy chỉ có một người muốn vung văng không xuống, mà ngài cũng không nghĩ đến cái nguy đã đến sau lưng chỉ muốn cứu cho chàng kia thoát nạn. Nhân-dân đứng ở dưới thấy ngọn lửa bốc mau mà chưa thấy quan đại-thần ra thì họ hò kêu bảo ngài xuống và khuyên ngài nên để mặc bọn điên rồ mà cứu lấy thân. Nhưng ngài chẳng nghe thấy gì, ngài chưa cứu xong bọn điên là ngài chưa chịu xuống vậy.

Trong cái số người điên ấy, thì cứu được năm người thoát khỏi nạn hỏa-tai, chỉ còn một người bị xích là chưa cứu khỏi nơi rừng lửa. Đến sau Ốc-Văn tướng-công tháo được cái xích cùm anh chàng khốn nạn, thì anh

chàng đứng dậy chạy múa quanh buồng.

Tướng-công bắt anh chàng xuống th[illegible]ó, thì anh chàng hung-hăng không [illegible] Ai thấy ngọn-lửa ngùn-ngụt bốc lan gần khắp tòa nhà, ngài vội nắm tay anh chàng nhảy liền xuống đất, May nhảy xuống vô-sự, ngài bèn giao anh chàng cho mấy người đứng đấy và bảo họ phải trông nom cẩn-thận anh chàng khốn nạn này. Thế mà anh chàng còn om sòm chửi mắng người cải-tử hoàn-sinh cho mình vậy.

Quan đại-thần Ốc - Văn xông - pha vào nơi nguy-hiểm như thế, thì lấy làm khoan - khoái vô - cùng ; chúng-nhân đứng đấy thấy ngài đầu tóc bơ phờ, mắt trừng trừng nhìn không chớp, thì ai nấy đều tỏ lòng khâm-phục kính yêu. Nhất là bọn phụ-nữ ở đây lại tỏ ra cái lòng tôn-kính rất là rõ rệt, họ qui xuống trước mặt ngài mà kêu lên rằng :

« Ngài thật là đức thánh Mi-sen, phúc-thần ở tỉnh chúng tôi đây ; ngày hằng xòe đôi cánh ra, nhưng xin ngài đừng bỏ chúng tôi, ngài hãy bay lên nóc chuông nhà thờ kia để tất cả mọi người trong tỉnh chúng tôi có thể trông thấy ngài mà cùng nhau cầu ngài ủng-hộ. »

Trong bọn phụ - nữ này có một người cất tiếng nói :

« Bẩm đức phúc-thần chúng tôi có đứa con ốm đau, thuốc thang mãi chưa khỏi, xin ngài giáng phúc cứu cho ».

Một người khác lại nói :

« Phu-quân con đã bao năm nay bỏ nhà đi đâu không ai rõ cả. Con cần có xin đức thượng-thần ngài chỉ bảo cho người phàm mắt thịt ».

Ốc-Văn tướng-công đang tìm cách tháo lui, thì En-phơi bá-tước đến bắt tay tướng-công mà rằng :

« Đại-nhân nên chia xẻ cho những thân-hữu những nỗi nguy - nan, chứ tội gì mà riêng chịu một mình như vậy ».

Ốc-Văn tướng-công sẽ cất tiếng mà rằng :

« Qui-chức nên nghĩ cách cho bỉ-nhân có thể ra khỏi chỗ này, thì may quá ! »

May nhờ được lúc đó về trời u-ám nên hai người vội dảo bước ra nơi khách-sạn để lấy ngựa lên đường.

Ốc-Văn tướng - công thấy việc mình làm có hiệu-quả hay như thế thì tấm lòng ngài khoan - khoái, nhưng khốn thay thân-phụ ngài đã tị-trần, thì nỗi mừng này ngài biết cùng ai chia xẻ ? Ái - ngại thay cho những kẻ bồ - côi ! Những lúc buồn cùng những khi vui tấm lòng họ vẫn bâng - khuâng vơ-vẩn. Thật vậy, nghĩa phụ - tử, tình huyết - mạch mà tạo-hóa đã sinh ra thì có đời nào đổi thay đi được. Người bồ-côi vẫn còn lòng yêu giấu, nhưng cùng ai thổ-lộ can-tràng thì tuyệt-nhiên không vậy.

CHƯƠNG THỨ V

Ốc-Văn tướng-công đi từ tỉnh An-công đến thành Rôm chẳng hề ngắm cảnh ở dọc đường như nhiều lần trước, vì lúc đó lòng ngài canh cánh đeo sầu.

Lòng thị-hiếu về mĩ-nghệ của ngài chưa được bành-trướng, vì khi trước ngài sang du lịch nước Phờ-răng thì xã-hội là kiêm cả mĩ-nghệ và lúc ngài đến ở thành Lông thì những mĩ-nghệ bị sáp ngập vào những tài-lợi chính-trị cả. Vả lại, ngài hay sầu cảm nên trí không tư-tưởng đến những cảnh kỳ-dị của tạo-hóa và những công - trình kiệt-tác của mĩ-nghệ.

Bá-tước En-phơi đi đến tỉnh nào thì cũng có xem coi cảnh-tượng mà cứ như ý-tưởng bá-tước thì những cảnh-tượng đó không có cái nào là đáng ngắm-nghía như những cảnh-tượng tráng-lệ

ở nước Phờ-răng. Bá-tước thấy cảnh mà lòng những buồn rầu, Ốc-Văn tướng-công thấy bạn như vậy cũng có phần ngã trí. Ngài muốn thấu cái lẽ huyền-bí của nước Y-ta-li nhưng chưa xét được vì lẽ huyền-bí này phải dùng đến trí tưởng-tượng, chứ không thể lấy trí xét-đoán mà biết được. Ngài muốn thấu rõ việc gì cũng thường lấy trí suy xét vì sự suy-xét rất khuếch-trương ở nền giáo-dục nước Ang-lê.

Dân sự nước Y-ta-li hồi trước có tiếng rất là tài giỏi mà nay lại kém trước nhiều. Cứ xem như cảnh-tượng tồi-tàn ở vùng chung quanh kinh - thành Rôm thì rõ. Xứ này khi trước đã sản ra biết bao nhiêu là tài-trí rất có tiếng tăm lừng lẫy ở đời, đến nay thì chỉ là một xứ tầm-thường mà thôi. Ốc-Văn tướng-công khi còn niên-thiếu cũng đã có lòng công-ích nên lúc này ngài đi qua những nơi đồng-bằng bỏ hoang ở gần chốn kinh-thành to nhất thế-giới khi xưa, mà lòng những buồn rầu, có ý trách sự lười-biếng của người trong xứ. ngài lấy con mắt nhà chánh-trị quang-minh xem xét nước Y-ta-li, còn En-phơi bá-tước thì lấy con mắt nhà du-lịch trông qua. Vì vậy nên hai người đều không có trí tưởng-tưởng đến những việc kỷ-niệm, những sự tiếc thương, những vẻ đẹp đẽ thiên-nhiên và những nỗi khổ-sở đáng kính phục của cuộc chiến-tranh đã diễn ra chốn kinh-thành Rôm khi trước.

En-phơi bá-tước trông thấy miền chung quanh thành Rôm có vẻ tồi-tàn, nên quở trách một cách khôi-hài rằng:

— Ơ, lạ nhỉ ! vùng này không có một cái nhà nào cả. không có một cái xe nào cả, không có cái gì làm cho du-khách biết là sắp đến một chốn kinh-thành to. Trời ơi ! Trông buồn chưa !

Khi gần tới thành Rôm, những người đánh xe vui mừng, mà kêu to lên rằng :

— Kia, kia, đã trông thấy nóc nhà thờ Saint-Pièrre kia rồi !

En-phơi bá-tước lại cất tiếng mà rằng:

— Trông hình như cái nóc bệnh-viện ấy.

Sự so-sánh này vì lòng ái-quốc nói ra vậy, chứ không đuo[illegible] thực tí nào. Ốc-Văn tướng-công cũng vì câu so-sánh này, nên trông cảnh-tượng tráng - lệ của cái công - trình nhân-tạo rất vĩ-đại ấy mà trong óc cũng không nẩy ra được cái tư-tưởng cao-thượng nào. Hai ngài vào kinh-thành Rôm không phải là lúc trời quang mát mẻ, không phải là đêm trăng sao vằng vặc, nhưng là một buổi chiều u- ám đen sì. Hai ngài qua con sông Tibre cũng không để ý xét xem. Lên bến. hai ngài qua cửa lê - dân (porte du Peuple) rồi vào đến một cái phố to nhất kinh-thành có vẻ tồi-tàn giống như nhiều phố ở những tỉnh-thành lớn châu Ơ-rốp,

Trong phố người đi kẻ lại rất là rộn-rịp.

Ốc-Văn tướng-công cũng có ý xem xét những đồ-vật ở gần ngài, nhưng cái danh - hiệu kinh - thành Rôm lúc này hình như làm cho ngài chưa chú-ý đến lắm. Lúc này ngài chỉ thấy trong lòng bâng-khuâng vơ-vẩn, bối-rối vô-cùng. Người ta khi tới một tỉnh lạ thấy mình ở giữa một đám đông người không quen biết thì tư-tưởng cũng như thế mà thôi. Tuy nhiều người cũng thế, nhưng đối với người Ang-lê, thì sự vẩn-vơ hia lại bội phần tăng-tiến, vì rằng người Ang-lê chỉ quen phong-tục nước nhà. Ốc - Văn tướng-công trong lòng vơ-vẩn lấy làm khó chịu vô-cùng, nên ngài không xem cảnh phố nữa, bèn về nhà trọ nghỉ ngơi.

Xứ này lúc ngài mới đến, thì làm cho ngài sinh ra biết bao những cảm-tình sầu-muộn như thế, nhưng sau này sẽ là cái nguồn sản ra những ý-tưởng và những sự khoái-lạc tối-tân cho ngài vậy.

(Còn nữa)

CHUYỆN LẠ NGOẠI-QUỐC

Câu chuyện đường xe hoả Ca-na-đa

Về miền bắc nước Ê-ta-uy-ni có một chỗ gọi là Ca-na-đa, là một nước nông-nghiệp lớn trong thế-giới, và lại là một chỗ đất mới, ví như con người đương lúc thanh-niên thời-đại, nguyên-khí đương thịnh-vượng lắm, nên chỗ đất ấy là một chỗ đất vui-vẻ nhất.

Nước ấy cả thảy phân làm bầy châu, chỗ thủ-đô gọi là Ottawa, từ nước ta đi, thì phải tự Hải-phòng đi tàu qua Hương-cảng, rồi tự Hương-cảng đi tàu thẳng đến Vancouver, đổi cưỡi xe hỏa Ca-na-đa thì đến nơi, hoặc tự Hương-cảng đi tàu thẳng đến Sanfrancisco, rồi đổi ngồi xe-hỏa cũng đến được.

Đường xe - hỏa Ca-na-đa, là một đường rất có tiếng trong thế-giới, về bộ-phận trong đường xe-hỏa ấy, có nhiều việc lạ-lùng, và có nhiều cảnh-tượng khác nhau lắm.

Nước Ca-na-da nguyên là của người nước Phờ-răng phát-hiện, nay thì là lãnh - địa của nước Ăng-lê, phương bắc giáp với Bắc-băng-dương, phương nam giáp nước Ê-ta-uy-ni, Đại-tây-dương ở về phương đông, Thái-bình-dương ở về phương tây, cả thảy diện-tích là 56.0000 phương-lý.

Nước này có những khu rừng lớn, cánh đồng rộng, và núi cao sông to, về phương-diện nông-nghiệp công-nghiệp, có nhiều cách tiện - lợi lắm, nên mau phát-đạt bước lên con đường văn-minh được.

Đường xe-hỏa Ca-na-đa, cũng gọi là đường xe-hỏa Ca-na-đa Thái-bình-dương, có một đường từ bờ bể Đại-tây-dương đến bờ bể Thái-bình-dương, từ Montreol đến Vancouver, cả thầy dài 2906 cây-lô-mét, cái đường ấy đi ngang qua núi Rocky (落機山) là hòn núi có tiếng trong thế-giới, nên sự khoái-thính không gì hơn nữa.

Từ nơi Vancouver đến Montreol, phải đi xe sáu đêm ngày, toa xe rộng rãi lắm, nên chả thấy có điều gì là không tiện, bên đường nhiều núi to đồng lớn, khách đi xe vui vẻ như ở nơi nhà mình, ngồi xem phong-cảnh, chả buồn bã gì, trong xe có những buồng nằm, nhà bán đồ-ăn, nhà hút-thuốc, nhà bận áo-quần và nơi vận-động, nên khoái-lạc lắm, mà không có điều gì bất-tiện cả.

Buồng nằm ở trong xe-hỏa, nước nào cũng vẫn có cả, mà những buồng trong xe-hỏa này, thì rộng rãi và lịch-sự lắm, những ghế trong buồng đều trải thứ nhung tốt nhất, trong một cái cửa sổ, bốn người đứng dựa xem cũng vừa, những đồ hành-lý đều để dưới ghế được, ở giữa buồng có một đường đi chung, để cho công-chúng đi qua lại, đến khi ban đêm, thì lấy cái ghế dài ra làm cái giường nằm, lại trên tầng trên, cũng có làm những cái giường xếp, kéo ra thì thành cái giường nằm, nên trong một chỗ mà hai người khách nằm được; lại có những đệm, chiếu cùng gối đều đủ cả, không lo gì không được an-thích mà không được yên giấc mộng tiên.

Lại trước giường nằm, đều có treo màn, nằm không đến nỗi chống-chải, mà có điều gì không được nhã; những đèn thắp lại đều dùng đèn khí, bóng sáng êm ái, giở sách mà xem, không hề biết đến mệt nhọc, nằm trên giường ấy như nằm dưới trăng, ở trong cửa sổ trông ra, thì thấy những núi sông cỏ cây xoay chạy, cảnh-tượng thanh-u, một giấc mộng tiên, trải qua nghìn dặm, khoái-thích còn có gì hơn nữa.

Đến sớm mai thức dậy, thì rủ nhau đến nhà thay quần-áo, các đồ hóa-trang không thiếu thứ gì, tùy ý trang sức, như khi ở nhà riêng của mình.

Đương khi kẻ lữ-khách ở trong nhà hóa-trang, thì chỗ buồng ngủ đã thâu xếp xong cả, đi trở vào thì thấy sạch-sẽ và chỉnh-đốn như một cái nhà tiếp khách.

Đến nhà ăn xem thời như một cái nhà hàng cơm, ở chỗ cửa vào, có một người bồi mặc áo lễ đứng đó tiếp rước, khi khách đến thì tiếp dẫn vào chỗ bàn ăn, rồi cầm cái giấy biên những các món đồ ăn đến, khách ưng xơi món gì, tức thì đưa đến, và cũng tính số tiền rõ ràng, có thứ tự lắm, nên ăn cơm trong xe hỏa, không hề còn tưởng đến là bữa cơm trong khi lữ-hành, mà có chút gì khốn nạn ; đương khi ăn có đủ các thứ rượu, cà-phê, thuốc lá, đồ quả, và các thức bánh, không thứ gì là không có, bỏ tiền ra mua vẫn tự-do lắm.

Sau bữa ăn rồi thời những khách đàn ông đều đến họp tại chỗ nhà hút thuốc, ngoài sự hút thuốc, thì tự-do đánh bài đánh cờ hoặc nói chuyện, muốn thế nào thì muốn chẳng khác gì như một nhà Câu-lạc-bộ (Club) của người hành-khách, cả ngày đêm tùy ý cứ nhóm lại chỗ ấy mà chơi, không có ai nói gì cả.

Các con đường xe hỏa cũng có đường không có toa xe ăn ấy, phàm con đường nào như thế, thì xe hỏa đến chỗ trạm dừng lại, tất là đúng thì giờ ăn cơm, đã có nhà ăn cơm ở đó dự-bị hẳn hoi rồi, nhảy xuống xe thì có người bồi rước vào bàn ăn, ăn uống xong liền lên toa xe của mình.

Những nhà hàng cơm ấy, trang-sức đẹp đẽ, bốn phía có vườn hoa, có hoa nở, có chim kêu, có máy phun nước ; đương khi ăn thì có thổi nhạc tây.

Trong các toa xe từ trước đến sau, đều tự-do đi qua lại được, khi buồn bã thời từ hạng nhứt đến hạng ba đều đi qua lại với nhau.

Trong con đường xe hỏa hễ [illegible] chỗ nào có phong-cảnh tốt thì [illegible] một cái xe để xem phong cảnh, sắp những ghế ngồi có máy vần xoay được, ngồi trên ghế ấy tùy ý xoay xem bên tả bên hữu được cả, những người chụp ảnh, muốn lấy những-phong cảnh trong đoạn đường ấy, thường lợi-dụng cái xe hoả đi khắp các nơi mà chụp ảnh ; các người lữ-khách đã xem phong-cảnh lại xem chụp ảnh, khuây cả những lòng buồn bã trong khi lữ-hành.

Lại trong xe hỏa, có những người bán tạp-chí tiểu-thuyết, cũng ngồi xe đi bán, nên ở trong xe cũng có những sách vở đủ xem giải buồn.

Quét chùi trong xe, đều là bọn Hắc-nô cả, chúng nó đen thui như mực, mũi đỏ mà dầy, nói chuyện cũng có một vẻ dịu-dàng.

Xe đi ngang qua hòn núi Rocky, là cái giá-trị to của đường xe hỏa này; tưởng-tượng đến cái sự đi qua đấy, cũng đủ hùng-tráng rồi, đường đi qua đấy, mất một đêm ngày, xe đi ở trong hang sâu núi cao, bốn bên cây cối xùm-xè, gành đá lởm chởm, khi thì nghe con hùm kêu, khi thì nghe con sư-tử rống, khi thì lên chỗ cao đến hơn mấy mươi cây-lô-mét, khi thì đi xuống chỗ thấp dưới mấy mươi cây-lô-mét, khi thì rúc qua hang, khi thì quanh bờ sông, cảnh-tượng biến đổi thực không xiết kể hết được ; mỗi đến chỗ phong-cảnh tốt, tuy không có nhà ga, mà xe cũng thường thường dừng lại, đương khi ấy có cảnh-trí gì đẹp, cũng xem thấy cả, những chỗ núi cao, thường có mây bay qua lại, nước bộc-bố chảy ồ xồ, xem như trên không thả một bức lụa trắng xuống; cúi ngó xuống dưới suối, thì thấy nước xanh leo lẻo và có chỗ rội lên ghềnh

núi hóa ra sóng trắng, cảnh - tượng thanh-thê, không thể nào mà tả ra cho hết được ; mà những khói đen của xe hỏa cuồn-cuộn bốc lên như rồng nổi bay lẫn [illegible] núi và tan khắp cả các miền khe. [illegible] núi cao lắm, cả bốn mùa đều có tuyết, đông lại thành một hòn núi đá trắng, bóng tà-dương từ xa soi đến, xem không khác gì hòn núi Mon-bù-ran của nước Switzerlaud.

Có một chỗ kêu là Xư-tết-hên, là chỗ cao thứ nhứt trong con đường xe hỏa này, cao hơn mặt bể 15000 thước tây, ngó xuống thấy cả các núi ở bốn phía, tuyết chỗ này chảy qua phía đông thì vào bể Thái-bình-dương, chảy qua phía tây thì vào bể Đại-tây-dương, phân ra làm hai ngả.

Chỗ này vì sao mà gọi là Xư-tết-hên, Xư-tết-hên là cái tên của ông Giám-đốc làm ra đường xe-hỏa này, nhân lấy tên ông ấy để làm cái kỷ-niệm lâu dài.

Ôi! làm nên một cái sự-nghiệp to tát như thế, thì nên có cái danh-dự như thế. để làm báo-đền, cũng là phải lắm!

Đường xe hỏa từ đây ở nơi cao chạy xuống thấp, xe nhanh như bay, thấy những người thổ-nhân da đen thui-thủi, cả mình cuốn những da loài thú vật và vỏ cây; những người ấy là người chủ-nhân trong nước này, mà nay những chủng-tộc ấy chỉ còn sót lại một ít đấy thôi, chúng nó chất gỗ lên làm nhà, xem ra như một cách kiến-trúc của đời thái-cổ ; ở về miền các sông, không luận chỗ nào, cũng có những thuyền nhỏ. Cái thuyền ấy nguyên lấy một khúc cây khoét ra mà làm thành cái thuyền, cũng như thuyền của người Ấn-độ dùng, xem đó mới biết là không luận nước nào, đương lúc dã-man vẫn là như thế cả, chúng nó đánh cá, chở đồ và chở hành-khách, vẫn đều dụng cái thuyền ấy.

Nơi mục-súc chỗ nào cũng có cả trâu với ngựa chăn nuôi cả bầy, đến như loài dê thì lại nhiều lắm, mỗi một bầy dê có một con chó canh, cũng như một người đầy tớ chăn giữ, xem thực kỳ lắm.

Bên đường chỗ nào cũng thấy nhiều thứ cỏ hoa lạ, và nhiều thứ đẹp đẽ lắm, xem vào những chỗ thổ-nhân ở, thường thấy những trẻ con tay cầm chùm hoa mà chơi với nhau, thế đủ biết thiên - tính của chúng nó, vẫn thích phong-lưu lắm.

Giữa đồng rộng lớn, có nhiều những nhà ga, mỗi một chỗ ga, thì thành ra một cái thành-phố mới con con, ước được hai ba nghìn nhà, chỗ nào cũng thế cả, vì mỗi năm các nước đến đấy làm ăn nhiều lắm, nên có một cảnh-tượng càng ngày càng mở mang.

Xe hỏa đi về phía Montreal, đi quanh một ít, thì xem thấy một ngọn nước bộc-bố lớn, ngọn nước bộc-bố ấy, gọi là Nây-a-ga-ra, có tiếng trong thế-giới, ngọn nước ấy phân ra làm hai : một nửa ở về Ca-na-đa, bề rộng được tám cây-lô-mét, bề cao được 178 thước, một nửa ở về bên nước Mĩ, bề rộng được 3 cây-lô-mét, bề cao được 180 thước, trong một phút đồng - hồ chảy được 15, 000, 000 thước nước.

Cái lợi-ích đi xe-hỏa con đường này, không những được biết một sự-nghiệp to-tát, mà xem những núi rừng cùng đồng ruộng trong đại - lục này, cũng biết được cái đại-khái và cũng biết được nhân-chủng hưng-suy, cùng mục-súc nông-nghiệp lớn - lao ; đến những cảnh thiên- nhiên đẹp đẽ, cũng trông được cả, những người có chí cũng nên đi qua thử một lần để cho biết.

T. D.

THỜI-ĐÀM

Ngự giá Âu - du. — *Bản - chí kỳ trước đã kỷ-thuật về việc Ngự-giá Âu-du, đã đến Qui - quốc rồi, Qui - quốc nghênh-tiếp một cách rất long trọng. Đức Hoàng - thượng đối đức Tổng-thống nước Phờ-Răng (France) có một bài chúc-từ. Bản-chí nay tiếp được nguyên-văn, xin kính đăng như sau này:*

Ngự chế chúc từ

Kính khải Giám-quốc Thống - lãnh Điện-hạ :

Từ xưa đến nay ở trong lịch-sử của nước An-Nam tôi, các vị đế-vương chưa hề xuất-dương bao giờ, lần này là thứ nhứt, Quả - nhân vì một sự đại ngãi mà việt hải đi đến đây là một nước mẹ của nước Nam tôi, là qui Đại - Pháp qui-quốc là một nước rất danh - giá, rất văn - minh, rất nhơn - từ ở trong hoàn-cầu, mà lại Bảo-hộ nước tôi, ban cho Vua tôi cùng thứ - dân nước tôi, lắm đều ân-hậu, cho nên Quả - nhân thay mặt toàn-dân mà cảm tạ qui-quốc.

Trước khi Đức Hoàng-khảo của Quả-nhân đã sắp đi tới qui-quốc mà tỏ lòng giao-hiếu của qui-quốc với tệ-quốc đã đến một thời rất dài trên một trăm năm nay, song rủi ro Đức Tiên Hoàng-khảo băng sớm, nên chi không được chữ như-nguyện của Ngài.

May nhờ lòng qui-quốc nghĩ sự hai nước giao-hảo đã lâu mà nhớ đến Đức Tiên-Hoàng-khảo là có tình thiết nghĩa với qui - quốc có lòng thành - tín với qui-quốc, cho nên tôn Quả - nhân tức Đế-vị, để mà quản-trị lấy dân trong nước, cùng lấy sự thành - tín mà đối với qui-quốc về sự ngoại-giao.

Cho nên Quả-nhân noi theo gương của Đức Hoàng-khảo mà thi-thố những các điều hay của Ngài; qui - quốc đã xem xét rõ, nhưng mà Ngài chỉ cốt-yếu là một sự cho mục-kích qui-quốc mà diện-yết Pháp-đình, chứ [illegible] nhân tuân theo ý đó mà ngày nay đã [illegible] thành-tựu.

Kính khải Đức Giám - quốc cùng chư vị Chánh-phủ, từ khi qui-quốc lập Quả-nhân mà kế-thừa cho Liệt-Thánh triều Nguyễn cho tới bây giờ, nhờ các bậc đại-biểu của qui-quốc bảo-hộ tệ-quốc tuân theo tôn-chỉ qui-đình tán-trợ Quả-nhân mà đồng tâm hiệp lực với Quả-nhân chăm lo về đàng tiến-bộ cho quốc-dân cùng lo cho hoàn toàn về lối Pháp-Việt tương-thân được lâu dài mà hưởng chung sự lợi quyền cho bền chặt, nên chi vừa rồi tệ-quốc đồng - dân tuân theo lịnh Quả-nhân đua nhau sang tại qui-quốc đây mà xung đột nơi chiến-trường, để mà đền bồi một sự ân trước: Qui-quốc đã giúp cho Đức Gia-long Thế-tổ Cao-hoàng-đế được khôi phục lại cơ-đồ; sau nữa cũng trông mong qui-quốc ban cho tệ-quốc quân dân được những sự vinh-hạnh cho khỏi thua kém các nước ở tại mặt Á-đông; còn những sự qui-quốc đã khai hóa cho tệ-quốc trông các lề lối trong mấy mươi năm nay, biết bao nhiêu là kẻ kiến-thức có thêm được sự thông - minh quảng-bác ra nhiều, sự sanh-hoạt càng ngày càng hơn, không những nhờ qui-quốc được rửa mà thôi, mà qui-quốc lại thề tất tánh tình mà đem lòng âu-yếm nữa. Bởi vậy cho nên trong cơ hội ngày nay, các nước lớn nhỏ thảy đều xao động mà hi-vọng cho việc hiện - tình, cho việc tương-lai, nhưng mà về phần tệ-quốc từ thượng-lưu cho đến hạ-lưu cứ yên lặng, không vấp, không đụng gì trong các sự phi-pháp, là chỉ vì tại một sự luân-lý của tệ-quốc trong đồng-dân không khi nào thay đổi. Vả lại qui-quốc

là một nước rất là quảng-đại về lối ân-trạch, cho nên để nhờ sự cao-minh của qui-quốc soi xét cho, rồi quân dân của tệ-quốc cũng sẽ trông thấy được hạnh-[illegible] trước hết Quả-nhân phải đem Đông-cung Hoàng-thái-tử Vĩnh-Thụy mà phú-thác nhờ ơn qui-quốc tạo-thành cho, giáo-dục cho, đặng trăm năm về sau nối nghiệp cho Nguyễn-triều được vững bền, mà sự giao-hiếu của nước Nam với nước Pháp lại càng thêm thân-mật hơn nữa. Quả-nhân đây rất có lòng tôn-kính, rất thành-tín, qui Pháp-đình không có lẽ gì mà tỏ rõ ra cho bằng về sự đem con ký thác cho qui-quốc: một là tỏ được sự thành-tín của Quả-nhân đối với mẫu-quốc; hai là lo về sự tương-lai cho dân trong nước theo cái văn-minh tôn-chỉ của qui-quốc mà tiến-bộ cho có trật-tự, thời cúi nhờ ơn qui-quốc tạo-phước cho tệ-quốc quân dân về lối tiền-đồ là thỏa nguyện của Quả-nhân ở đó.

Quả-nhân trông thấy ngày nay qui Chánh-phủ và qui-quốc-dân tiếp-đãi Quả-nhân một cách rất trọng-thể, như thế này thiệt là lấy làm cảm-động và rất vinh-hiển cho Quả-nhân trong một thời-đại ở lịch-sử của tệ-quốc chưa hề có bao giờ; nay Quả-nhân được vinh-dự vào giữa chư-quí-vị đây. Quả-nhân là một người thiết-ngãi, chớ không phải một người khách của chư-quí-vị vậy, nên Quả-nhân lấy sự nhiệt-thành mà chúc qui Đại-Pháp là một nước qui-mô đẹp đẽ mà quảng-đại nhơn-từ cho được vững bền muôn năm, mà được độc-chiếm hoàn-cầu đệ-nhứt danh-giá. Quả-nhân lại kính chúc đức Giám-quốc điện-hạ cùng qui phu-nhân phước thọ vô-kỳ, cùng chúc qui triều-đình trường-trị cửu-an, chúc cho chư-quí-vị vinh-hi khương-thái, lại chúc qui Đại-Pháp quốc-dân hàm-chân phú-thứ, Quả-nhân lại chúc cho qui-hữu của Quả-nhân là quan Thuộc-địa Thượng-thơ Albert Sarraut ngọc-thể khương-cường, đặng mà thi-thố những các chánh-sách hay tại ở các nước Bảo-hộ và thuộc-địa của qui-quốc, được cho các chưởng-tộc trong mấy xứ đó khỏi về sự tương-tàn tánh mạnh, cho an ổn được như mấy năm nay của chúng ta đã hiệp-ý nhau mà gìn giữ thầy đều yên lặng.

Nay kính chúc.

. . .

Hoàng-thượng tại Đại-Pháp

Cứ theo điện-tín hằng ngày như sau này:

Ngày 28 Juin. — Hoàng-thượng ban 10.000 quan để bố-thí cho những kẻ nghèo nàn ở thành Paris.

Ngày 30 Juin. — Buổi trưa hôm thứ hai, (26 Juin) Hoàng-thượng đặt tiệc tại bộ Thuộc-địa khoản-đãi quan Toàn-quyền Đông-Pháp cùng các chức-vị về chính-giới, binh-giới và quan-lại giới của Thượng-quốc và của Đông-Pháp.

Buổi chiều, đức Tổng-thống và qui-phu-nhân đặt tiệc dâng Hoàng-thượng. Đến tiệc champagne đức Tổng-thống có đọc diễn-văn. Ngài có nhắc đến tờ giao-ước Versailles năm 1787 của đức Cao-Hoàng ký với Hoàng-đế nước France. Ngài lại nói: Cái phương-châm trong cuộc Pháp-Việt giao-tế ngày nay, thực do ở tấm lòng tương-thân tương-ái của hai nước hơn là do ở các điều-khoản giao-ước vậy. Cuộc Ngự-giá Âu-du này thực là cái tang-chứng hiển-nhiên về tấm lòng tin-cẩn lẫn nhau của nước France và nước Việt. Người Fraçais đã sớm biết cái trí thông-minh, cái khiếu phán-đoán, cái tính nhẫn-nại cái nết chịu khó, và cái đức hiếu-học của người Việt. Lại sớm rõ cái văn-minh đặc-biệt và vĩ-đại cũ có hơn vài nghìn năm của nước Việt-Nam, mà nay trường

Bác-cổ đương sưu-tầm lấy các di-tích, và ra công mà duy-trì lại về sau.

Hoàng-thượng có đáp lại đức Tổng-thống, Ngài nói đại-ý như sau này: « Ấy vì tấm lòng ghi ân nhớ nghĩa của Quả-nhân đối với nước France rất nặng rất sâu, nên Quả-nhân đã trái hẳn cái tục di-truyền nghìn năm cũ, mà khởi-giá ra khỏi bờ cõi nước nhà, ngự đến nước France, để cảm tạ một nước rất đáng tôn-kính, rất trọng nhân-đạo hơn cả các nước trong thế-giới này. Nước France đã mở cho người Nam biết một cái tiền-đồ rộng-rãi xưa kia chưa từng được biết bao giờ. Nước France đã khải-phát đường học-thức tăng-tiến đường hạnh-phúc cho người Nam, lại cưu mang cứu giúp những nỗi khổ-thống cho người Nam; đã làm cho trong bờ cõi nước Nam trong trí-não người Nam, đâu đó đều được hưởng sự trật-tự hòa-bình. Và nước France đã thấu-hiểu cái tính-tình người Nam, đã biết âu-yếm mến yêu người Nam lắm. Dân-tộc Việt-Nam bấy nay vẫn giữ một cái thái-độ chánh-đáng, dốc một lòng trung-thành với nước France. Cái thái-độ ấy đáng nên tưởng-lệ đường nào, quốc-dân Việt-Nam chỉ trông cậy ở nước France đó thôi. Bởi vậy ngày nay Quả-nhân mới đem Đông-cung Hoàng-thái-tử phó-thác cho nước France giáo-dục, là cốt để sau này cái vận-mệnh hai nước Pháp Việt được gắn bó với nhau như một vậy. »

Khi nói xong, Hoàng-thượng nâng cốc rượu chúc nước France ngày thêm vinh-quang cường-thịnh và chúc cho cái dây liên-lạc của hai nước Pháp Việt được thêm bền chặt êm đềm.

Tiệt xong, có đặt lễ tiếp các quan-chức khắp trong thực-dân giới và chánh-trị giới.

Hoàng-thượng lại ngự đến thăm Bắc-đẩu-bội-tinh-viện.

Ngày 1er Juillet. — Hoàng-thượng ngự coi cuộc vui đặt ra để lấy tiền giúp vào hội Việt-Nam-thanh-niên, cả quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư Albert Sarraut cùng đến v[illegible]

Hoàng-thượng lại ngự đến thành Blois.

Ngày 4 Juillet. — Hoàng-thượng ngự thăm cung-điện Valençay, ở miền bờ sông Loire, chiều hôm thứ hai, ngài trở về tới Paris.

Quan Thượng-thư Albert Sarraut đi với ngài cũng đều về.

Ngày 12 Juillet. — Chiều hôm thứ hai (10 Juillet) quan Poincaré tổng-trưởng tòa Nội-các kiêm ngoại-vụ-bộ Thượng-thư đặt đại-tiệc đãng Hoàng-thượng tại bộ Ngoại-vụ.

Ngày 15 Juillet. — Hoàng-thượng ngự đến duyệt cuộc điểm-binh tại Paris.

Ngày 22 Juillet. — Hoàng-thượng ngự đến dự lễ khánh-thành nhà hội-quán hội Đông-Pháp.

Ngày 25 Juillet. — Ngày hôm thứ hai (24 Juillet) Hoàng-thượng ngự đi thăm chiến-trường Verdun. Hôm sau Ngài trở về Paris.

Khi Hoàng-thượng ngự đến thăm Verdun. Hoàng thái-tử, và các quan hộ-giá, quan Toàn-quyền Long có đi với ngài. Ngài ban kim-khánh cho thành Verdun, để ghi ân những tướng-sĩ có công bảo-thủ thành ấy trong cuộc Âu-chiến mới rồi. Ngài có đặt một cành lá liễu bằng đồng trên phần-mộ bảy người tử-sĩ vô-danh, và ngài có ngự đi thăm chiến-trường và xã Douaumont.

. . .

Nam-triều tỏ lòng kính mến quan quyền Toàn-quyền Baudoin. — Nhân dịp ngày hội 14 Juillet, quan Thượng-thư Nguyễn Đình-Hòe có khâm mệnh Nam-triều ra Hà-nội tặng

quan Toàn-quyền Baudoin đệ-nhất-đẳng Long-bội-tinh.

Nhân dịp ấy quan Toàn-quyền có mời quan Thượng đến xem cuộc điểm-binh [illegible]t và dự tiệc với các quan chức tại phủ Toàn-quyền bữa trưa hôm ấy.

∴

Hội quan-lại ái-hữu. — *Bản-chí tiếp được lai-cảo nói về một tin mừng trong quan-trường, vậy cứ y nguyên-văn đăng như sau này :*

Trong 15 năm nay, nhiều người ao-ước lập Hội quan-lại ái-hữu, vậy nay đã mãn nguyện còn độ 10, 15 hôm nữa thì thành-lập.

Sáng hôm 24 Juillet, tòa lâm-thời hội-đồng trị-sự có quan Thiếu Hoàng Hà-đông, quan Thượng Phạm Nam-định, quan Thượng Lê toà Thượng-thẩm, quan Thượng Từ Hải-dương, quan Tuần Nguyễn Hưng-yên, quan Tuần Lê Hà-nam, quan Huyện Hoàng Hữu-Đôn ở Bắc-ninh là tổng-thư-ký, đã vào yết-kiến quan Thống-sứ, thì ngài tiếp-đãi rất tử-tế, và đã nhận lời cho phép, — Các đơn xin phép và các giấy má về việc hội đã đệ ngay quan Thống-sứ thu nhận rồi, nay mai là thành-lập.

Việc lập hội này quan nguyên Khâm-sứ Tissot hết lòng giúp Hội, và các quan tòa lâm-thời hội-đồng trị-sự đều nhiệt-thành và quả-quyết cả, nên mới chóng thành-lập như thế. — Quan Thượng Lê Trung-Ngọc nhiệt-thành về việc này lắm, và ông tổng thư-ký cũng hết sức vận-động.

Thế là một cái đoàn-thể rất quan-trọng trong nước, nay đã có cơ-sở vững-vàng, để dồng-tâm hiệp-lực mà làm hết nghĩa-vụ và bảo-tồn danh-dự quan-trường cho xứng chữ thượng-lưu xã-hội.

Mục đích Hội có ba điều quan-trọng là :

1o Nghĩa-vụ.

2o Danh-dự.

3o Ái hữu, nghĩa là để bảo-hộ quan-trường.

Vậy các quan văn võ tại chức và hưu-trí, hoặc các thuộc-viên thông, kinh, bát, cửu, thừa-phái vân vân.... ai muốn vào Hội xin viết giấy ngay cho tổng-thư-ký là ông Hoàng Hữu-Đôn Tri-huyện Yên-phong Bắc-ninh, để kê tên vào sổ, rồi đệ lên quan Thượng Lê.

Hội này đã ao-ước lập 15 năm nay, đến bây giờ mới thành, chắc ai cũng vui lòng mà hoan-nghênh.

∴

Vấn đề Ấu-trĩ-viên. — Kỳ báo trước bản-chí đã nói về vấn-đề Ấu-trĩ-viên. Độ này trong các báo Tây Nam đều cổ-động tán-thành về vấn-đề ấy. Ngày thứ bảy 22 Juillet mới rồi hội Khai-trí-tiến-đức đã họp hội-đồng bàn định để trù-liệu phương-pháp thực-hành lập ra các Ấu-trĩ-viên ; là một điều rất cần-thiết rất bổ-ích về đường vệ-sinh, giáo-dục cho lũ anh-nhi còn thơ-ấu ở chốn hương-thôn.

Sáng hôm thứ tư 26 Juillet vừa rồi, quan Thống-sứ Monguillot, quan Nguyên Khâm-sứ Tissot, quan Thống-binh Sicre, quan Bác-sĩ Le Roy des Barres, quan Cai-trị Marty, quan cai-trị Manau, quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu cùng đến thăm Ấu-trĩ-viên vừa mới lập ra tại làng Phương-trung huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông.

Các quan đều khen ngợi Ấu-trĩ-viên làng ấy tuy sáng-lập còn nhỏ mà rất hợp với cách vệ-sinh, có thể giúp đỡ cho con trẻ trong làng có nơi ký-thác. Mong rằng các chốn thôn-quê đều trông cái gương tốt ấy mà lập ra các Ấu-trĩ-viên, trên nhờ có các quan tán-thành cho, thì chắc là các vườn Ấu-trĩ lập ra khắp trong nước ta sẽ chóng được khai-hóa kết-quả.

∴

Hội chợ Hanoi năm nay. — Năm nay Hội chợ Hanoi chắc là được vui vẻ hơn mấy năm trước nhiều. Các báo Tây, Nam đã đăng luôn luôn những lời khuyết-khích người trong ba kỳ nên đến dự cuộc

Hội chợ cho đông, vì rằng Hội-chợ mở ra là cốt để mưu-sự lợi-ích cho quốc-dân ta.

Nào những nhà đại-công-nghệ nước ta đâu! các ngài muốn cho kỹ-nghệ của mình được tiến-bộ và tiêu - thụ được nhiều, thì các ngài nên đến dự cuộc Hội-chợ Hanoi.

Nào những nhà đại thương - mại nước ta đâu! các ngài muốn cho sự buôn bán của mình được thịnh-vượng, thì các ngài nên đến dự cuộc Hội-chợ năm nay.

Nào những nhà đại-nông-nghi[illegible] nước ta đâu! các ngài muốn cho nông [illegible] của mình được tiêu-thụ, thì các ngài [illegible] đến dự cuộc Hội-chợ sắp có đây.

Nào những nhà du-lịch Nam-kỳ [illegible] kỳ và Cao-miên đâu! các ngài muốn thăm xứ Bắc-kỳ, thì nên đi vào dịp Hội - chợ năm nay từ mồng một đến rằm tháng chạp tây.

Kính tạ

Hiệu Mạc Đình-Tư mới xuất-bản quyển *Âm-chất-giải-âm*, quyển ấy nguyên là mộc-bản của ông Hoà-trai Đỗ Dư diễn giải bằng chữ nôm nói về chuyện thiện ác báo ứng; có gửi tặng bản-chí năm quyển, xin kính lĩnh tạ.

.·.

Bản-chí tiếp được ông Nguyễn-Bân tặng quyển Nữ-lưu danh-dự của ông mới xuất-bản, vậy xin có lời kính tạ.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Tờ biên-bản kỳ hội-đồng quản-trị họp ngày 22 tháng bảy tây. — Đúng 5 giờ chiều ngày 22 tháng bảy tây, các hội-viên hội-đồng quản - trị hội Khai - trí Tiến - đức họp tại nhà công-quán ở phố hàng Trống. Có quan Hoàng Trọng-Phu, Hội - Trưởng làm chủ-tọa.

Những viên sau này có mặt ở hội-đồng, các ông : Marty, Từ-Đạm, Phạm Văn-Thụ, Lê Trung - Ngọc, Nguyễn Năng-Quốc, Chế-Quang-Ân, Nguyễn Hữu-Thu, Trần Mỹ, Bạch Thái-Bưởi, Nguyễn Tất-Tế, Lê Văn-Phúc, Phạm Văn-Khoan, Trần Viết-Soạn, Nguyễn Kim-Lân, Trần Trọng-Kim, Nguyễn-Thành, Phạm Huy - Lục, Đỗ - Thận, Phạm Mạnh-Xứng, Hoàng Hữu-Đôn, Hoàng Quang-Hương, Lê Thành-Ý.

Những viên sau này có giấy cáo, các ông: Vũ Ngọc-Hoánh, Mai Trung-Cát, Nguyễn Hữu-Ích, Đào Huống-Mai Bùi Huy-Tín, Nghiêm Xuân-Quảng.

Những viên sau này đi vắng, các ông : Trần Văn-Thông, Phạm-Quỳnh, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Huy-Tốn.

Ông Nguyễn Quí-Toản quyền tổng thư-ký giữ việc giấy-má trong kỳ hội-đồng quản-trị.

Đúng 5 giờ chiều quan Hội-Trưởng khai Hội-đồng, nói rằng: Tòa trị-sự định mỗi tháng lập một tiệc để các viên hội hội-đồng quản-trị có dịp gặp mặt nhau và được lân - tiếp các quí-quan có chân hội-đồng bảo-trợ Hội ta. Khi yến tiệc có thể cùng nhau chia tư-tưởng và bàn những việc công - ích của Hội ta muốn thi-hành. Vậy tiệc đặt ra như thế chỉ là một dịp để ta gặp mặt nhau, sau khi hội-đồng hàng tháng, tôi muốn hỏi ý các ngài nên đặt tiệc mỗi tháng một lần hay hai tháng

một. Quan Từ Đạm Phó hội-trưởng và quan Nguyễn Năng-Quốc nói rằng: Ở các tỉnh đi lại khó, vì bận việc quan [illegible] không có thể tháng nào cũng về được, vậy thiết nghĩ nên cứ hai tháng đặt một tiệc thì phải hơn và tiện cho các hội-viên ở xa Hà-thành.

Ông Phó hội-trưởng Nguyễn Hữu-Thu nói rằng: Hội ta mới thành-lập, đang trù-tính thi-hành việc công-ích nên có nhiều dịp gặp mặt các qui-quan hội-viên hội-đồng bảo-trợ và ta cũng nên gặp nhau mà đàm-đạo việc công-ích, vậy nên cứ mỗi tháng đặt một tiệc.

Quan Marty thấy phần nhiều hội-viên không nhất định, cứ mỗi tháng hay là cứ hai tháng đặt một tiệc, nên ngài giải quyết rằng: Ngay bây giờ không có thể quyết định được, nên cứ theo kỳ hội-đồng quản-trị vào ngày nào thì ta lại định tiệc vào ngày ấy thì hơn.

Các hội-viên điều theo ý quan Marty.

Quan Hội-trưởng lại nói rằng: Các nước văn-minh có nhiều hội để khuyến-thiện trừ hại cho trong nước, lập thành hội-đảng rất đông-đúc rất có thế-lực. Hiện bây giờ thì trong nước ta có hội Khai-trí-tiến-đức ta có đủ các hạng người trong xã-hội là hội-viên, nếu mỗi hội-viên để tâm không tiếc đồng tiền hoặc thì-giờ mà giúp việc Hội thì Hội ta chóng được thịnh vượng. Vậy xin các ngài đồng tâm hiệp lực nhau mà theo cho tới mục-đích Hội, mà cổ-động cho Hội ta mỗi ngày một đông thêm. Nếu Hội ta mà đông hội-viên thì có thể làm được việc công-ích cho nước nhà, và nếu có điều gì muốn yêu-cầu Chánh-phủ thì Chánh-phủ Bảo-hộ cũng sẵn lòng nghe.

Quan Marty đỡ lời quan Hoàng-Trọng-Phu mà nói rằng: Ở các nước văn-minh có hội-đảng (ligues) lập ra để «trừ hại và khuyến-thiện» cho trong nước, mà những hội-đảng toàn là những nhà đại-gia, có danh-giá có thế-lực không thiết tư-lợi, chỉ vì công-ích mà đứng lên sáng-lập chủ-trì quản đốc thành hội rất có ích cho nước như là hội đảng để trừ cái hại rượu, hay là hội-đảng để bảo-trợ quyền-lợi cho việc gì như là hội-đảng bênh vực tàu bè đi bể v. v.

Ở bên An-Nam, ta đã lập thành hội Khai-trí-tiến-đức gồm những người có danh-dự, có thế-lực trong nước. Nếu các hội-viên mỗi ngày một đông mà nhiệt-tâm làm hết bổn-phận, cố theo đuổi cho tới mục-đích Hội thì Hội ta có thể thành ra một hội-đảng to đủ quyền-thế mà lo toan việc xã-hội một cách đắc-lực. Vậy bổn-phận các ngài nhất là hạng tân-tiến nên cổ-động giúp Hội đem mục-đích Hội mà diễn cho mọi người hiểu để cho có nhiều người vào hội cho đông; Hội ta bây giờ mới có độ 700 người, số ấy nên mong tăng lên 7000 người. Hội mà đông hội-viên thì thế-lực lại càng to.

Hội ta nên tìm cách mà trừ cái hại và khuyến khích cái hay. Trong nước Việt-Nam, có nhiều người khổ về việc bẩn-khốn, xem như trong các chốn nhà quê có nhiều trẻ con ốm đau tàn-tật, chỉ vì thiếu ít vệ-sinh, không có người trông-nom, vậy khi lớn lên đi học-hành sao hay được. Vậy tôi cùng quan Hoàng Trọng-Phu nghĩ nên đặt Ấu-trĩ-viên. Ông tổng-thư-ký sẽ đọc cho các ngài nghe vấn-đề thiết-lập Ấu-trĩ-viên và bản dự thảo về qui-tắc lập Ấu-trĩ-viên (xem trang đầu số báo này). Khi ông tổng-thư-ký đọc xong thì quan Hội-trưởng nói với các hội-viên rằng các ngài đã nghe bản dự-thảo về qui-tắc Ấu-trĩ-viên, vậy đến kỳ hội-đồng sau nếu các ngài có ý tưởng gì khác, xin các ngài cho biết để sửa lại cho thành bản qui-tắc Ấu-trĩ-viên.

Nhân tiện ngài lại nói chuyện cho các hội-viên biết rằng ngài đã thi-hành Ấu-trĩ-viên ở làng Phương-trung Hà-đông. Việc tổ-chức rất sơ-sài mà đã thấy hiệu-nghiệm có kết-quả.

Hội-đồng bàn luận một lúc rồi cùng thuận lập Ấu-trĩ-viên, định đến kỳ hội-đồng sau thì quyết định qui-tắc.

2° Hội-đồng duyệt y tờ biên-bản kỳ đại-hội - đồng ngày 14 tháng năm tây năm 1922.

3° Hội-đồng ưng thuận cho những người đã có giấy xin vào từ ba bốn tháng trước.

Việc linh tinh. — Quan Lê Trung-Ngọc nói rằng việc giá-thú sớm quá thật là một cái hại cho nước ta, ngài xin hội-đồng nên tìm cách gì mà trừ cái hại ấy, nghĩa là xin với Chính-phủ định lại tuổi giá-thú.

Quan Hội-trưởng và quan Marty đáp lại rằng biểu đồng - tình với quan Thượng Lê, nhưng bây giờ Hội ta hãy lập cho xong việc Ấu-trĩ-viên, rồi tổ-chức việc Hàn-lâm-hội và những việc đã trình với đại - hội-đồng. Ta nên cứ thứ tự mà làm, không có thể làm ngay mọi việc một lúc được. Quan Hoàng Trọng-Phu và quan Marty xin quan Lê Trung-Ngọc cùng các hội-viên hễ muốn nói về việc gì thì nên thảo một bản đưa trình hội-đồng quản-trị bàn luận.

Ông tổng-thư-ký trình rằng: Quan Nghiêm Xuân-Quảng gửi thư xin với Hội - đồng nên lập ngay Ấu-trĩ-viên, nhất là một sở chính ở Hà-thành hay là ở Hà-đông để rèn tập lấy bảo-mẫu. Ngài nói rằng về việc thi-hành thì các quan tại-chức và các hội - viên Hội ta có thể giúp được một phần lớn về việc lập Ấu-trĩ-viên. Còn việc trù tiền thì quan Nghiêm nói rằng nên xin nhà nước giúp đỡ đã hẳn rồi, nhưng Hội ta cũng nên lập sổ quyên riêng về việc Ấu-trĩ-viên, vừa quyên tiền vừa quyên các vật-liệu như thóc, gạo.

Ông tổng - thư - ký lại lược bức thư của ông Hoàng Hữu-Đôn về cho quan Marty. Trong thư rằng Hội ta lập Ấu-trĩ-viên [illegible] ích, nên tổ-chức ngay, nhưng ông huyện Đôn xét rằng việc ấu - học sơ-học ở chốn nhà quê cũng cần khoáng-trương, vả lại việc Ấu-trĩ-viên và việc ấu-học sơ-học đều là phổ-thông giáo-dục, đều quan-hệ về việc trí-dục đức-dục và thể - dục của những trẻ con ở nước nhà, vậy hai việc ấy nên cùng thi-hành.

Còn về việc trù tiền làm những việc ấy thì ông Hoàng Hữu - Đôn nói nên xin quan Thống-sứ cho phép Hội ta mở cuộc đánh số (loterie) lấy 30 vạn đồng bạc. Trong số tiền ấy trừ 5 vạn đồng cho những người đánh số, còn thì để riêng 20 vạn đồng bạc lập nhà trường trong các tỉnh, 5 vạn đồng để lập Ấu-trĩ-viên. Ông cũng xin Hội ủy người đi diễn - thuyết cổ - động về việc Ấu-trĩ-viên cùng việc vệ-sinh, sự học-thuật, văn minh Đại-Pháp.

Hội-đồng nghe đọc xong, thì chuẩn y lời quan Nghiêm Xuân - Quảng và ông Hoàng Hữu-Đôn xin.

Còn ba vấn-đề, hội-đồng không đủ thì giờ bàn đến, thì để lại kỳ hội-đồng sau.

Đến 7 giờ kém 10 phút, không ai yêu-cầu ngôn-luận việc gì nữa thì hội-đồng giải-tán.

Tổng-thư-ký
NGUYỄN QUÍ-TOÀN

Tiệc hàng tháng. — Hồi 8 giờ tối hôm ấy các quan viên hội-đồng xơi cơm tại công-quán Hội có mời quan Thống-sứ Monguillot và các quí-quan dự tiệc. Trong khi các quan xơi tiệc có phường nhạc của quan Thiếu Hà-đông, bòa mấy khúc nhạc rất hay, rất vui. Tiệc sửa theo lối tây, bày bàn chữ nhật, vị

thứ các quan viên dự tiệc, thứ tự mỗi bên như sau này:

Quan Thống-sứ Monguillot ngồi giữa, bên hữu có quan Nguyên Khâm-sứ, quan Tổng-đốc Từ Đạm, quan Đốc-lý Mourroux, quan Tuần-phủ Nguyễn Đình-Quỳ, quan Cai-trị Manau, ông tổng-thủ-quĩ Lê Văn-Phúc, quan Án-sát Lê Vân-Đình, ông Phạm Văn-Khoan, ông Trần Trọng-Kim, ông Hoàng Quang-Hương, ông Nguyễn-Đắc; Bên tả quan Thống-sứ thời có quan Đồng-lý kiểm-sát tài-chính Norès, ông Nghị-trưởng Nguyễn Hữu-Thu, quan Cai-trị Marty, quan Tuần-phủ Nguyễn Năng-Quốc, quan Tuần-phủ hưu-trí Hoàng Huy-Tường, quan Tuần-phủ Trần-Mỹ, ông Dương Bá-Trạc, ông Nguyễn Kim-Lân, ông Nguyễn Gia-Huy, ông Nguyễn Văn-Nho.

Trước mặt quan Thống-sứ thời quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu Hội-Trưởng hội Khai-Trí-Tiến-Đức ngồi giữa, bên hữu có quan Nguyên-soái Sicre, quan Tổng-đốc Lê Trung-Ngọc, quan ba Monet, quan Tổng-đốc Phạm Văn-Thụ, ông Đỗ-Thận, ông Kỹ-sư Nguyễn-Lễ, ông tổng-thư-ký Nguyễn Quí-Toản, ông huyện Hoàng Hữu-Đôn, ông Trần Viết-Soạn, ông Nguyễn-Thành; bên tả quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu, thời có quan Đốc-tơ Le Roy des Barres, ông phó hội-trưởng Bạch Thái-Bưởi, quan Đốc-học Bắc-kỳ Pujarniscle, quan Thiếu Đặng Đức-Cường, quan Tuần-phủ hưu-trí Chế Quang-Ân, quan Tuần-phủ hưu-trí Nguyễn Tấn-Cảnh, ông Năm-Sinh, ông Đào Huống-Mai, ông Phạm Huy-Lục, ông Lê Thành-Ý, ông Phạm Mạnh-Xứng.

Trong lúc đang tiệc và trong lúc xơi nước chè các quan viên trò chuyện rất là vui vẻ thân-mật, đến quá 12 giờ đêm mới giải tán.

Giấy xin vào hội. — Trong tháng Juillet có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

A. — *Xin vào chân chủ-trì*:

1. M. M. Nguyễn Ngọc-Phong, Conseiller Municipal à Hải-phong. do ông Nguuễn Hữu-Thu giới-thiệu.

2. — Hồ Quang-Viêm, représentant de la ferme des alcools indigènes à Đáp-cầu.

3. — Ngô Thế-Phồn dit Tiêu, Entrepreneur des transports en jonques, 49 rue du Riz Đáp-cầu. (Hai ông này do ông Ngô-thế Loan giới-thiệu.)

4. — Nguyễn Trọng-Khang, Compradore, 11 Avenue Général Bichot Hanoi. (do ông Trần Quỳnh giới thiệu.)

5. — Trần Công-Thuyết, Hàn-lâm viện Trước-tác. Phán-sự tòa Sứ Vĩnh-yên.

6. — Vương Chi-Chính, membre de la chambre consultative, làng Sơn-lộ, phủ Quốc-oai Sơn-tây.

7. — Bạch Văn-Ngô, Thầu khoán 15 phố Đồng-khánh Nam-định.

8. — Nguyễn Hữu-Như, Thầu khoán 50 phố Cầu-Gỗ Hanoi.

9. — Trương Đình-Giáp. Thầu khoán phố hàng Bạc N° 6 Hanoi.

10. — Phạm Xuân-Thịnh, secrétaire au Parquet général à Hanoi 58 rue du Papier Hanoi.

11. — Trần Văn-Ngọc, Interprète au Service Judiciaire. 2 Cité immobilière à côté de la Cathédrale Hanoi.

12. — Nguyễn Thái-Tua, Caissier de la maison Bạch Thái-Bưởi Hải-phòng (do ông Bạch Thái-Sơ giới thiệu).

13. — Ngô Trọng-Chi Entrepreneur à Đáp-cầu (do ông Ngô Thế-Loan giới thiệu).

14. — Hoàng Thúc-Hội, Cử-nhân 23

phố hàng Bồ, quán xã An-quyết, huyện Từ-liêm Hà-đông.

15. — Nguyễn Phan-Rũng, nghề làm ruộng ở Phả-lại (Sept Pagodes) Hải-dương.

16. — Trần Văn-Thanh dit Hưng-ký, Commerçant 5 Avenue Général Bichot Hanoi, (do ông Nguyễn Gia-Huy giới thiệu).

17. — Nguyễn Văn - Lân dit Ngọ, Comptable chez M. Berek Syndic 12 Rue du Papier Hanoi, (do ông Trần-Quỳnh giới thiệu).

18. — Nguyễn Đức-Thắng, Entrepreneur 142 rue de Bái-thượng Thanh-hoá, (do ông Hoàng Quang-Hương giới thiệu.)

19. — Vũ Văn - Giong, Adjudant indigène sous chef d'atelier, Aviation Bạch-mai 38 rue des Caisses Hanoi.

20. — Nguyễn Ngọc - Giai, làng Ngọc-lập phủ Mỹ-hào tỉnh Hưng-yên Hàn-lâm biên-tu, Secrétaire des Douanes et Régies Cát-bà.

21. — Nguyễn Văn-Lê, làng Phù-lưu tế, phủ Mỹ-đức Hà-đông, Secrétaire de l'intendence militaire des Coloniales Hai-phong.

22. — Nguyễn Văn - Khuông, thầu khoán Yên-ninh voie 88-35 Hanoi.

23. — Trương Văn-Thế, làm việc ở sở Lục-lộ, 44 phố hàng Bè Hanoi.

24. — Dương Văn-Đôi, làm việc ở sở Lục-lộ, 9 phố hàng Vôi Hanoi.

25. — Cao Đức-Nghĩa, Cultivateur à Vĩnh-yên (do ông Phạ[illegible] giới thiệu).

26. — Phạm Ngọc-[illegible] principal des Travaux P[illegible] du sông Tô-lịch.

27. — Trần Văn-Màng, Commis au Gouvernement Général Hanoi, (do ông Trương Minh-Sanh giới thiệu.)

28. — Nguyễn Giáp, Secrétaire principal des Travaux Publics 78 ter, Quai Clémenceau Hanoi.

39. — Hồ Đắc-Điềm, 65 rue Borgnis Desborde- Hanoi,

30. — Nguyễn Bá - Chính, 65 rue Borgnis Desbordes Hanoi.

31. — Vũ Tam - Phan. Chánh-tổng, làm ruộng, làng Tuân-kiết, tổng Phúc-cầu, phủ Bình-giang H[illegible]-đông.

32. — Hà Văn-Hành, Lý-trưởng, làm ruộng, làng Hòa-ung, tổng Bất-bế phủ Ninh-giang tỉnh Hải-dương.

33. — Nguyễn Trọng-Khang, Compradore 11 Avenue Général Bichot Hanoi (do ông Trần-Quỳnh giới thiệu).

34. — Trương Hoàng - Tĩnh, thầu-khoán, 6 phố hàng Bạc Ha-noi (do ông Bạch Thái-Sơ giới thiệu).

35. — Lê văn Quế, Thư-ký tòa Sứ Nam-định.

36. — Phạm Xuân-Tuyết, Phán sự tòa Đốc-lý, nguyên hội - Trưởng hội Trí-tri Hanoi.

B. *Xin vào tán trợ hội-viên* :

1° Trịnh Văn - Kiềm, négociant, 30 rucodheu'al Hanoi, do ông Hoàng-Quang-Hương giới thiệu.

Quan Hội Trưởng hội Khai - Trí Tiến-Đức mới gửi cho các hội-viên tờ đạt sau này :

Hà-nội ngày 31 Juillet 1922

Hội-Trưởng hội Khai-Trí Tiến-Đức kính đạt các ngài hội-viên hội Khai-Trí Tiến-Đức.

Thưa các ngài,

Tôi xin gửi lại các ngài một cái phiếu hội-viên tán-trợ hay là chủ-trì hội Khai-Trí Tiến-Đức ta. Cái phiếu này là một dấu hiệu riêng của các hội-viên, khi gặp nhau để quen biết, nhất là khi tới lui nhà công-quán thì những ủy-viên hội dễ phân biệt các hạng hội-viên với những người không có chân hội mà thường cũng qua lại nhà công-quán.

Tôi lại có nhời nói để các ngài biết rằng nhà công-quán ta đã mở gần được bốn tháng nay. Nhà công-quán ấy theo như điều thứ 26 ở điều lệ hội thời là một nơi hội-hợp để cho người có chân hội tới lui mà được tiện sẵn cả các cách tiêu-khiển hợp với mục-đích hội và không trái những lề-thói lịch-sự của xã-hội An-nam, như phòng ăn uống, phòng xem sách, phòng diễn-thuyết, đàm-đạo yến-tiệc v. v.

Nếu muốn tu - bổ trình đốn nhà công-quán hội ta thành một nơi trụ-sở có giá-trị như các nhà cercles tây tất phải tiêu đến tiền, nên cần phải có riêng số tiền để chi tiêu về việc hành-động nhà công-quán. Còn tiền ở quĩ hội ta thì lại để dùng riêng về việc công-ích của hội ta đang lục-tục thi hành.

Vậy chiếu theo nhời hội-đồng quản-trị xin, thì đại-hội-đồng các hội-viên hội ta họp ngày 14 tháng năm tây tức là ngày 18 tháng tư ta đã định rằng các hội-viên tán-trợ và chủ-trì ở Hà-thành thời mỗi ngài đóng 3 đồng bạc một năm, còn các hội-viên tán-trợ cùng chủ-trì ở ngoài thành-phố Hà-nội thì mỗi ngài đồng niên đóng 1 đồng bạc.

Vậy tôi xin các ngài gửi ngay món tiền đóng về việc kinh-phí nhà công-quán ấy nghĩa là hoặc 3 đồng bạc hoặc 1 đồng bạc về cho ông thủ-quĩ nhà công-quán là ông Nguyễn-đình-Cường dit Thành, Commis à la Compagnie des Chemins de fer de l'Indochine et du Yunnam à Hanoi.

Tôi xin trích đính điều 26, 27 ở điều lệ hội ta mới sửa đổi lại để các ngài xem.

Kính đạt

Nhà công-quán

Điều thứ 26. — Nhà công-quán theo điều thứ 3 trong Điều-lệ này định lập tại Hà-nội thời đặt tên là « Khai-trí Tiến-đức Hội Công-quán » (*Cercle de l'AFIMA*). Nhà công-quán ấy làm một nơi hội-họp để cho người có chân Hội tới lui mà được tiện sẵn cả các cách tiêu-khiển hợp với mục-đích Hội và không trái với những lề-thói lịch-sự của xã-hội An - nam như phòng ăn uống, phòng đọc sách, phòng diễn-thuyết, đàm-đạo, yến-tiệc, v. v.

Phàm người có chân Hội thời được vào công-quán, miễn là phải góp tiền theo như điều thứ 27 sau này.

Song có đặc-cách cho học-sinh trường Đại-học hễ có chân chủ-trì hay thường-hội-viên rồi thời không phải góp tiền nữa.

Điều thứ 27. — Việc kinh - phí trong công-quán do các khoản như sau này :

1o Tiền góp hằng năm về công-quán do hội-đồng quản-trị định ; tiền ấy phải nộp trước.

2o Những hội-viên tán-trợ và chủ-trì ở Hà-nội hoặc ở các nơi thì cả năm phải đóng tiền ấy.

Những hội-viên tán-trợ và chủ-trì thì có một cái phiếu vàng ; còn những học-sinh cao-đẳng được đặch-cách vào nhà công-quán theo điều thứ 26 thì có một cái phiếu đỏ.

Những phiếu ấy dùng riêng cho từng người, những người có phiếu ấy mới được hưởng những cách tiêu-khiển đã kể trong

điều-lệ Hội như là các cuộc chơi, xem nhật trình, xem sách, đến phòng ăn uống v. v...

Những hội-viên chỉ được quyền-lợi ấy thôi, còn những khí-dụng về các cuộc chơi thường hay là cuộc chơi thể-thao như là cái vợt (raquettes) quả bóng đánh q kiếm, gươm cùng các khí-dụ v. v...., phải sắm lấy mà dùn gả các giáo-sư dạy các mĩ-ng dấu-võ ở tại nhà công-quán cũn

Cải chính

Trong tập kỷ-yếu in ở Nam-Phong số 59 đăng tên các hội-viên hội-đồng Quản-trị, có bỏ thiếu tên hai ông hội-viên Nguyễn Văn-Vĩnh và Phạm Duy-Tốn nay cải chính thêm vào cho đúng.

Đổi chỗ ở. — Xin các ngài hội-viên hội Khai-Trí Tiến-Đức khi đổi chỗ ở làm ơn viết giấy báo cho toà thư-ký hội biết để tiện gửi thư-từ.

Bài vấn-đề Ấu-trĩ-viên số 60, trang 434, dòng thứ 18, thuộc về tên người chữ : « *Phạm-Trọng-Yêm* » đổi là chữ « *Văn-Ngạn-Bác* » ; và bài Ấu-trĩ-viên-ca trong kỳ này trang 9 câu thứ 17 chữ « *Phạm-Văn-Chính* » đổi làm chữ « *Văn Tề-trường* ».

Tiểu-tượng cụ Mai Trung-Cát
Thái-tử thiếu-bảo, Hiệp-tá đại-học-sĩ
Tổng-đốc Tri-sĩ Văn-tân nam
Hội-viên quản-trị Hội Khai-trí Tiến-đức

Chư ông chư bà có lòng lạc-quyên sô tiền bao nhiêu cũng là phương danh qui-tính sẽ theo thứ-tự lăng lên Nam-Phong tạp chí ; Nam-Phong lại đăng rõ cả các sô tiền ấy đem cấp cho những Âu-trĩ-viên làng nào. Như thế thì Nam-Phong tạp-chí lập thành ra một cái biểu chi-thu cho Âu-trĩ-viên, để cho mười mắt đều trông, mười tay đều trỏ, những tiền làm phúc không sai-suyễn đi đâu chút nào.

Cuộc lạc-quyên này, ngài nào lạc-quyên bằng tiền-bạc hoặc bằng trái-phiếu Đại-Pháp và Đông-Pháp, bản-hội đều nhận cả.

Hội Khai-trí-tiến-đức định rằng các bảo-mẫu phải dạy trẻ con đọc những bài ca và thơ mà hội sẽ đặt để ca-tụng công đức các nhà tư-thiện đã giúp vào công cuộc Âu-trĩ-viên.

Hội sẽ nhân tết Trung-Thu mà đặt một tiết kỷ-niệm các công đức ấy. Những trẻ con ở Âu-trĩ-viên đọc các bài ca-tụng ấy thì công đức các bực ân-nhân hẳn thấu đến qui-thần.

Vậy các ông các bà nên quyên tiền giúp vào Âu-trĩ-viên để được hạnh phúc.

Trẻ con bên giáo cũng sẽ được phép nhà chung cho cầu-nguyện các nhà tư-thiện theo đạo Thiên-chúa

KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

CUỘC LẠC-QUYÊN ẤU-TRĨ VIÊN

Hỡi đồng-bào! Đàn con ấu-trĩ là đàn con chung một họ nhà Hồng, là đàn con chung trong xã-hội; ôi! đàn con ấu-trĩ kia, mà phải nghèo khổ bỏ liều, trách-nhiệm ấy nào phải riêng một mình ai; đàn con ấu-trĩ kia, mà được mạnh mẽ sáng khôn, hạnh-phúc ấy cũng là hạnh-phúc chung trong xã-hội; đồng-bào ta, ai là chả sẵn lòng từ-ái, giúp của, giúp công, mong tạo-phúc cho cuộc Ấu-trĩ-viên. Nay hội Khai-trí-tiến-đức mở ra một cuộc lạc-quyên suốt cả trong nước là một cuộc vĩnh-viễn mãi về sau. Kể bắt đầu từ tháng chín tây này trở đi, quí-ông quí-bà, hàng-tâm hằng-sản, có lòng thương đến đàn ấu-trĩ ở chốn thôn-quê, kẻ ít người nhiều, ai muốn giúp vào việc công-đức này, kẻ trước người sau lúc nào cũng được.

Hỡi đồng-bào! ai là người nhờ hạnh-phúc mà được trúng sô, nhờ hồng-vận mà được phát-tài, cũng nên nghĩ thương đến nòi giống nước nhà, xẻ chút hạnh-phúc riêng của mình mà lạc-quyên cho cuộc tế-độ chung trong nước.

Hỡi các bà! làm phúc nào bằng việc làm phúc này, xưa nay các bà vẫn sẵn lòng từ-bi phúc-đức, nay các bà há lại chẳng lạc-quyên ít nhiều để tạo-phúc cho lũ con trẻ trong Ấu-trĩ-viên hay sao? các bà mở lòng công-đức thực là phúc-đẳng hà-sa!

Hỡi các ông! giàu có dư tiền dư của, há lại chẳng nghĩ thương đến nòi giống mà giúp đỡ cho ư? các ông lạc-quyên về cuộc Ấu-trĩ-viên tức là để phúc lại mai sau cho con cháu.

Chư ông chư bà có lòng lạc-quyên đa-thiểu thế nào xin cứ gửi về cho ông Tổng-thủ-quĩ hội Khai-trí-tiến-đức là ông Lê-Văn-Phúc, Đông-kinh ấn-quán, số 82 phố hàng Gai, Hà-nội